

Ăn cây nào rào cây này



Hằng ngày răng giúp ta
nuôi dưỡng cơ thể, răng
đau là ta khổ.

Vậy răng là những
viên ngọc quý cần được
ta săn sóc và bảo vệ.
Quý vị hãy giao
trách nhiệm này cho
thuốc đánh răng

Perlón

Có ly từ FLUOR
mẫu nhiệm
bảo vệ ngà răng
chống sâu răng.

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

171

1.5.66

- Bức thư Paris **NGUYỄN VĂN CỒN**
- Thần thoại Hy Lạp La mã . . . **ĐÀM QUANG THIÊN**
- Titian, thiên tài hội họa Ý . . . **LÂM TÙNG SINH**
- Người Việt cao quý **THIỆU-SƠN**
- Đốc Ngữ, người chiến sĩ sông Đà
75 năm về trước **PHẠM VĂN SƠN**
- Cái chết của một người
đàn ông độc thân (truyện) . . . **HOÀNG HẢI THỦY**
- ★ Tuấn, chàng trai nước Việt . . . **NGUYỄN-VỸ**
- California và lịch sử đi tìm vàng **THÁI BÌNH DƯƠNG**
- Bà Indira Gandhi **DIỆU HUYỀN**
- Vài nhận xét về triết lý
« nổi loạn » của Albert Camus **MỸ-TÍN**
- Đùa dai (truyện khôi hài) **TRỌNG TÁU**
- Vượt bề (truyện) **LÊ HƯƠNG**
- Phê bình sách : 10 ngày phép **LAN-ĐÌNH**
- ★ Lửa tình (truyện dài) **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
- Cụ Phan Chu Trinh, với bài thơ
« Chí-thành Thông thánh » . . . **TRẦN NHÂM THÂN**
- THƠ : **ĐÀO THANH KHIẾT, TỔNG MINH PHỤNG**
MỘNG VIỄN CỔ HƯƠNG, NGUYỄN VẠN HỒNG

(xem mục lục đầy đủ ở trang 4-5)

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN HOA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ SỐ 171 ★ 1-5-1966

1.— Quan Thế Âm (thơ)	Nguyễn-Vỹ	6
2.— Thư gửi anh Nguyễn-văn-Cồn.	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
3.— Bà Indira Gandhi	Diệu-Huyền	10 — 12
4.— Titiên, hội họa Ý	Lâm-tùng-Sinh	13 — 17
5.— Cự Phan chu Trinh với bài « Chi thành thông thánh »	Trần Nhâm Thân	18 — 22
6.— Hôm nay trời đẹp (thơ)	Đèo thanh Khiết	23
7.— Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	24 — 29
8.— Thân thoại Hy-Lạp	Đàm-quang-Thiện	30 — 37
9.— Tuyệt hận (thơ)	Mộng Viễn Cổ Hương	38
10.— Cái chết của một người đàn ông (truyện)	Hoàng Hải Thủy	39 — 45
11.— Vài nhận xét về triết lý « nổi loạn » của Albert Camus.	Mỹ-Tín	46 — 49
12.— Người Việt cao quý	Thiếu-Son	50 — 54
13.— Bài ca Bạch Vân (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt	55

14.— Đốc Ngừ, người chiến sĩ sông Đà	Phạm-văn-Son	56 — 68
15.— Vượt bể (truyện)	Lê-Hương	64 — 71
16.— Trong mù (thơ)	Tống-minh-Phụng	72
17.— Đọc thơ Hồ Dzếnh	Trần-tuấn-Kiệt	73 — 76
18.— Phê bình sách: Đọc 10 ngày phép.	Lan-Đình	77 — 82
19.— Đùa dai (truyện khôi hài)	Trọng Tấu	83 — 90
20.— Hành hương chiều thứ năm (thơ) Nguyễn-văn-Hồng		91
21.— California và lịch sử đi tìm vàng Thái Bình Dương		92 — 102
22.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	103 — 107
23.— Nhớ Nguyễn-Bình	Té-Xuyên	108 — 113
24.— Lửa tình	Trần-tuấn-Kiệt	114 — 116
25.— Thư bạn đọc	P.T.	117 — 130



* Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
* Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
* Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
* Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

• Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG-NAI, 270, Đê-Thám — Saigon

• Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
• Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

Quán-Thế - Âm

* NGUYỄN-VỸ

Đấng Mẹ Dịu lành Quán-Thế-Âm
Tâm thanh cứu nạn, Đại-Bi tâm.
Lái thuyền Pháp-độ về An-lạc,
Rưới giọt Cam-lồ tẩy ác-xâm.
Kiếp-kiếp sinh-linh sâu khỗ-lụy,
Như-Như, Bồ-tát thế hoằng-thâm.
Non-Sông máu lửa buồn tang-tóc,
Nước-mắt tràn dâng đĩnh khới trầm.

(Ph. d. TÂM-TRÍ)

Thu gửi :

anh NGUYỄN

VĂN

CỒN

* NGUYỄN-VỸ (Paris)

Anh Nguyễn-văn-Cồn thân mến,

DÀO này thư-tin lưu-thông rất chậm. Chiến tranh làm bé-trẻ mọi hoạt-động trong cuộc sống chật-vật hằng ngày của dân-tộc. Chỉ trừ những kẻ sống nhờ vào chiến-cuộc, hoặc lợi-dụng binh-đạo, đầu-cơ máu lửa, hốt đô-la là nhanh chóng mà thôi.

Thư anh đóng dấu Bưu-điện Paris ngày 10-3 mãi 21-3 mới đến tay tôi. Thư các bạn ở Mỹ, Nhật, Phi-Luật-Tân, Tây-Đức gửi về cũng chậm mất nửa tháng. Tôi sợ anh đọc thư này sớm nhất cũng 10 ngày sau khi Phô-

Thông được phát-hành ở Sài-gòn. Nhưng thời, không sao; nhân-nại vẫn là một đức-tính truyền-thống của người Việt-Nam, và trong lúc chiến tranh kéo dài vô hạn-định, viễn-ảnh hòa-bình chưa biết bao giờ mới lú dạng ở chân trời, nhân-nại đã trở nên một khi-giới cần-thiết để chống lại bi-quan và chủ-bại.

Dân tộc Việt-Nam đang chịu đựng những thử-thách lớn-lao chưa từng có. Suốt trong Lịch-sử hai nghìn năm chống ngoại-xâm, luôn luôn những kẻ địch của ta, dù mạnh hơn ta bội phần, cũng đã phải lùi bước trước sự đoàn-kết mãnh-liệt của toàn thể khối dân đồng tâm nhất trí chống giặc để bảo vệ giang-son. Những anh-hùng Lịch-sử đã chiến thắng oanh-liệt không phải chỉ nhờ tài thao-lược của họ mà thôi, mà trước nhất là nhờ tình đoàn-kết không lay-chuyển của cả một khối dân luôn luôn ủng-hộ Chánh-nghĩa Quốc-gia. Ngày nay, nếu ở tiền-tuyến, toàn thể chiến-sĩ anh-dũng đều tiếp tục ngày đêm hăng-hái làm nhiệm-vụ thiêng-liêng của người con Đất Nước, thì trái lại, ở hậu-phương tình đoàn kết nhân-dân đã thành như một bờ đê mong-mạnh bị sụp vỡ nhiều nơi, gây ra không biết bao nhiêu tai-họa. Không những đời sống của đồng-bào đã bị đe-dọa trầm trọng bởi những xáo-trộn quá-khích, vô trách-nhiệm, gần như vô chính-phủ, bất-chấp kỷ-luật, mà đến cả Tự-dô dân-chủ và Độc-lập Quốc-gia cũng lâm nguy một cách rất đáng lo-ngại.

Một bên, nhà cầm quyền thiếu kinh-nghiệm chính trị, khó giữ được uy tín và không nắm vững quần-chúng, thiếu sáng suốt trước những vấn-đề phức-tạp gây ra do nhiều ảnh-hưởng bí-mật ở trong và ở ngoài mà chánh-quyền không có đầy đủ phương tiện kiểm soát chặt-chẽ và hiệu-nghiệm.

Một bên là nhân-dân, thì các tôn-giáo vẫn gờm nhau, các đảng-phái vẫn ngờ nhau, có khi phá-hại lẫn nhau, mặc dầu trên nguyên-tắc họ vẫn đồng quan-điểm « chống Cộng », « diệt Cộng ».

Vì vậy các cuộc tranh-đấu lẻ-tẻ thường nhuộm màu-sắc cá-tính riêng của mỗi tập đoàn, ít khi được sát cánh nhau thành lực-lượng toàn thể, để đạt mục-phiêu chung. Nếu có một vài thành-công nho-nhỏ, kết quả của một cuộc hành-động rời-rạc nào đó thiếu khả-năng tổ-chức và thiếu thống-nhất nội bộ, thì chính đó lại là một thất-bại lớn đối với Đại-nghĩa Quốc-gia và quyền lợi chung của Dân-tộc. Do đó, địch thường lợi-dụng mọi cơ-hội len-lỏi vào hàng-ngũ, đôi khi lợi-dụng cả các phần-tử lưng-chùng thích đi hàng hai, để họ nắm thế chủ-động trong các cuộc xáo trộn gây tình-thế bất-ôn và bất an-ninh.

Anh Cồn, anh muốn biết rõ về hiện tình bẽ-bối trên mảnh đất 12 triệu người này, thì đây, những nhận xét khách quan của một kẻ đã đứng hẳn ngoài cái vòng lẩn quẩn và bi-kịch **máu lửa, xôi thịt, đồ la.**

Bạn anh,
Nguyễn-Vỹ

Bà Indira GANDHI

THỦ-TƯỚNG ẤN-ĐỘ

làm chúa tể

một nước có 480 triệu dân-ông



Năm 1966, một người dân Ấn-độ nổi bật trên chính trường Thế giới, Bà Indira Gandhi, con gái của cố Thủ-tướng NEHRU.

NĂM nay bà 48 tuổi. Ở góa từ năm 1959, nhưng từ nhiều năm trước bà đã ly-thân với chồng, Feroz Gandhi, một nhà chính-trị không đồng tư-tưởng với bà. Bà có hai con trai, Rajiv và Sanjav, hiện cả hai đều là sinh-viên Đại-học ở nước Anh, ít khi về thăm quê nhà. Bà không có hạnh-phúc gia-đình, hầu như không chú-trọng đến gia-đình, và sống cuộc đời cô-đơn. Từ ngày thân-phụ của bà, Thủ tướng Nehru, qua đời sau 17 năm xây-dựng một Ấn-độ độc lập và hùng-cường, có uy-tín vào bậc nhất trên thế-giới, thì bà Indira Gandhi càng cô-độc hơn nữa. Nhất là bây giờ bà được Quốc-hội Ấn-độ đặc-biệt tin-nhiệm mời bà lên làm Thủ-Tướng, sự giao-thiếp của bà phải theo các thủ-tục nghi-lễ, bà càng sống xa-vời, quạnh-hiu, không còn được tiếp-xúc tự-do với bạn hữu, gia quyến, xã-hội, nhân-dân như trước nữa. 48 tuổi, bà chưa già, và có sắc đẹp huyền-ảo của người phụ-nữ Ấn-độ, nhưng bà ít trang điểm, y-phục giản-dị theo lối một đàn-bà trưởng giả trung-lưu. Bà không thích mặc « đồ đầm ».

Năm vận-mệnh một Quốc-gia vĩ-dại có 480 triệu dân dân ông, bà Thủ-tướng Indira Gandhi vẫn có một nếp sống khiêm nhường, từ-tốn, điệu-lành. Bà rất ghét chiến-tranh, và từ ngày lên ghế Thủ-tướng Ấn-Độ bà cố công vận dụng mọi phương tiện để xây-dựng hòa-bình. Bà ký hiệp-ước thân-thiện với Hồi-quốc (Pakistan), kẻ thù số 1 của Ấn-độ.

Tay cô Đình Thủ-tướng trang-hoàng lộng-lẫy ở số 10 Đại-lộ Jan Path để bà ở, bà chỉ đến đây làm việc rồi thì về nhà riêng, một biệt thự nho-nhỏ, xinh-xắn, nơi đây bà vẫn sống cuộc đời ẩn-dật, cô-độc, với cỏ hoa trong vườn.

BÀ INDIRA GANDHI

Sau những giờ lo việc quốc-gia, quốc-tế, bà về nhà sửa sóc mấy khóm hoa hồng hoặc chơi với ba con chó của bà, tên là Madhu, Putli, và Pepita, như một cô gái còn ngây thơ. Tuy có một người làm vườn, nhưng luôn luôn bà tự sửa sóc vườn hồng trừ danh của ông Nehru để lại, và lúc nào cũng nhớ những ngày ông cụ còn sống rất cung hoa hồng, mỗi buổi sáng tự tay ngắt một cành cắm vào túi áo trên của cụ.

Bà vừa làm Thủ-tướng, vừa được bầu làm Chủ tịch Đảng Quốc-hội, mỗi ngày bà làm việc 18 tiếng đồng hồ. Bà không thích đi xe hơi Huê-kỳ như tất cả các bộ-trưởng của chính-phủ, mà chỉ ngồi trong chiếc xe « Ambassador » của Ấn-độ, một loại xe thường.

Bà không theo tôn-giáo nào cả, cũng như thân phụ của bà, và hoàn-toàn đứng ngoài-cuộc để giữ chính sách vô-tư đối với tất cả các giáo phái. Bà ít đọc sách, thỉnh-thoảng đọc vài quyển tiểu-thuyết trình-thâm của Agatha Christie, hoặc đọc các truyện dài của J.P. Sartre và Simone de Beauvoir.

Bà thích âm-nhạc ngoại-quốc, nhất là của Anh và Mỹ, và không ưa âm-nhạc Ấn-độ. Bà ăn theo lối Ấn-độ, nhưng không chịu được các vị cay, bà thích các món ăn ngoại-quốc hơn.

Đầu tháng 4-1966, Bà Indira Gandhi đi viếng thăm các thủ-đô Paris, Washington, Moscou, London, để vận-dộng một hòa-bình danh dự ở Việt-nam.

Chúng tôi cầu chúc bà Thủ-tướng thành-công theo ý-nguyện của nhân-dân Miền Nam và của toàn-thê Thế-giới tự do.

* ĐIỀU - HUYỀN

TITIEN

thiên

tài

hội - họa

Ý

* LÂM - TÙNG - SINH

THỜI Trung cổ, ở bên Âu Châu, những văn nhân nghệ sĩ có thiên tài được các vị đế vương yêu chuộng kính phục không phải là ít. Song trường hợp của nhà danh họa Ý Titien dưới đây thật là độc nhất vô nhị, làm cho giới nghệ sĩ về vang vô cùng.

Một ngày nọ, tại Augsburg, trong cung điện của hoàng đế Charles Quint, họa sĩ Titien đang cầm cúi trước giá vẽ. Bỗng ông

ta đánh rớt cây cọ xuống đất. Tức thì Charles Quint — lúc đó đang là một vị hoàng đế quyền uy, thống trị nhiều quốc gia Âu châu, vội chạy đến cúi lượm cây cọ đưa cho Titien.

Đối với Titien, Charles Quint biểu lộ sự mến phục vô bờ bến. Vị hoàng đế này đã phong cho họa sĩ chức bá tước danh dự và còn cất nhắc con cháu Titien lên hàng quý tộc.

Trước các mặt triều thần,



Charles đã nói câu nói bất hủ dưới đây :

— « Trăm có thể tìm được hàng trăm, hàng ngàn bá, tử tước, nhưng không thể kiếm được một thiên tài Titien thứ hai. »

Lúc sinh thời, người nghệ sĩ này đã được hưởng một hoàn cảnh may mắn và thuận tiện nhất, khiến cho tài năng phát triển và tiếng tăm vang dội : Cả ba bậc tiền bối Michel-Ange, Léonard de Vinci và Raphaël cùng qua đời trước Titien, để Titien một mình chiếm ngôi vị độc tôn trong ngành hội họa Ý thời bấy giờ. Các vua chúa ở bên Âu Châu đua nhau cho sứ giả đi mời Titien đến vẽ tranh cho họ.

Thiên tài của Titien là một thứ thiên tài phi thường bao quát tất cả mọi môn về ngành hội họa. Ông ta có thể vẽ từ những bức tranh Vệ Nữ hấp dẫn đến những bức đại đồ tôn giáo nghiêm trang, những bức tranh lớn ghép lại tả rõ những diễn biến của một trận chiến v.v... Ông ta cũng còn là một nhà truyền thần tài giỏi. Chính các họa sĩ đương thời và hậu bối như Van Dyck, Rubens, Rembrandt, Vélasquez không

hiều thì ít cũng chịu ảnh hưởng bút pháp của Titien.

Và cho cả đến ngày nay, khi nói tới màu sắc hoe vàng ở Venise, người ta nghĩ ngay đến mái tóc huyền ảo óng ánh của người đàn bà trong bức tranh lụa của Titien.

Tiểu sử của Titien

Họa sĩ Titien tên thật là Tiziano Vecellio, sinh năm 1477 tại Pieve-di-Cadore (vùng núi Alpes, Ý), giòng dõi quý tộc, đã từng sản xuất cho nước Ý nhiều vị quan toà và sĩ quan danh tiếng. Người ta thuật lại rằng, ngay từ khi hồi mới lên 7 tuổi, Titien đã tỏ ra có khiếu hội họa : vẽ được một bức tranh « Thánh mẫu của Nhi đồng » trong phòng ngủ của ông ta bằng cách nhặt các thứ hoa ép nhựa làm màu sắc.

Tuy thân phụ Tiziano không được khá giả lắm, song nhận biết thiên tài của con, ông bèn gửi Titien đến nhà một người em họ ở Venise, cho theo học nghề hội họa.

Sau khi học vẽ và phân biệt

màu sắc, Titien vào tập sự trong xưởng của họa sư Giovanni Bellini. Qua con mắt tinh tế, Bellini nhận biết ngay ưu khuyết điểm của môn đồ : giỏi về màu sắc và dốt về hình thể. Họa sư bắt buộc Titien phải chăm chú học hỏi về hình vẽ. Nhưng người đã khai thác cho thiên tài Titien, tạo cho Vecellio trở thành bất tử, lại là một họa sĩ khác, tên Giorgione. Giorgione chống đối lối họa quá gò bó của Bellini, mà thiên về phát tự nhiên, thấy sao vẽ vậy. Ông thích họa phái của Giorgione, Titien bèn giả từ Bellini, để đi theo nhà danh họa này.

Đồng sở thích đồng sở trường, những bức tranh của Giorgione và Titien rất giống nhau đến nỗi có nhiều nhà sành sỏi cũng không phân biệt rõ được bức nào là của thầy bức nào của trò.

Một ngày kia, Giorgione nhận vẽ một bức bích họa lớn cho một hãng buôn (Fondaco dei Tedeschi,) và ông ta phụ trách phía mặt tiền trông ra Sông đào lớn, còn Titien thì được giao cho vẽ mặt sau của hãng buôn, trông ra một ngõ hẻm. Trong thời gian hai thầy trò làm việc, dân chúng đi ngang qua đều dừng lại, túm năm tụm ba xem ngắm và phê bình.

Sau cùng, khi công việc hoàn thành, lại chính tác phẩm của Titien được công chúng khen ngợi nhiều hơn.

Sau nhiều lần bị mất mặt, Giorgione đâm ra hờn oán Titien, và tình thầy trò dần dần bị rạn nứt rồi sau đi đến chỗ đoạn tuyệt hẳn. Nhưng hai năm sau, khi Giorgione chết, chính tay Titien đã hoàn thành nốt những tác phẩm dở dang của ông ta.

Và ít năm sau, đến lượt Bellini qua đời, Titien được chính thức tôn là họa sĩ số một của Venise.

Bức danh họa đầu tiên quan trọng đến sự nghiệp Tiziano là bức « Lễ Thăng Thiên » vẽ cho thánh đường Frari. Tác phẩm vĩ đại này — dài 7 thước, cao 4 thước — trình bày những hình ảnh to lớn nổi bật bằng các màu sắc chói lọi. Có thể bảo là cả thành phố Venise tới chiêm ngưỡng bức đại đồ này, song chỉ có ít người vỗ tay tán tụng. Thoạt tiên, các giáo đồ, thất vọng, định rút bớt số tiền thù lao của Titien, nhưng họ lại thay đổi ý định khi thấy các họa sĩ từ khắp nơi đổ xô đến để học hỏi và sao chép đại đồ ; nhất là trong số người dự khán lại có một Sư giả



của quốc vương Ý mang một túi vàng đến nài mua lại bức tranh. Tức thì, ban quản trị của thánh đường Frari vội xia đủ số tiền đặt giá trước cho họa sĩ.

Từ đó, Titien phấn khởi làm việc trong thế giới màu sắc của ông ta. Khác hẳn các đồng nghiệp tiền bối và đương thời thường cẩn thận thử màu trên các bản phác họa, Titien pha trộn trực tiếp ngay trên bức tranh đang vẽ. Ông

đồ dày sơn lên tấm vải rồi dùng bàn chải, mũi dao và sau cùng bằng ngón tay để hoàn thành sự chế biến màu sắc.

Riêng về màu da người, phương pháp của Titien đem lại kết quả tuyệt diệu. Thoạt tiên, ông phết màu đỏ lột (rouge de chair) lên vải trắng, rồi chế thêm một chút màu xanh dương và xanh lá cây khéo đến nỗi. Sau khi hoàn thành, màu da người trong bức

tranh trở nên sống động đến nỗi người ta có cảm tưởng trông thấy tất cả các mạch máu và các lỗ thông hơi trên da. Có thể nói về môn hội họa khoa thân, không có một họa sĩ nào vẽ tuyệt tác linh động hơn Titien được. Nghệ thuật của Tiziano là thứ nghệ thuật họa những tác phẩm sống, chứ không phải để vẽ những bức tượng đá.

Lúc đó, giữa thời kỳ phục hưng Venise vẫn còn được tôn sùng là kinh đô tráng lệ nổi danh bậc nhất về khoa học và nghệ thuật, nên được du khách từ khắp các quốc gia tìm đến xem ngắm và học hỏi. Tên tiếng của Titien cũng nhờ đó mà được vang lừng lan rộng. Khắp các triều đình đều lấy làm vinh dự khi mời được họa sĩ đặt chân đến.

Về đời sống cá nhân, Titien cũng tỏ ra là một người chồng tốt, một người cha hiền, một người bạn chân thật và trung thành. Phần nửa sau của cuộc đời trù phú, Titien bỏ nhiều tháng năm để đi từ cung điện này sang cung điện khác; ông vẽ lên tường đủ mọi loại, mọi kiểu tranh đầy màu sắc, nhất là hình ảnh các ông vua, bà chúa, các vị hồng y. Ngay cả đức Giáo Hoàng cũng mời họa sĩ truyền thần long nhan. Mỗi khi ông trở về Venise, đạo

phổ phường trong y phục của một nhà quý tộc, dân chúng vui vẻ chào đón tỏ lòng ái mộ. Có thể nói: Mọi hình ảnh đều lu mờ trên đường đi của Tiziano Vecelilio. Khi quốc vương Pháp Henri đệ tam sang viếng Venise, thú vui duy nhất của ông vua này là đứng xem Titien làm việc trong xưởng vẽ.

Nhà đại nghệ sĩ sống khỏe mạnh đến năm 99 tuổi mới mất, và trong những năm cuối cùng của cuộc đời, ông Titien hãy còn say mê sáng họa. Bức danh họa « Nữ thần và mục tử » (Nymphes et Berger) là một trong những tác phẩm cuối cùng của Tiziano.

Ông Titien chết giữa thời kỳ Venise bị một thiên tai giáng họa: bệnh dịch hạch làm thiệt mạng 50.000 người, nghĩa là 1/4 dân số. Tuy thế, dân chúng ở cái kinh đô đang thời kỳ tang tóc cũng dành cho Titien những nghi lễ thật long trọng. Linh cữu ông được an táng trong phần đất của giáo đường Frari, nơi ông đã tự tay tô điểm bằng những bức tranh muôn màu sắc.

Và cho đến ngày nay, ngót 6 thế kỷ trôi qua, họa phẩm của Titien vẫn còn tồn tại và ngày thêm sáng chói, như thiên tài bất tử....

thi ca ái - quốc:

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

của cụ Phan - Chu - Trinh.
làm tại Bình - Định

* TRẦN - NHÂN - THÂN

THEO lịch sử đã ghi thi đất Bình định ngày nay, xưa kia thuộc của Chiêm thành, nhưng đến đời vua Chiêm là Trà Toàn đem binh đánh phá đất Hóa-châu của nước Nam thì bị vua của nước Nam là Lê - thánh - Tông (1160-1497) tự cầm quân chống lại. Quân Chiêm đại bại. Thừa dịp chiến thắng này, vua Thánh-Tông đem binh tiến đánh chiếm thành

Đồ Bàn (Vijava) (1) là Kinh đô cuối cùng của Chiêm-Thành, đó là năm Canh Thìn (1470), năm Hồng-

(1) Đồ-bàn (Vijava): cũng có tên là Phật-thệ hay Tân-châu, Thành này tên thật là Chà Bàn, viết sai thành Đồ Bàn; có người lại đọc là Xà-bàn vì chữ Đồ tự điền vào âm là Đồ vừa âm là Xà. Thành Đồ bàn tục gọi là Thành Cũ. Thành do vua Chiêm-thành và Ngô nhật Hoan xây năm 1.000.

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

Đức nguyên - niên. Từ đấy, đất Bình-định ngày nay, thuộc về nước Nam.

Sau khi đất Bình-định đã thuộc vào nước Việt-Nam thì từ đó về sau, trải qua mấy triều - đại, đất Bình - định được chọn làm trung-tâm thi-cử cho 4 tỉnh : « Nam-Ngãi - Bình - Phú ». Vì vậy đến năm 1905 - Thành-Thái 18 - tại trường thi Bình-định có xảy ra một chuyện thi-cử làm vang-dộng các giới sĩ-phu trong nước.

Nguyên cụ Phan - chu - Trinh (1872 - 1926) gốc người Quảng-Nam, cùng với hai bạn đồng-khoa là cụ Trần-quí-Cáp và Cụ Huỳnh-thúc - Kháng đều là các người mang nặng tình « nước nhà » nên cả ba Cụ hoạt-động từ Bắc vào Nam, khi thì xem xét tình-hình để chiêu-mộ nghĩa-sĩ; khi thì diễn-thuyết để thức tỉnh

lòng dân để họ nhìn vào thực - trạng Giang - sơn tổ-quốc Việt - Nam đang bị người Pháp dày xéo, chà đạp...

Khi đến tỉnh Bình-định, lại gặp lúc quan tỉnh khảo-hạch học trò bài thơ « Chí thành thông thánh » (lòng thành thì cảm thông được cả thần thánh) và bài phú « Danh-Sơn Lương ngọc », cả ba Cụ liền mượn đề mục ấy mà làm văn bài tỏ thời - sự để đánh thức đồng-bào còn đang mê ngủ, đám sĩ-phu còn đang mê muội từ chương mà xao nhãng việc Tổ-quốc Giang - sơn đang chìm đắm trong vòng nô-lệ dưới tay người Pháp để nên Bài làm dưới ký tên Đào mộng-Giác.

Hai Cụ Trần-quí-Cáp và Huỳnh thúc kháng thì làm bài phú; còn Cụ Phan chu-Trinh thì làm bài thơ a Chí thành

thông-thánh », nguyên văn bằng chữ Hán như sau :

* **chi thành thông thánh**
Thế-sự hồi đầu dĩ nhất không,

Giang-son Vô-hòa-lệ khắp anh hùng,

Vạn dân nô lệ cường-quyền hạ,

Bát-cổ văn chương—thi-văn — túy mộng trung,

Trường thử bách niên cam —cung—thỏa ma

Bất tri hà nhật xuất lao-lung,

Chư-quân vị tất vô tâm huyết,

Thỉnh bả tư văn khán nhưt thông

Và sau đây là các bản dịch ra quốc-văn :

* Bản-dịch của báo Tân Dân số 3, xuất bản ở Bắc-kỳ năm 1949

— Cuộc đời ngoảnh lại vắng không,

Giang-son nảo khóc anh-hùng đượ đầu,

Cường quyền đậm đập mái đầu,

Văn chương tám vế say câu mơ màng.

Tháng ngày ử⁺ hận đánh cam,

Sở lòng tháo cũ biết làm sao đây ?

Những ai tâm huyết voi đây ?

Dốc lòng văn đạo, thơ này thấu cho.

* Bản dịch của báo Thời Cuộc số 169 ngày 24-3-1955 :

— Gẫm thế-sự càng ngao ngàn nỗi,

Đoài giang san tức tối anh hùng,

Đoàn dân nô-lệ đã xong,

Sĩ phu còn ở trong vòng say mê !

Thân nhục-nhã ê-chề muốn kiếp,

Biết ngày nào khỏi nghiệp oan gia ?

Ai ơi, tưởng đến nước nhà,

Bài này mở mắt xem qua một lần,

* Bản dịch của ông Đỗ Phong Thuần :

— Tóm lại việc đời thấy vẫn không,

Nước non hòa lệ khóc anh hùng !

Văn chương tám vế còn mơ mộng,

Nô lệ muôn dân hết vẫy vùng.

Luống chịu trăm năm đều tủi nhục,

Bao giờ cả nước thoát lao lung ?

Các ngài chắc hẳn đầy tâm huyết,

Xin đọc thơ này mới cảm thông.

(Long-Giang Đỗ-phong-Thuần dịch — Lịch sử cận-đại danh-nhân thi tập).

* Bản dịch của ông Trần-tuấn-Khải :

Việc đời ngoảnh lại thành không,

Còn đâu giọt lụy non sông khóc người ?

Muôn dân lườn cúi tới đời,

Văn-chương bát-cổ say hoài giấc mơ !

Mặc ai chửi rửa tha hồ,

Nịch xiềng này biết bao giờ tháo xong ?

Anh em còn chút máu nồng,

Hãy đem văn ấy đọc cùng nhau nghe...

Á-Nam Trần-tuấn-Khải

● Bản-dịch của một tác-giả vô-danh :

Kìa coi thế-sự hết trông mong,

Vắng mặt anh-hùng tủi núi sông.

Tám vế văn chương mê mắt ngủ,

Trăm quan tới tớ uốn lưng cong.

Thôi đừng lì quá cam cười nhỏ,

Phải tỉnh sao đây phá cũ lồng.

Thử hỏi ai không gan ruột nhĩ,

Câu này đọc tới cảm hay không ?

Vô-Danh

Bản thoát-dịch của Thanh-Tuyên :

.....

Giang san khô lệ khóc anh hùng

CHI THÀNH THÔNG THÁNH

Muôn dân khốn khổ còn tôi
mọi.
Tám về ngăm nga vẫn giấc
nồng
Mặt dạn, mày dày như thể
mãi
Tháo lỏng sở cũi hết đường
mong
Các người há phải không
tâm huyết
Thử đọc thơ ta có động lòng.

Thanh-Tuyên

(Mã-thương số 6-1960)

Sau khi ba Cụ làm xong
thơ phú tại Bình-định thì cả
ba Cụ đều vào Nha-Trang
(tỉnh Khánh-hòa). Tại đây,
các Cụ có xuống xem xét
tạm đội Nga do Đô - đốc
Rojeswenky (Lu-diệp-vinh
kỳ) chỉ-huy đậu tại vịnh
Cam-Ranh. Ở đây, các Cụ
tạm-trú ở căn-địa cũ cuộc đi
cứu-cấp Lữ-Thuận.

Ít lâu sau, cụ Huỳnh-thúc
Kháng bị người Pháp cầm
tù. Ngồi trong cảnh tù đầy,
Cụ ôn lại những việc xưa
nay mình đã làm gì hầu để
mong giải-phóng dân - tộc
khỏi ách nô lệ... Cụ bồi hồi
xúc-động khi nhớ ra mình
đã cùng hai người bạn tâm
giao Phan - chu. Trinh và
Trần-quí. Các đã cùng nhau
làm thơ phú tại Bình-định ;

cùng nhau lên xuống bạm-
đội Nga đậu tại vịnh Cam-
Ranh để xem xét kỹ-nghệ
nước người. Thế rồi Cụ cảm
tác bài thơ, nguyên văn
bằng chữ Hán như sau :

Vô-quốc năng hà bội ?
Ngu dân khả hữu-quyền !
Hiệp thương thành họa
trọng,

Giảng-học bị can liên.
Bình-định danh sơn phú.
Cam - Ranh ngoại - quốc
thuyền.

Viện thư như phát bố,
Dương tác hữu biên niên.
Và chính tay Cụ đã dịch
ra Quốc-âm :

Không nước sao rằng bội ?
Dân ngu há có quyền !
Hiệp thương gây mối họa,
Dạy học cũng can liên !
Bình-định cùng làm phú.
Cam - Ranh muốn vượt
thuyền,

Ấn văn như phát bố.
Truyện tố có đời truyền.
Trên đây tôi trích ra vài
bản dịch bài « Chi thành
thông-thánh » cốt để chúng
ta hiểu rõ ý-nghĩa thâm-
thúy của một bài thơ hờ-
hào cách-mạng đầu tiên của
nước Việt-Nam xảy ra ở
Bình-định. * *

hôm nay trời đẹp

* ĐÀO - THANH - KHIẾT
(Philippines)

Bao giờ mặt trời mọc thì anh sẽ viết thư cho em.

Vì anh muốn tránh bóng đêm tăm tối
Em cứ ngủ và anh chờ đợi
Anh sẽ báo tin khi ngày mới bắt đầu
Bỏ lại đằng sau ma quái đêm thâu.
Chúng ta sẽ khởi hành khi trời quang đãng
Những tâm-hồn trẻ, chúng ta cần ánh sáng
Đề soi đường dẫn nẻo đến tương lai.
Đường còn xa thăm thẳm, mộng còn dài.
Hãy gạt hết những nỗi sầu ủy-mị
Đừng để oán than làm ta nản chí
Ta sẽ san bằng trở ngại gay go.
Nẻo sang sông không thiếu những con đò
Mà chỉ thiếu những tâm hồn mã-thượng.
Em sẽ bảo : biết tìm đâu phương hướng ?
Em đừng lo. Đời sẽ chỉ cho ta
Đừng ngại chi bão táp với phong ba,
Rất cần thiết đề trui lòng sắt đá,
Có hề chi nếu chúng ta vấp ngã ;
Vấp ngã rồi thì hãy đứng lên đi.
Cần chi ai thương xót, cần chi
Bị thương hại là một điều tử nhục.
Em, em ơi ngàn chim ca thúc giục
Hãy mau lên kẻo lỡ cuộc hành trình
Cười lên đi cho thắm mộng bình minh.
Và hãy nói : hôm nay trời đẹp quá !

Bức thư PARIS

L Ò N G D Â N

★ NGUYỄN - VĂN - CỒN
(Paris)

N G À Y thứ năm 10 Mars vừa qua, tại Kinh thành Amsterdam (Hòa Lan) đã cử hành trọng-thê lễ thành-hôn của Công-chúa Béatrix trưởng nữ của Công-chúa Juliana với một người Đức tên là Claus Von Amsberg, một nhân viên trong bộ ngoại-giao Đức-quốc.

Công-chúa Béatrix năm nay 28 tuổi và theo Hiến-pháp Hòa Lan sẽ lên ngôi thê Nữ-hoàng Juliana ; còn chàng Claus Von Amsberg năm nay 39 tuổi, trông đẹp trai lắm. Đến đây, câu chuyện hôn-nhân này cũng chẳng có gì lạ lùng, đáng kể ; Vì rằng đầu là công chúa đi nữa, thì nàng Béatrix cũng vẫn có một trái tim khao khát tình yêu và muốn có chồng như trăm nghìn cô gái «*xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cệp-kê*». Nhưng — trong đời luôn luôn có những cái nhưng phiền-phức — chàng Claus Von Amsberg mặc dầu đẹp trai, nhưng là dân Đức-quốc. Cái nhưng này, chỉ xoàng thối, vì cái nhưng sau quan hệ hơn : nhưng chàng dân Đức này, thuộc trong đội Quân Quốc - xã của Hitler (Wermacht).

Đối với nước Hòa-Lan, Quân đội Quốc Xã đã hành động ra

BỨC THƯ PARIS

thế nào trong trận Thế-giới Chiến tranh vừa qua (1939-1945) ?

Trước hết Quân đội Hitler, Âu-phương gọi là bọn « Nazis », chiếm đóng, sau một cuộc chiến tranh chớp nhoáng, các nước Tây và Đông Âu, trong đó có nước Hòa-Lan, tức là Tờ Quốc của nàng Béatrix.

Trái lại với nước láng giềng (Bi-quốc) mà Vua Léopold đã chịu hàng đầu và « cộng tác », nước Hòa Lan kháng cự quyết liệt, không chịu khuất-phục và người cầm đầu là Nữ-hoàng Wilhelmine tức là bà củacô công Chúa Béatrix ngày nay. Sau khi binh đội của Hòa-Lan bị quân Đức phá tan, thì Nữ-hoàng Wilhelmine liền lên máy bay qua Anh-quốc, hợp tác với Quân đội Đồng Minh. Bà thường lên đài Vô tuyến B.B.C ở Luân-đôn kêu gọi người Hòa Lan quyết liệt kháng cự. Quân đội Đức tuy chiếm đóng Hòa - Lan nhưng không thề nào lập được một chánh phủ Hòa-Lan « bủ-nhìn ». Vì vậy, Hitler và bọn Nazis càng căm tức và đã đặt một tên Toàn Quyền (Gaul-eiter) để đàn áp dân chúng Hòa-Lan. Tên Toàn quyền này là một

người Áo phản quốc, tên là Seyss Inquart. Dưới bàn tay sắt của tên này và của bọn S.S (tức là bọn sát nhân trong đội quân Đức), dân chúng Hòa-Lan đã bị hành hạ cực đẫm, nào đói rét, nào tra tấn, nào bị nhốt vào trại giam (camp de concentration) và các phòng hơi độc (chambre à gaz). Và trong các nạn nhân có cô bé Anne Franck, 15 tuổi, mà quyển « nhật ký » ngày này được phổ biến khắp thế giới. (quyển *Le Journal d'Anne Franck* là quyển « best seller — (bán chạy như — trong mấy năm qua.)

Mỗi cảm thù của dân chúng Hòa-Lan ngày nay, tuy đã dịu bớt, nhưng vẫn còn hơi nóng dưới tro tàn của thời gian. Cũng như các dân chúng Âu-châu khác đã bị quân Đức hà hiếp, người Hòa-Lan thường nói : « Chúng tôi có thể tha thứ, chứ không thề nào quên được » (nous pardonnons, mais nous ne saurions oublier).

Như thế, cô công chúa Béatrix lựa một người Đức làm chồng cũng đã có thể đụng chạm đến tình cảm của người Hòa-Lan, nhưng khổ một nỗi là chàng

Claus Von Amsberg là một tên lính trong quân đội Hitler, và trước khi mặc binh phục, cầm súng theo quân Nazis thì chàng ta đã ở trong « Thanh-Niên theo Hitler » (Jeunesse hitlérienne), như thể đủ chứng tỏ là chàng đã được huấn luyện theo chủ nghĩa « võ biên » của bọn quốc xã Đức.

Đứng về phương diện một nhà báo viết về loại quốc tế, tôi không muốn đụng chạm, theo



Lựu đạn văng nổ trên đường hôn lễ

xã giao quốc tế, đến « quốc sự » của một nước, vì vậy tôi chỉ làm theo bản phận, kể qua tâm trạng của dân chúng Hòa-Lan tại kinh thành Amsterdam trong cuộc lễ hôn nhân này.

Ngày thứ năm 10 Mars, tức là ngày cưới của công chúa Béatrix, lễ tự nhiên Kinh-thành Amsterdam đã được trang hoàng cực kỳ rực rỡ và cả trăm nghìn người đứng chờ chiếc xe « tứ mã vàng » (carosse d'or) đem cặp

tân hôn qua các đường lớn.

(Như cả triệu người khác, tôi ngồi nhìn máy Télévision để nhận một vài điểm đặc sắc hầu kể lại để bạn đọc Phở Thông nghe chơi).

Tiếng là hồ, hoan hô vang dậy trước một cặp uyên ương trẻ đẹp, trước các Vua chúa trong đại phục, trước cờ xí xen xao, hoa sắc tung bừng. Nhưng bỗng giữa bao nhiêu hoan, nổi dậy tiếng gào thét, thỉnh nộ, tiếng giầy nện trên đường đá, tiếng hàng rào sắt sụp đổ, tiếng chân ngựa rầm rộ, tiếng ầm ầm, rồi ùng ùng tiếng lựu đạn giữa tiếng đàn bà la hoảng, tiếng trẻ con kêu khóc.

Đó là phản lực của một số dân Hòa-lan đã sức nhớ đến những cuộc đàn áp của bọn quân quốc xã Đức. Họ là những người mà gia đình đã bị thiệt hại, mà cha mẹ anh em đã bị bỏ vào các trại giam hay chết trong các phòng hơi độc. Khi thấy một cô Công-chúa của họ mà ngày sau sẽ lên ngôi, kết duyên với một cựu binh sĩ Đức, hình ảnh Tò quốc xưa kia đã trở lại trong óc họ.

Cuộc phản kháng từ phố này kéo qua phố kia, từ ngã tư này đến chỗ tụ họp khác. Các hàng rào sắt để cản đám người đi xem bị đổ nhào, gạch đá liệng lung tung, mặc dầu có sức ngăn cản của lính cảnh sát và lính nhảy dù. Từ 10 giờ sáng cho đến nửa đêm, cuộc xô xát giữa đám người biểu tình và các đoàn lính vẫn chưa chấm dứt.

Như thế ta đủ thấy rõ là lòng dân không bao giờ quên và không bao giờ gãn gụi những đạo binh ngoại quốc đã chà đạp đất nước của họ và đã xả súng, ném bom giết hại lương dân của xứ họ !

Chính cô công chúa Béatrix cũng hiểu vậy và chàng trai Đức cũng nghiệm thấy thế. Công chúa đứng trước balcon đã nói với dân chúng : « Tôi hiểu rõ tâm trí của những người phản đối cuộc hôn nhân của tôi, nhưng tôi mong rằng chồng tôi và tôi sẽ có dịp phụng sự dân tộc Hòa-lan . »

Đến đây, ta tự hỏi . « Ái tình có thể làm cho người ta quên bỏ tất cả được chăng ? »

— Cố nhiên là không ! nhưt là đối với những nhân vật tiêu biểu cho một quốc gia !

Viết đến đây, tôi lại sức nhớ đến cô công chúa cũng của nước Hòa Lan và chả xa lạ gì cả, vì chính là công-chúa Irène, em cô Béatrix.

Về việc thành hôn của cô Irène, tôi đã có dịp kể lại với các độc-giả Phở Thông.

Khi công-chúa Irène tỏ với cha mẹ là cô yêu một

người và muốn kết bạn trăm năm với người ấy, thì khó-khăn liền ngăn cản con đường tình của cô. Người cô yêu thuộc hạng danh gia, vì đó là ông Hoàng De Bourbon Parme. Nhưng chỉ vì ông này theo đạo Thiên-Chúa, còn cô Irène theo đạo Tin-Lành. Chuyện chỉ có thể thôi, vậy mà đã trở nên nghiêm trọng.

Sau khi không ngăn cản được cô Irène, người ta buộc cô phải ký tờ thoái-quyền của cô và các



Công chúa Béatrix và lang quân đứng trước lan can

con cô (vì công-chúa Irène, nếu cô chỉ chết trước thì có thể lên ngôi Hoàng-Hậu xứ Hòa-Lan).

Người ta lại buộc cô phải rời khỏi xứ và cha mẹ và chính phủ Hòa-Lan không cho phép cuộc lễ Hôn nhân cử hành tại nước Hòa Lan.

Thế là chỉ vì khác Đạo một chút mà người ta đã quá khe-khắt với công chúa Irène, trái lại, mặc dầu chàng Claus Von Amsberg trước kia đã thuộc Quân Đội Quốc Xã Hitler và đã là người địch ghê gớm, (vì Quân đội Hitler đã hà hiếp cực điểm dân Hòa-Lan anh dũng) người ta vẫn đối đãi dễ dàng, khoan hồng hơn là đối với Công-Chúa Irène và ông Hoàng De Bourbon Parme.

Phải chăng người ta đã rộng lượng với kẻ thù và khắc nghiệt với người khác Đạo.

Viết đến đây, tôi lại nhớ thời cuộc ở xứ mình. Khi gia-đình

độc tài họ Ngô đã kỳ thị tôn-giáo và đã đàn áp giả-man Đạo Phật, thì ai nấy đều căm hờn. Đến khi, trước sự tấn công của toàn thể dân chúng và của Phật tử với sự hy sinh không bờ bến của các vị Thượng Tọa, chế độ Diệm sụp đổ. Lúc đó, ai cũng tưởng sẽ có cuộc trả đũa (règlement de compte) giữa Phật tử và các đồng bào theo Đạo Thiên Chúa.

Nhưng việc đó không hề xảy ra, vì các chư vị trong Phật giáo và toàn thể Phật-tử không bao giờ lấy oán giận làm căn bản của hành động.

Thật là quý hóa biết chừng nào ! Và lại người Việt-Nam, trong thâm tâm, không bao giờ phân biệt tôn-giáo, và sự hòa thuận trong các gia đình vẫn bền vững, mặc dầu có người theo Đạo Phật, kẻ ngưỡng mộ Đạo Thiên Chúa.



Dùng **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

1360/BYT/DPDC

Enée ở Cumès và xuống âm phủ

* ĐÀM - QUANG - THIỆN

K Hi những tàu ra đến biển cả lại bị một cơn bão đánh rạt cả vào bờ Sicile. Enée và các bạn đồ bộ lên đất của Aceste. Mẹ ông này nguyên quê quán ở Troie, nên ông tiếp đón họ rất niềm nở. Vì một sự ngẫu nhiên, may mắn, hôm ấy là đúng ngày giỗ của Anchise. Enée cùng các bạn kéo nhau ra mộ của ông già làm lễ. Theo thường lệ họ đồ lên mộ hai cốc rượu, hai bát sữa tươi và hai chén huyết. Enée khẩn khứa xong đặt hoa lên mộ của bố. Tám hôm sau,

chàng cho mở các cuộc thi chạy, đánh vật, bắn cung, v.v...

Trong khi ấy bọn phụ nữ Troyennes khóc lóc và bàn nhau: « Than ôi, sau bao nỗi vất vả khổ sở mà lại còn phải vượt biển rộng nữa ư? Chúng ta lang thang đã bảy năm trời trên mặt nước rồi. Tại sao chúng ta lại không ở luôn ngay xứ này, đối với chúng ta có bao cảm tình tươi đẹp? Chúng ta hãy ngăn cản mọi sự khởi hành bằng cách đốt hết các tàu này đi.» Nói xong họ lấy lửa châm đốt tàu. Lúc khói lửa bốc lên cao, bọn

đàn ông Troie vội tìm cách cứu chữa. Họ lấy nước đổ vào đám lửa nhưng cũng vô hiệu. Enée điên cuồng rút xé quần áo. Sau chàng khẩn các vị thần: « Hỡi đức Thượng đế, xin Người làm phép cứu những tàu của tôi thoát nạn hỏa tai này. Đây là những phương tiện cuối cùng cho phép chúng tôi tuân theo lệnh của Người! » Chàng vừa khẩn dứt lời thì bão táp nổi lên ầm ầm làm tắt ngọn lửa. Tuy vậy cũng cháy mất bảy chiếc tàu. Enée buồn thắm không hiểu có nên đi nữa không. Chàng trần trọc suốt đêm. Sau mơ màng thấy Anchise hiện về bảo: « Con ơi, lòng kiên nhẫn bao giờ cũng thắng mọi trở ngại. Con hãy can đảm lên. Jupiter muốn con chỉ đem sang Ý những phần tử ưu tú mà thôi. Vậy con hãy để lại đây cho Aceste trông nom những ông già và những phụ nữ không chịu được sóng bể. Con hãy

xây cho họ một tỉnh thành ở Sicile. Còn con, con hãy đi về phía Cumès, và Sibylle sẽ dẫn con xuống gặp cha ở Champs-Élysées vì cha không ở Tartare đâu. »

Sáng hôm sau, Enée hội họp tất cả các người Troyens lại kể cho họ nghe những lời cha chàng đã báo mộng. Họ nhất định để lại những ông già, đàn bà yếu đuối và những đàn ông nào không thích đi tìm vinh quang. Trong khi một bọn người đi sửa sang lại tàu bè thì Enée lấy một cái cây vạch đường lũy vây xung quanh thành mới và đặt lên đỉnh Eryx những nền móng một ngôi đền thờ Venus.

Sau khi từ biệt nhau, Enée và đoàn tùy tùng lên tàu đi. Cuộc hành trình rất yên ổn, duy chỉ có người bẻ lái tên là Palinure vì ngủ say ngã xuống biển. Ngoài ra không có gì xảy ra nữa.

 **midol** *tri các chứng đau nhức
và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1560/DT1/DPDC

Chẳng bao lâu họ tới bờ biển Cumes. Trong khi bọn thanh niên tản mác trên đất Hespérie, bọn đi tìm lửa, bọn đi kiếm suối nước và lấy củi, thì Enée lên núi có đền thờ Apollon, qua rừng thiêng Hécate và đến trước một trạm cái cửa dẫy trước một trăm cái miệng qua đó vị nữ thần Sibylle thường nói cho người ta biết những lời tiên tri. Chàng vừa tới đó thì thấy Sibylle biến sắc mặt, tóc dựng lên, ngực thở hần hần, thân hình như lớn lên và nói bằng một giọng kỳ lạ : « Enée, mi chậm trễ không chịu cầu nguyện ngay, và những cửa hang này sẽ không mở ra trước khi mi cầu khẩn vị thần trị vì ở đây. »

↳ Bọn Troyens khiếp sợ lạnh ngắt cả người. Enée trong thâm tâm vội cầu khẩn : « Hỡi Apollon, vị thần đã xót thương cho những tai nạn của dân Troie, chính là nhờ sự che chở của

người mà chúng tôi ngày nay đến được đất Ý. Xin người ra ân cho những con của thành Troie được phép sinh cơ lập nghiệp trong Latium. Xin người hãy trả lời cho tôi biết. »

Chàng vừa cầu khẩn xong thì một trăm cửa ầm ầm mở ra và Sibylle mồm sùi bọt, thân hình co quắp nói : « Enée, mi thoát khỏi những sự nguy hiểm trên mặt bề, nhưng mi sẽ gặp những sự nguy ghê gớm hơn nhiều trên mặt đất. Ta trông thấy những cuộc chiến tranh, những cuộc chiến ghê gớm và nước sông Tibre đỏ những máu. Mi sẽ đi đến đích nhưng một người đàn bà ở xứ lạ sẽ lại gây cho mi nhiều sự đau khổ, còn mi, gặp tai nạn chớ có ngã lòng, hãy giữ vững lòng can đảm. Con đường cứu tinh đầu tiên sẽ ở một tỉnh thành Hy-Lạp ».

Enée lại nói : « Không một sự

thử thách nào có thể làm cho tôi sờn lòng nữa. Tôi chỉ cầu xin người một điều, ấy là cho tôi xuống âm phủ để được gặp mặt cha tôi. Xin người hãy mở những cửa thiêng liêng ra và dạy tôi lối đi để được trông thấy người cha yêu dấu mà tôi đã cống trên vai qua đám lửa cháy và dưới làn mưa tên lúc thành Troie bị tàn phá. » Sibylle trả lời : « Enée, xuống âm phủ rất dễ nhưng trở lên rất khó. Nếu người nhất định đi thì phải làm như sau này. Trong một rừng nhỏ giữa một thung lũng và ở dưới một cây um tùm có một cành cây có lá bằng vàng. Người hãy đi tìm cành đó và ngắt lấy. Không có cành đó biểu hoàng hậu dưới âm phủ, không ai có thể xuống được dưới ấy cả. » Enée bèn đi tìm cây có cành vàng. Một hôm ở giữa một khu rừng chàng thấy hai con chim bồ câu vùng vẫy rồi bay đậu trên một cành cây gần

đó. Chàng ngược mắt nhìn : một cành vàng lóng lánh giữa đám lá xanh tươi. Chàng mừng rỡ ngắt lấy đem về chỗ Sibylle. Vị nữ thần lại bảo chàng giết một con cừ non và bốn con bò mộng đen ở bờ một cái hồ gọi là Averno.

Hồ đó xông lên một mùi xú uế kinh khủng. Suốt đêm Enée và mấy người bạn giết súc vật tế các thần âm phủ. Sáng hôm sau, đất tự nhiên lay chuyển những ngọn cây rung động và từ ở hố sâu đó người ta nghe tiếng chó sủa ầm ỹ. Sibylle hiện ra và kêu : « Hãy tránh xa cả ra. Hãy rời bỏ nơi rừng thiêng này, các người kia. Còn người, Enée, hãy theo ta và tuốt gươm ra khỏi vỏ, vì chính bây giờ là lúc phải tỏ ra có một sự can đảm vô cùng vậy ». Nói xong Sibylle văng mình vào miệng hố có hơi độc. Enée theo

Đieng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

Đieng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

chân vị thần qua những nơi ở rộng rãi và buồn thảm của Pluton. Họ vất vả lắm mới mở được một lối đi giữa những bóng ma ghê gớm. Mai sau họ đến một chỗ thưa rộng giữa có một cây du cồ thụ. Dưới những cành cây rất lớn hiện ra nào là Maladie, Faim, Mort, Discordes và những Goyones có tóc toàn răn độc. Từ đó có con đường dẫn đến sông Achéron đầy bùn lầy. Trên sông có con thuyền với tên lái đò Charon. Hàng đàn lũ linh hồn chen chúc nhau đến nhờ tên lái đò chở sang bờ bên kia. Nhưng Charon chỉ cho một số lên đò và lấy mái chèo đuổi bọn kia lại. Enée ngạc nhiên và xúc động hỏi Sibylle : « Những bóng đó muốn gì vậy ? Tại sao lại có người được lên và có người bị xua ở lại ? ».

Vị thần trả lời : « Đây là sông Styx và Cocyté. Người lái đò là Charon. Những người được

lên thuyền là những người được chôn cất rồi, còn những người bị đuổi trở lại là những kẻ chưa được chôn cất. Họ sẽ phải lang thang trên bờ này một trăm năm nữa mới được sang bên kia ». Enée ngừng lại ái ngại thay cho bọn này. Chợt chàng nhận ra những bạn đồng hành đã bị chìm dưới đáy bể. Chàng đang chực hỏi thăm Palinure thì Charon trông thấy chàng và nói : « Dù người là ai thì cũng đừng ngao lại và nói cho ta biết người xuống đây làm gì. Ta không có quyền chở người sống trên thuyền này ». Sibylle vội nói : « Người đừng sợ và hãy nhận biết cành cây vàng này. Enée chỉ xuống đây để được gặp cha là Anchise mà thôi. » Vị nữ thần đưa cành vàng cho tên lái đò. Tức thì Charon ghé thuyền lại, dẫn các bóng ma ra và đón Enée và Sibylle lên. Hẳn chở hai người sang bên kia bờ. Trước cửa địa

ngục là con chó Cerbère có ba mõm đang sủa vang ầm. Những răn ở chung quanh cõ con chó đều ngóc cả đầu lên. Sibylle muốn cho chúng ngủ nên ném một cái bánh làm bằng mật và cây thuốc phiện. Con quái vật há ba mõm ra đón lấy ăn xong lăn ra ngủ. Cửa địa ngục rộng mở. Enée vội bước vào. Trước hết chàng nghe thấy tiếng những trẻ con bị chết ngay từ lúc còn thơ ấu. Xa hơn là những người đã tự vẫn. Sau hết, trong một cánh đồng mênh mông gọi là Champ des Pleurs là những người bị ái tình làm cho đau khổ. Đau khổ ấy theo họ xuống cả âm phủ. Họ đi lang thang mỗi người một ngã và yên lặng trên những lối đi nhỏ lấp dưới một rừng đào kim nhướng. Trong những bóng ma đó, Enée nhận thấy Didon. Chàng vừa khóc vừa gọi : « Hỏi Didon, vậy em đã tự vẫn thật rồi sao ? Có phải ta đã làm em chết chăng ? Nhưng có Trời

và các vị thần chứng minh cho ta là không phải tự ý ta muốn bỏ em. Ta có ngờ đâu sự biệt ly đã làm em thất vọng đến thế ? Em hãy dừng lại cho ta nói vài lời một lần cuối cùng. » Nhưng trước những lời âu yếm đó. Didon vẫn lạnh như tiền. Không nói năng gì, nét mặt đăm đăm tức giận, đầu cúi xuống đất, nàng quay đi và biến mất sau những rặng cây.

Enée đi nữa và đến một nơi riêng biệt, chỗ ở của linh hồn các vị chiến sĩ danh tiếng đã chết ngoài chiến trường. Một số đồng người Troie nhận ra chàng và tìm cách giữ chàng lại để chuyện trò thăm hỏi. Còn bọn Hy-Lạp đã chết ở thành Troie lúc trông thấy Enée đều hoảng sợ. Người thì chạy trốn, kẻ thì cố sức kêu lên, nhưng những tiếng kêu đều ngừng cả lại trong cuồng hòng. Chàng còn lần lữa với baokyniem của các người đó thì Sibylle dực

Đúng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

Đúng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

chàng và bảo : « Đây là ngã ba đường. Lối đi bên phải đến Champs-Élysées và bên trái đến Tartare. » Enée nhìn về bên trái thấy một dãy thành có ba lần tường chung quanh có con sông Phléthôn trong toàn là lửa và những tảng đá cháy đỏ. Cửa vào rất là kiên cố, trên có một thành bằng đồng có Tisiphone canh gác. Từ sau những bức tường đó vang lên những tiếng kêu rên than thở, hòa lẫn với tiếng roi vọt, tiếng kéo xiềng xích. Enée kinh sợ hỏi : « Chẳng hay những tội gì bị trừng phạt ở đó ? » Vị nữ thần trả lời : « Đây là nơi mà người Crétois Rhadamanthe thi hành các luật lệ khắc nghiệt của y. Những kẻ nhạo báng thần thánh, những tên gian tà bất lương đang đến tội trong đó. Người thì phải luôn luôn đẩy một hòn núi đá đi, kẻ thì bị buộc vào một cái bánh xe quay không ngừng. Đây là người

bị điều hầu mọi gan, kia là kẻ bị dốt vĩnh viễn trước một món ăn mà hẳn không thể nào với được. Giữa tất cả bọn đó là tên Phlégyne đã một hôm dám đốt đền thờ Apollon. Lúc nào cũng có một tảng đá lớn treo lơ lửng trên đầu hẳn và có thể rơi xuống. Hẳn luôn luôn phải kêu : « Hãy trông gương tôi mà kính trọng sự công bằng và sợ hãi các thần ». Nhưng thôi, chúng ta hãy đi về phía này đưa biểu Proserpine bà hoàng hậu âm phủ cành cây vàng để được vào trong Champs-Élysées. » Lễ vật vừa dâng là cửa mở và hai người vào trong một cánh đồng có hoa tươi đẹp. Trong đó cây cối bao giờ cũng xanh tốt và ánh sáng lúc nào cũng trong trẻo. Bọn này thì tập đánh vật trên cát vàng, bọn kia thì nhảy múa hay nghỉ ngơi trên cỏ. Ai thích gì trên trần : xe, ngựa, kiếm, giáo v.v... bây giờ cũng được tự do làm

Điêng midol
 1360/BYT/ĐP,ĐC

Trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

theo như ý muốn. Anchise vừa trông thấy con liền dơ hai tay ra vừa khóc vừa nói : « Con ơi, lòng hiếu thảo của con đã thắng mọi nỗi khó khăn để cha lại được trông thấy và nghe tiếng nói của con. »

Ba lần Enée định ôm lấy cha nhưng chàng chỉ ôm nhằm một cái bóng mà thôi. Chàng nói : « Thừa cha, chính linh hồn cha thường hiện về đã cho con đủ can đảm đến được đây. Nhưng chẳng hay những linh hồn lập lòe như những đàn ong trong cánh đồng hoa kia là ai vậy ? Anchise trả lời : « Con ơi, chính để cho con trông thấy các linh hồn đó mà cha đã bảo con xuống đây. Những linh hồn đó muốn lại lên trần nên đến uống sự yên ổn và sự lãng quên trong nước sông Létché. Đây là linh hồn của các dân tộc mà Rome sẽ chinh phục một ngày kia. Con ơi, đó là những người sau này sẽ nhờ đến con, sẽ mang tên của con và sẽ làm rạng danh của dòng máu Troie. Đây là Romulus, người sáng lập ra Rome với bầy ngọn đồi. Đây là

Numa người đặt ra các luật lệ của thành đó. Đây là những Tarquis, Gracques và Scipions. Lại đây là người mà con đã nghe nhắc tới nhiều lần : César Auguste. Nhờ ông ta Hoàng kim thời đại lại xuất hiện trong những cánh đồng của Latium, nhờ ông ta mà xứ của người La Mã sẽ lan rộng từ bờ sông Nil đến xứ Caspiens và từ những cột Hercule đến bờ sông Indus. Con ơi, có thể có những dân tộc khác văn minh hơn, nhưng chỉ có dân tộc La Mã mới có thể chinh phục được thế giới bằng cách chế ngự những kẻ tàn bạo và cứu giúp những kẻ yếu, đặt nền tảng cho một sự hòa bình tốt đẹp.

Sau khi nói đến nhiệm vụ cao cả sẽ đưa La Mã tức là thành Troie tái sinh lên bậc cao chót của đài vinh quang, Anchise nói cho con biết những chiến tranh sẽ xảy ra và mọi gian nan chàng sẽ phải trải. Từ biệt cha, Enée ra khỏi Elysées, lòng phấn khởi và tràn ngập một niềm tin tưởng.



tuyệt hận

Máu thời gian không thấm trọn cuộc đời,
Mảnh hình hài chết rử tuổi đôi mươi,
Mười ngón tay mừng tròn mũ tội lỗi,
Muốn kêu van nhưng ngôn ngữ chết rồi!

Máu thời gian chảy tràn lan đau thương
Ai biết đau u-àm tự thiên đường
Làm sao giết được mảnh trăng đôi khò
Đập con tim thành trăm mảnh yêu đương

Làm sao? làm sao bắt được linh hồn
Đốt thành tro cho vợi bớt đau buồn
Giấc mơ ngày nào giờ nòn ra được
Đây... người ơi... Đây một khối oan hồn.

Nhưng biết làm sao... làm sao trời ơi
Ước mơ chỉ là những ước mơ thôi...
... Rừng Banmê thờ dài buồn lên trắng xóa.
Khó u buồn vẫn hun xám hồn tôi

✧ **MỘNG-VIỄN CỔ-HƯƠNG**
(Nhóm Trùng Dương)



CÁI CHẾT CỦA MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỘC THÂN

TRUYỆN NGẮN

✧ **HOÀNG HẢI THỦY**

C Ó người gõ cửa, tiếng gõ nhẹ thôi, nhưng ông thầy thuốc tỉnh giấc ngay, bật đèn và ngồi dậy bên giường. Ông liếc nhìn bà vợ đang ngủ êm, rồi khoác chiếc áo len lên vai, đi ra ngoài phòng ngủ. Ông không nhận ra ngay bà bố già đứng đó, áo bông sù, khăn đen bịt kín mái tóc bạc Đem. Đalat mùa này thật lạnh và lúc này là đêm khuya, đang khuya, đang lạnh.

— Bầm Quan... bà già nói bằng một giọng run run, lập cập, hàm răng móm mép phạm vào nhau... ngoài ý muốn... Bầm quan, ông chủ cháu ngã bệnh... năng... nguy lắm... Mời Quan Đốc tới ngay cho...

Ông bác-sĩ nhận ra ngay người nói là bà bố già ở giúp việc từ lâu năm — không biết là đã mấy chục năm — cho người bạn của ông, người bạn độc thân chưa từng qua một lần lấy vợ. Giọng nói có nhiều thổ âm nghe lạ tai mà quen thuộc ấy làm cho ông nhận ngay ra người đàn bà. Giọng nói của dân miền Quốc-Oai, Sơn Tây, nơi có Chùa Thầy, Bát Bạt, có đồng Bương Cẩn và núi Tản Đài được diễn tả trong thơ Tản Đà, thơ Trần-Quang-Dũng. Có lẽ cả Đalat này chỉ có một mình bà già này là người nói giọng nói ấy. Ông bác sĩ gạt đầu trong lúc ông nghĩ thầm. « Người bạn mình nhiều tuổi rồi. Hơn năm mươi năm, hẳn lại đau tim. Trái tim hẳn đòi về nghỉ làm việc từ lâu rồi — Chắc hẳn nguy hiểm chớ không phải đau xoàng như mấy lần trước đâu. Ngã bệnh... Đúng là ngã... «Tiếng ngã» đặc biệt do bà bố già dùng làm cho ông bác sĩ thấy hay hay — «Ngã bệnh. Đúng là ngã...» Ông lại nghĩ — « Nghe như văn Tây: tomber, malade... nhưng vận đúng là tiếng Việt thuần túy ». Ông quay đi để che dấu nụ cười bất giác nở trên môi. Ông không muốn cho

bà bố già nhìn thấy nụ cười ấy, mặc dầu ông biết rằng người đàn bà mắt kém, nhấp nhem, lại đêm khuya đèn mờ. Dù ông có cười hẳn chưa chắc bà ta đã trông thấy. Có khi bà ta không dám nhìn vào mặt ông. Người Việt Nam thuộc thế hệ cũ còn sót lại vẫn có thói quen khi nói chuyện không dám nhìn vào mặt người họ kính trọng.

Ông bác sĩ nói :

— Tôi tới ngay đây. Bà đi xe gì ? Chờ tôi cho về cùng xe...

— Bầm... cảm ơn Quan Đốc...

Cháu có xe đi rồi. Cháu còn phải đi mời hai ông nữa...

Bà bố già kính cần kể tên hai ông bạn của ông chủ. Một ông là nhà buôn, một ông là nhà báo — Ông này được gọi là ông Văn Sĩ. Hai tiếng « văn-sĩ » được bà già thốt ra nghe như là tên riêng.

— Mạ... bà đi mời các ông tới ngay đêm nay làm chi ?

— Bầm Quan... ông cháu cần gặp mấy ông.

— Gặp ngay đêm nay ?

— Dạ... ông cháu sai chúng cháu đi mời ngay...

Ông bác sĩ nghĩ thầm — « Chắc

hắn biết hắn sắp chết... nên muốn gặp bạn lần cuối... » Ông nhẹ gót đi trở vào phòng ngủ và bận y phục một cách cẩn thận để tránh gây tiếng động, để cho bà vợ được ngủ yên. Trong những giây phút đó, ông cảm thấy một nỗi buồn man mác và nhiều cay đắng đến xâm chiếm tâm hồn. Nỗi buồn đó không phải hoàn toàn vì chuyện ông sắp mất một người bạn già, mà một phần lớn là vì sự ý thức đau buồn rằng cả ông nữa, ông cũng đã già rồi. Ông và các bạn ông đã gần với cái chết nhiều hơn là gần tuổi trẻ. Vậy mà cách đây không mấy lâu, họ vẫn còn trẻ trung.

Ông bác sĩ đi ra khỏi nhà trong chiếc xe Renault 4 sơn đen, đi vào đêm lạnh và mờ sương khuya, đi tới khu ngoại-thành nơi có ngôi nhà hai tầng của người bạn độc thân sắp lìa đời. Tới cửa nhà, ông nhìn qua khung kính cửa xe lên khung cửa sổ nhà trên lầu trong lúc chờ người ra mở cánh cửa sắt. Cửa sổ trên lầu mở rộng, ánh đèn điện sáng choang.

Ông bác sĩ chậm chậm xách túi đi lên thang. Ông bố già — người hầu trung thành, người

lão bộc của chủ nhân — mở một cánh cửa phòng và đứng bên cửa, đợi chờ. Thấy khách đi lên, ông bố chấp hai tay trước ngực làm một cử-chỉ vừa chào vừa báo tin buồn.

— Sao ? — Ông bác sĩ hiểu cử-chỉ ấy, ông vội hỏi — ... Sao ? Ông... đi rồi à ?

— Bầm vâng... ! — Người bố già thờ dài — ... Ông cháu... đi rồi. Mười lăm phút rồi...

Ông bác sĩ thốt ra một tiếng thờ dài nặng và đầy, và buồn, đôi vai ông đột nhiên xuôi xuống, và lưng ông gù lại, ông đi chậm gần như lê chân vào căn phòng, nơi người bạn ông nằm ngủ giấc ngủ sau cùng.

Người bạn mới chết của ông năm đó, đôi môi mỏng, xanh, nửa mở nửa khép, hai tay ruỗi dài bên mình trên mặt chiếc mền len sẫm, bộ râu gầy guộc của người chết trông toát ra, bơ phờ hơn bao giờ hết. Vài sợi tóc bạc còn sót xuống vàng trán nhẵn và trông như đám đắp mồ hôi.

Ngọn đèn ngủ có bao chụp bằng lụa hồng trên mặt bàn ngủ tỏa một bầu ánh sáng đỏ nhạt

lên mặt gối. Ông bác sĩ đến bên giường nhìn xuống mặt người nằm — « Hẳn đến chơi nhà mình lần cuối cùng là vào hôm nào nhỉ ? » — ông nghĩ thầm — « Minh nhớ lần ấy trời mưa, buổi chiều. Cách đây ít lắm cũng là ba tháng rồi... » Trong thời gian gần đây, họ không năng gặp nhau.

Trong màn đêm êm vắng, đột ngột có tiếng máy xe hơi chạy rì rì và tiếng bánh xe cao-su nghiền trên con đường trải sỏi dưới vườn. Ông bác sĩ quay đi, ông bước đến gần khung cửa sổ khép hờ, nhìn qua khe cửa, qua mấy cành cây xuống vườn.

Ông đi ra ngoài hành lang — Người lão bộc đứng bên khung cửa sổ mở rộng — khung cửa mà vừa nãy, khi lái xe tới cửa nhà, ông bác sĩ đã nhìn lên — người lão bộc kể lại những chuyện vừa xảy ra với ông chủ. Một chuyện thường xảy ra với những người đau tim. Chủ nhân đang ngủ chợt bị ói mửa và tức ngực, khó thở. Ông bác sĩ gật gật đầu.

Qua khung cửa, nhìn xuống vườn, ông bác sĩ thấy người bạn thương gia ra khỏi chiếc xe Peugeot 404 sơn màu xanh lá mạ. Chiếc

xe mới tinh dù đang đêm cũng bóng loáng. Thương gia nhìn lên dò hỏi — Vô tình, ông bác sĩ cũng chấp hai bàn tay lại trước ngực và lắc đầu như vừa rời người bỏ già vừa làm. Thương gia dừng lại như sững sờ, rồi lắc đầu tỏ ý không tin. Ông bác sĩ nhún vai rồi lùi xa ra cửa sổ. Đột nhiên ông thấy mặt trời, rá rọi. Ông trở vào phòng ngồi lên chiếc ghế dưới chân giường người chết.

Ông thương gia vào phòng, bắt tay ông bác sĩ :

— Chóng quá vậy ! — Ông thương gia hỏi — Sao vậy ?

Ông bác sĩ kể lại những gì ông biết về những giây phút cuối cùng của đời người bạn, ông thêm :

— Dù tôi có đến ngay... tôi cũng không làm gì được.

— Ông nghĩ coi... — ông thương gia nói—lần cuối cùng tôi gặp ông ấy cách đây đúng một tuần. Gặp nhau ở trường đua. Tôi mời ông đi ăn cơm tối nhưng ông từ chối, ông có hẹn gặp một cô nào đó...

Ông bác sĩ nở một nụ cười không vui :

— Vẫn còn hò hẹn sao ?

Bên ngoài, lại có tiếng xe hơi. Ông thương gia đến gần cửa sổ, nhưng khi thấy ông văn-sĩ ra khỏi chiếc tắc-xi, ông lùi lại, ông không muốn báo tin buồn bằng nét mặt của mình. Ông bác sĩ nấn trồn điều thuốc lá giữa mấy đầu ngón tay, dáng điệu có vẻ ngưng ngập — « Tôi có thói quen rầy từ ngày còn ở nội trú » — Như đề tự bào chữa, ông nói — « Mỗi lần tôi rời phòng bệnh ban đêm, việc làm trước nhất của tôi là đốt một điếu thuốc lá dù là tôi vừa chích thuốc mạnh cho bệnh nhân hay là vừa ký giấy chứng nhận bệnh-nhân vừa chết cũng vậy... »

— Ông biết không ! — Ông thương gia nói—.. Ông có biết bao nhiêu năm nay tôi mới lại trông thấy người chết không ! Mười bốn năm rồi—từ năm ông già tôi nằm vô áo quan..

— Nhưng... còn bà ấy ?

— Tôi thấy nhà tôi lúc sắp chết thôi, sau đó thì không.

Ông nhà văn vào phòng, bắt tay hai người có mặt trước, và liếc nhìn về phía giường bệnh bằng một đôi mắt đờ phờ. Sau đó,

ông bước thẳng đến bên giường, bạo dạn nhìn thẳng vào mặt người chết. Tuy vậy, lần mới ông cũng mím lại — « Như vậy là bạn đi trước... » Ông nhà văn nói một mình câu đó, vì ông vẫn thường nghĩ đến chuyện trong bọn ông ai là người sẽ chết trước tiên.

Ông thương gia và ông bác sĩ đứng bên nhau bên cửa sổ, sương đêm làm họ thấy lạnh-lạnh trên mặt.

— Cũng lạ.. — Ông thương gia mở đầu — Là vì hẳn cho gọi tất cả bọn mình tới đây, để làm chi ? Hẳn muốn thấy chúng mình hội họp đông đủ quanh giường hẳn, hay là hẳn có chuyện gì quan trọng muốn nói với bọn mình ?

Ông thầy thuốc nói với một nụ cười buồn :

— Về việc hẳn cho gọi tôi đến thì chẳng có gì đáng kể là lạ. Vì tôi là thầy thuốc. Còn ông, có thời ông buôn bán chung với hẳn, có thể hẳn muốn nói gì riêng với ông chẳng ?

— Có thể lắm,

Họ nhìn ông nhà văn. Ông này vẫn đứng cúi mình bên giường, nói chuyện thăm với người chết :

— Tôi nghĩ... — ông nhà buôn nói nhỏ với ông thầy thuốc — Trong mấy lúc gần đây, họ gần nhau nhiều hơn chúng mình. Không biết hẳn có biết gì hơn không ?

Ông nhà văn vẫn đứng im, nhìn đăm đăm vào đôi mắt nhắm của người chết. Hai người bạn chờ đợi bắt đầu thấy nóng ruột. Sau cùng, ông nhà buôn bước trở vào phòng và hắng giọng. Như hiểu hai ông bạn muốn gì ở mình, ông nhà văn thở dài rồi cất tiếng :

— Ba ngày trước đây, tôi có gặp ông ấy. Hai chúng tôi chơi trong vườn cây. Cái ông có biết ông ấy nói chuyện gì không ? Chuyện đi Pháp du lịch, chuyện mua đất, xây nhà... toàn chuyện dài ngày — Ông ấy không hề nghĩ gì đến chuyện chết. Quả thực đến một số tuổi nào đó, con người ta lại thôi không nghĩ đến cái chết nữa.

Ông bác sĩ đã đi sang phòng bên. Đây là phòng làm việc của người chết, mặc dầu người chết thì còn sống không có công việc gì phải làm hết. Ông bật quạt châm điều thuốc lá đã lỏng lẻo vì bị xoay nhiều trong mấy đầu ngón

tay và một ý nghĩ đến cùng với khói thuốc — « Mình còn ở lại đây làm gì nữa ? » Ông ngồi xuống chiếc ghế da. Đến đây phút này, ông có quyền ra về, vì ông được mời tới đây với tư cách là thầy thuốc chứ không phải là bạn. Và tình bạn giữa ông với chủ nhân nhà này trước đó, đã gần như phai nhạt đến cái độ không còn có thể coi nhau là bạn nữa. Ông ta suy nghĩ — « Đến tuổi mình, người như mình không thể giao du mãi với một người không có công việc gì mà suốt đời cũng chẳng làm qua một nghề nghiệp gì. Không biết nếu hẳn không giàu sẵn, không dư tiền, hẳn đã làm nghề gì để sống ? Chắc là buôn bán ! Hẳn vẫn tính toán lắm. » Ông nhớ lại những lời phê bình sắc sảo mà người chết vẫn nói về những việc làm của người bạn viết văn.

Ông nhà buôn và ông nhà văn theo nhau vào phòng. Ông nhà văn đề lộ nét mặt có vẻ chỉ trích khi thấy ông bạn thầy thuốc ngồi đó hút thuốc lá. Ông đóng cánh cửa sau lưng lại. Ở đây, dù sao, họ cũng thấy cách biệt đôi chút với thế-giới chết và tàn lụi bên kia.

— Ông nghĩ sao ?

Ông nhà buôn hỏi, ông nhà văn lơ đãng hỏi lại :

— Nghĩ gì ?

— Nghĩ về chuyện ông ấy cho mời chúng mình tới và chỉ có chúng mình tới đây đêm nay ?

Ông nhà văn nghĩ rằng không cần phải bận óc tìm một lý do đặc biệt, ông giải thích :

— Bạn mình là người sống cô đơn, không có ai thân thích, nên đến khi cảm thấy mình sắp chết, cần có người thân ở bên...

Ông nhà buôn ngắt lời :

— Hẳn có tình nhân mà ?

— Ồ... tình-nhân...

Ông nhà văn nhắc lại, đôi lông mày nhếch lên biểu lộ sự khinh thị.

Đúng lúc ấy ông thầy thuốc nhận thấy ngán kéo bàn viết mở hé :

— Không biết ông ấy, có để chúc thư ở đây không ? Ông nói.

* DANH NGÔN

Điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước, còn điều chúng ta không biết thì mênh mông như đại dương.

Einstein

— Dù có chúc thư cũng không can hệ gì đến bọn mình — ông nhà buôn nói — nhất là trong lúc này. Hẳn có bà chị, đâu ở Nha trang thì phải...

Ông bố già vào phòng, kính cần hỏi ba ông về đám tang, việc báo tang. Ông biết rằng chủ nhân có gửi chúc thư ở văn phòng luật sư, nhưng chắc chúc thư không có nói gì đến chuyện tang ma. Ông thầy thuốc hỏi người gia nhân về lý do chủ nhân cho mời ba ông tới đây đêm nay, vì từ lâu rồi, chủ nhân không còn nhờ ông trông nom sức khỏe cho nữa. Rõ ràng là chờ đợi để được hỏi câu đó, người bố già mở chiếc ví da cũ kỹ, căng phồng, lấy ra một tờ giấy đã nhàu nát, và nói rằng cách đây đã bảy năm, chủ nhân y đã viết tên những ông bạn mà ông muốn mời đến khi ông ta hấp hối. Vì vậy, khi chủ nhân y đã mê man không còn biết gì nữa, y vẫn tự ý cho mời các ông tới theo ý muốn của chủ y.

(còn 1 kỳ)

triết lý

«NỖI LOAN» của

ALBERT
CAMUS

★ P. de BOISDEFRE
● MỸ-TÍN thoát dịch

HẦU hết các tác phẩm của A. Camus đều mang nặng một nhân sinh quan bi đát, tuyệt vọng. Ông thường hay biện minh triết lý nổi loạn của ông đại khái như : muốn phục hồi nhân vị cao trọng của con người, nhân loại chỉ còn có cách là nổi loạn với Thượng-Đế chối bỏ sự sống, chối bỏ hiện sinh, chối bỏ cái gì chán nản, lầy lưa, buồn nôn mà trong đó con người chỉ còn biết có ăn, ngủ, làm việc...

rồi lại làm việc, ăn, ngủ... ! Năm tháng cứ lê thê dặng mắc mà không ngừng những cái vô nghĩa, những cái phi lý cho đến một ngày nào sự chết đến, thế là hết

Sự chết không những chỉ là một giải thoát mà còn là một biểu hiện của lòng bác ái mà tất cả mọi người đều có phần cùng nhau chia sẻ. Tất cả mọi người đều phải chết, A. Camus nhận thấy ở sự chết một cái gì đồng đều, công bằng và bác ái cho nên ông hay nhắc đi nhắc lại rằng

chỉ có sự tự sát mới thật là một vấn đề triết học đáng quan tâm !

Cái mà A. Camus cho là phi lý thật ra là một huyền nhiệm, là một tương quan kỳ bí trời buộc con người vào cuộc đời, là một sự ly dị của một bên là nhiệt tình muốn hướng về vĩnh cửu và một bên là cuộc đời với những cố gắng, những tranh đấu đầy kiêu hãnh, đầy tội lỗi của con người. Thiết định sự huyền nhiệm đó tức là đi sâu vào một vấn đề siêu hình : kể từ lúc bị nhân ra thì cái phi lý nọ là một đăm mê đau đớn nhất.

Muốn cứu vãn cuộc đời, muốn giải thoát con người, trường A. Camus phải yêu đời, thương thân phận con người, nhưng không, ông lại chủ trương yếm thế, chủ trương chống đối (nổi loạn) và cho rằng những chủ trương ấy nhằm mục đích phục hồi giá trị hay ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời bởi vì theo ông thì cái tấn trò kiêu ngạo của con người không có gì so sánh kịp. Chối bỏ hiện sinh, chối bỏ sự sống, tự tử, A. Camus bảo đó là những tấn trò kiêu ngạo, và ông ca tụng những tấn trò kiêu ngạo ấy. Ông sáng

tác ra những màu người phi lý trong *L'Etranger*, những hoàn cảnh phi lý trong *Le Malentendu*, những anh hùng phi lý trong *Caligula*, *Les Justes* và sau cùng một nhân loại phi lý trong *La Peste*.

Trong kịch *La Peste*, A. Camus có ý muốn nói lên niềm đau đớn, chua xót của thân phận con người. Biết kiếp người chỉ là một sự lưu đày, và cuộc đời là bề khổ mà con người không biết làm cách nào thoát ra được. Những nhân vật *Rioux* và *Tarrou* hiểu rằng sự chiến đấu với một nạn dịch hạch không phải chỉ là một vấn đề chữa bệnh hay ngừa bệnh đơn thuần mà còn là một vấn đề nhân đạo, nhân ái. Và *Tarrou* đã phải kêu lên : « Tôi cần biết làm thế nào để thành thánh. Không biết người ta có thể thành thánh mà không cần đến Thượng-Đế được không ? ». Phải chăng A. Camus đã cố ý làm lẫn một vị thánh với một vị anh hùng ? Lịch sử đã chứng minh hàng ngàn lần rằng sự hiển thánh chỉ có thể thật hiện được khi nào có một mối liên hệ giữa một con người đầy ân-sủng với Thượng-

Đế. Trái lại, ở những người thường, nhiều trường hợp người ta thành anh hùng do óc kiêu ngạo, thứ kiêu ngạo của những người hùng hay những kẻ sát nhân có tâm hồn trong *Les Justes*. Nhân vật *Caligula* tưởng có thể tác thành hạnh phúc cho nhân loại ngay trên sự đau thương tang tóc của hàng chục vạn sinh linh. Nhưng rồi y cũng nhận ra, mặc dầu quá trễ, rằng chém giết, tàn sát không phải là một giải pháp. *Kalyaev* cũng vậy, y cũng đã cho mình là "công chính", y muốn giết tất cả con cháu của đối phương để tận diệt dòng họ của kẻ thù. Nhưng rồi y cũng như biết bao kẻ khác, những kẻ giết người không góm tay, giết để xây dựng, chúng bảo thể, giết để gây hạnh phúc, giết để tô điểm cho một ngày mai huy hoàng... nhưng chẳng bao giờ huy hoàng, chẳng bao giờ hạnh phúc cả ! Lý do : những quân giết người ấy có biết tình thương, biết lòng nhân là gì đâu ! Chúng chỉ như những con người máy, mù quáng, một đôi khi lương tri của chúng cũng léo lên, đó là lúc mà chúng cảm thấy đang nhúng tay vào tội ác, đang phạm pháp, nhưng chúng lại

ngụy biện ngay rằng : nếu cần phạm pháp để xây dựng lại một thế giới mà ở ngày mai không còn ai giết ai, thì cái việc phạm pháp ấy, cái hành động tàn sát hàng ức hàng triệu nhân mạng ấy (hành động của *Hitler*, của *Staline* chẳng hạn) trái lại, đó chính là những nhiệm vụ, những bổn phận mà chúng phải thi hành ! Chúng hãnh diện vô ngược bảo rằng chúng phạm pháp để che giấu ngày mai nhân loại hoàn toàn vô tội.

A. Camus cũng ghê tởm những con người ấy, nhưng ông vẫn cứ loay quanh trong một ngõ cụt để than vãn rằng cuộc đời là phi lý, là vô nghĩa, muốn tự cứu con người chỉ còn có cách là nổi loạn ! Nổi loạn với ai nếu không là với Thượng-Đế ? Nhưng A. Camus có tin là có Thượng-Đế đâu !

Đấy, chúng ta sẽ nhận ra không khó khăn, A. Camus lưỡng lự, bất nhất giữa những ý niệm nổi loạn và nhân đức, công bằng và vô tội và ông đã hiểu lầm về Đạo Gia-tô khi ông bảo đạo này chỉ là di sản của sự bất công xây dựng trên sự hy sinh của Con Người vô tội. Ông cho đó là

một sự vô lý, một nghịch thuyết vĩ đại. Tuy nhiên, khác với Sartre, ông không bao giờ từ chối thảo luận về tôn giáo Gia-Tô.

Nhiều người cho rằng đã nhận thấy trong tác phẩm *L'Homme Révolté* những tư tưởng phản tỉnh của A. Camus. Trong ấy ông đã dựng lại tấn bi kịch lâu lắc của một Âu Châu kiêu hãnh muốn chống lại các chính quyền, chống lại Thượng-Đế và sau cùng chống lại cả con người. Cuộc nổi loạn vĩ đại của Sade, một nhà cách mạng đã đưa ngót ba chục vạn con người đến chỗ chết, quả là những độc hình, những hành động đã man ! Nhưng bọn khủng bố cho đó là xây dựng ! Và để nhân danh tự do, *Hitler*, *Staline*... chẳng đã thực hiện những lời tiên tri của *Hégel* bằng cách tạo ra những công trường, những trại tập trung vĩ đại để lùa vào đấy hàng triệu con người nô lệ là gì ? A. Camus do dự

không chịu đưa ra những kết luận thích đáng... Tuy nhiên, « cuộc nổi loạn » của ông sẽ không vùi sâu ông xuống vực thẳm, vì nó bắt nguồn từ cơn tìm, từ những thúc phọc tình cảm của những con người đang sống, chứ không phải những con người « đã chết », hay những con người máy

Hiểu A. Camus, ai lại không mong cho ông nhận ra rằng muốn phục hồi ý nghĩa cuộc đời ông phải yêu đời, yêu sự sống... âu đó cũng là một sự mong ước khó thực hiện, trừ khi có một phép lạ. Phải, chỉ có phép lạ thì họ may A. Camus mới có thể trở về với lòng tin vào đức công bình của con người hay của Thượng-Đế.

Nay A. Camus đã ra người thiên cò, nhưng đọc ông, nhiều người vẫn không ngớt kéo dài sự ước mong ấy.

(Trích tạp chí *ECCLÉSIA* số 33)



* TƯ TƯỞNG HAY

Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.
(Chiu ý trời thì còn, trái ý trời thì mất).

CÒ NGŨ

NGƯỜI
VIỆT

CAO
QUÝ

★ THIẾU - SƠN

Số báo này tôi xin phép độc-giả cho tôi nghĩ một kỳ nói về « *Người Chiến quốc* » để nói về người Việt-Nam.

Tôi muốn nói tới một cuốn sách nhỏ do một người Ý viết. Sách nhan đề « *Người Việt cao-quý* », tác giả là ông A. Pazzi, do Hồng-Cúc dịch, Cáo-thom xuất-bản.

Tôi chưa thấy một người ngoại-quốc nào lại am-hiếu người Việt-Nam đến thế. Hơn nữa, ông không viết một cách khô-khan với những dẫn-chứng nặng-nề về lịch-sử và những sách tham-khảo.

Ông đã viết với những nhận xét tế nhị và với cả một tấm lòng nồng hậu làm cho người ta phải đọc ông một cách say sưa đầy hứng thú. Như đọc một bài thơ. Ta hãy nghe ông nói :

« Chưa có một dân tộc nào chiến đấu oai hùng như họ trải qua lịch-sử, mà họ có bản anh hùng ca nào đâu ? Cũng chưa có dân tộc nào đã từng làm than đến thế mà họ có lời kêu khóc nào đâu » *Văn chương Việt-nam không hề có sự bi thảm, tuyệt vọng, bởi vì dân tộc của họ không hề bi thảm đến mức tuyệt vọng, dù phải sống*

NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ

vào bất cứ trường hợp nào... »

Không phải tác giả đã nói một cách tổng quát mà tổng quát thường đi tới sự hồ đồ. Ông đã phân tách một cách tỉ mỉ, nhận xét một cách tinh vi, giải thích một cách xác đáng những cái gì mà chính người Việt-Nam chúng ta nhiều khi không hiểu-biết gì về dân-tộc của chúng ta.

Trong văn-học cận-đại ông Nguyễn-Văn-Vĩnh đã chiếm được một địa-vị lớn-lao. Học sinh và sinh viên vẫn phải học-tập nhiều ở nhà văn tiên-bối đó.

Có một bài tôi thích nhất là bài « *Gì cũng cười* » của ông. Ông viết : « *Thực không gì tức bằng cái tức phải đối-đáp với những kẻ nghe mình nói chỉ lấy tiếng hi hi mà đáp lại. Phản đối không tức, kẻ bịt tai lại không thèm nghe, không tức đến thế... Ừ, mà không gì bực mình bằng rất cô, bồng hòng, môi lưỡi, té môi, đẽ mà hỏi ý-kiến một người mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng hi, khen không ơn, mắng không cãi, hỏi không thưa, trước sau chỉ một tiếng cười hi, thì ai không phải phát tức... »*

Nhưng ông Pazzi lại không đồng-ý với nhà văn tiên-bối của chúng ta, ông cho rằng ông Vĩnh đã đứng trên quan-điểm Tây-phương để mà quan-sát đồng-bào của mình và trong quan-điểm của ông có cái thái-độ hời hợt, nghi hoặc của một tên quan thuộc-địa nhìn dân bản-xứ như bọn hèn-hạ xấu-xa.

Ông Pazzi nói : « *Nếu không tự-tạo nên một vẻ bề trên thì nụ cười ấy cũng nói lên sức chống đối gần như thường-trục. Nhiều người Việt-Nam vẫn không nghĩ rằng mình cười như thế, và không ngờ rằng mình lại muốn cười như thế bao giờ. Chính sức 'u-vệ' âm-thầm bên trong của giống nòi họ đã tạo nên cách thế ấy, ngoài vòng kiểm-soát ý-thức. »*

Sự nhận-xét của ông Pazzi khiến tôi phải suy-nghĩ và nhớ lại thời-buổi xa xưa mà tôi đã sống dưới sự « bảo-hộ » của Pháp. Chính tôi đã ca-tụng nền « hòa-bình của Pháp » (la paix française) trong đó ngoài nhà tù và trại lính còn có những « nhân-sĩ » Việt-Nam ngự-trị trên cấp bậc cao nhất của xã-hội Việt-Nam hồi bấy giờ. Họ được sự ưu-đãi của

Tây, họ cách biệt hẳn với đồng bào của họ ở những giai-cấp « hạ-lưu ». Cổ-nhiên là hạng người này không thể tin cậy vào họ được và phải đem cái « cười hí » để trả lời cho mọi câu hỏi của họ, cũng như đối với mấy ông quan thuộc-dịa mà luôn luôn dân-tộc Việt - Nam phải cảnh - giác đề-phòng.

Ông Pazzi phân tích thêm : « Nụ cười của người Việt-nam, cũng như hầu hết nụ cười của dân tộc Đông phương có vẻ gì bí hiểm mà khó đoán hiểu dễ dàng. Riêng người Việt-nam, khi vành môi họ nhếch lên hay mỉm nhẹ lại, họ đã qui tụ cái nhìn, đôi mắt theo hướng ấy, và trong phần tư, phần sáu nụ cười lửng lơ của họ, người ta đoán thấy một sự nhạy cảm lạ lùng đi đôi với một năng khiếu phê phán linh hoạt ».

Ông Pazzi không những chỉ chú ý tới nụ cười mà ông còn chú ý tới nhiều phương-diện khác của người Việt-nam để kết luận rằng dân tộc này đã tạo nên một lịch-sử vẻ-vang và cái lịch-sử vẻ-vang đó luôn luôn ăn-hiện ở mỗi người Việt-nam không mất gốc. « Vẻ đẹp trên khuôn mặt

người Việt-nam là do quá trình gian khổ của dân tộc họ làm thành và sức quật - cường lao của dân-tộc họ tạo nên. Cặp mắt họ biết quắc nhìn, giận dữ mà không rần bực, đôi môi họ biết mỉm chặt, căm hờn mà không ác-tâm. Tiếng nói của họ, vốn là ngôn-ngữ riêng của âm nhạc vì có nhiều dấu, nhiều giọng khác nhau, không phải tiếng nói của hỗn-loạn và của cay - nghiệt.

Trên khuôn mặt người Việt Nam có cả vết hằn của lịch sử của họ. Cái vết hằn ấy ở khóe môi, ở vầng trán, ở trong ánh mắt, nụ cười, ở trên màu da và trong tiếng nói. »

Tôi xin thanh - minh rằng cuốn « Người Việt cao quý » tôi đã kiếm mua để đọc chứ không phải là sách tặng như phần nhiều sách đã được các bạn trong làng quá yêu mà gửi tặng. Tôi cũng nói thêm rằng tôi đã phụ lòng nhiều bạn đã gửi sách tặng mà tôi chưa kịp coi và chưa có lời giới thiệu hay phê-bình gì cả. Riêng đối với « Người Việt cao quý » tôi thấy nó có giá trị hơn một cuốn sách vì nó chứa đựng những bài học xác đáng

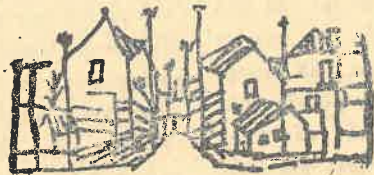
cho tất cả mọi người trong chúng ta, thứ nhất là hạng người được mang-danh là trí-thức. Cái trí-thức mà họ đã thu lượm được ở bên Âu hay bên Mỹ thường khiến cho họ tự-kiêu, tự-dã và càng ngày càng đưa họ đi xa với những cái gì của dân tộc. Thực dân Pháp đã mở miệng khinh dân tộc mình là một « giống nòi dơ dáy » (Sale race) đã coi người nông dân nước mình là Sale nhà quê. Và cũng có một số trí-thức Việt-Nam đã phụ họa với thực dân để mia-mai chế-diễu những ông « Lý Toét » với « Xã xệ » của nước mình. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp tôi đã hân hạnh được gần-gũi với người nông dân chất-phác mà trung-tiên, với người công-nhân anh-hùng và bất khuất với các tầng lớp nhân-dân đã đoàn-kết như trỉ để hoàn thành một nhiệm-vụ nào là con người trí-thức chỉ có thể phục-vụ thiết-thực quê-hương khi họ biết hòa mình với nhân dân để tranh-dấu cho chánh-nghĩa quốc-gia và dân-tộc. Tách rời khỏi nhân dân họ sẽ thành những con cá khỏi nước, những thân cây khỏi rừng. Họ thấy họ

bị cô lập một cách bi - thảm và họ rất dễ sa vào cạm bẫy của thực dân hay đế-quốc. Người trí-thức có cái may mắn là đã hấp thụ được phần nào những cái hay, cái đẹp của văn-hóa ngoại-lai. Nếu họ biết đem những kiến-thức đó để bổ-túc cho nền văn-hóa của dân-tộc thì qui-hóa vô cùng. Nhưng phần nhiều họ lại mất gốc, xa nguồn mà trở nên xa lạ với đồng bào của họ. Đó là một điều rất nguy-hiêm. Ông Pazzi chỉ là một người ngoại-quốc nhưng ông đã sống lâu năm ở Việt-Nam. Ông đã nghiên-cứu lịch-sử, văn-hóa Việt-Nam và ông đã tìm ra được những nét cao-quý ở người dân Việt-Nam. Chính nhờ đọc cuốn sách của ông mà tôi mới hiểu thêm đồng-bào của tôi, hiểu thêm dân-tộc của tôi để vững lòng tin-tưởng vào tương lai của đất nước.

Tôi khuyên bạn đọc nên tìm đọc « Người Việt cao quý » vì tôi không thể nói hết ở đây tất cả những gì chứa đựng trong sách này. Và tôi xin kết luận bài này bằng chính những lời của tác giả : « Người Việt-Nam nào biết quan tâm đến sinh hoạt của đồng bào mình, biết sống một cách

hân hoan, thực sự cũng không thể nào không đem mình ra dang trải nắng gió và những cố gắng mà dân tộc mình trải chịu. Phải nhìn nhận rằng do những biến cố lịch-sử liên tiếp do những ảnh hưởng bên ngoài đối với xứ sở, người Việt bị lâm vào cảnh nghèo khổ và phải cố gắng lâu dài họ mới hoàn toàn sung sướng.

Những kẻ sớm với hưởng lạc bây giờ có lẽ đã bỏ dân-tộc mình mà đi. Do đó, khuôn mặt đẹp nhất của người Việt-Nam hiện-tại vẫn là khuôn mặt rít rắng, khuôn mặt khắc-khò, khuôn mặt của



● AN TRỘM CÓ NGHĨA

Ông Campana, trạng-sư tại Tòa án Ba-Lê đã bào chữa cho một gã nọ vào khoảng 25, 26 tuổi. Tên này được tha bổng mặc dù là một tay chuyên môn ăn trộm xe hơi.

Nhớ ơn người đã cứu giúp mình, một hôm hắn gửi đến cho ông một bộ khóa xe " chống ăn trộm " kiểu mới vừa ra lò, đính theo một lá thư :

Xin trạng sư cứ yên tâm. Với bộ khóa này, xe của trạng sư không còn sợ ai ăn cắp nữa. Riêng tôi, tôi cũng không chú ý đến đâu.

những âu lo và hy-sọng, khuôn mặt linh-động phong-phu của những con người đang viết những trang sử lớn lao. »

Và cố-nhiên không phải là bản mặt phi-nộn của những kẻ làm bộ yêu nước, thương nòi, cầm một gói đất của quê-hương đem theo ra ngoại-quốc cùng với vô-số tiền bạc và dollar. Bây giờ họ đã liệng quách gói đất của quê hương và đương sống phè-phỡn ở ngoại quốc với số tiền bán nước, buôn dân của họ.



bài ca bạch vân

★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

Mời nào nở đóa hồng thơm
Ngày xưa đôi bóng bên nguồn, thùy dương
Bãi xa nổi mộng bình thường
Năm năm vòng tóc hãy còn nhớ nhau
Ngập ngừng nghĩ chuyện mai sau,
Buồn dâng mắt biếc, chiêm bao một giòng r
Phổ chiều em đứng chon von,
Tình xưa, cây đã lá non lia cành
Gặp nhau ngày tháng qua nhanh
Nhìn nhau muốn kể chuyện mình, lại, thời !

hoang vắng

★ NGUYỄN-TIẾN

Nửa đêm tâm sự với đèn
Gió lùa khe tóc gọi tìm trở về
Rêu phong phủ kín màn the
Sóng triều nghiêng đổ mây che lấp trời
Ngàn năm giấc ngủ trong nôi
Mang hình bóng cũ, đổi đời hư vô

ĐỐC NGŨ

* *Phạm-văn-Sơn*

VÀO những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, thực dân Pháp sau khi đã đánh tan được nhiều phong trào văn thân vũ trang tranh đấu tại miền Trung đã tưởng sắp được rảnh tay để ăn ngon ngủ kỹ.

Các phong trào đó là :

— Cuộc khởi nghĩa của Trương-dinh-Hội và Nguyễn-tư-Như ở Quảng-Trị năm 1885.

— Cuộc khởi nghĩa của Lê-Ninh tức Ấm Võ ở Hà Tĩnh năm 1885.

— Cuộc khởi nghĩa của Mai-xuân-Thường, Bùi-Điền và Nguyễn-đức-Nhuận năm 1886.

— Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn-phạm Tuân, Lê-Trực ở Quảng-Bình năm 1886.

— Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-doãn-

Nhà ở Nghệ-An và Thanh-Hoá năm 1886.

— Cuộc khởi nghĩa của Phạm - Bành, Đinh - công-Tráng, Hà văn - Mao ở Ba đình (Thanh-Hóa) năm 1886.

— Cuộc khởi nghĩa của Tạ-quang-Hiện ở Thái-bình năm 1886.

— Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn-thiện-Thuật ở Bãi-Sậy (Hưng-Yên) giữa 1885-1889 v..v..

Còn sót lại trong giai đoạn này tại miền Bắc Trung-phần là cuộc khởi nghĩa của ông Nghè Tống-duy-Tân và Cao Điền ở Hưng-lĩnh (Thanh-hóa) năm 1892 và cuộc khởi nghĩa của cụ Đình-nguyên Phan-dinh-Phùng lại rai từ 1885 đến bấy giờ (và hạ màn vào 1896).

Khởi lửa của các phong trào cứu quốc tại núi Hồng sông Lam từ thuở kinh

thành thất thủ (1885) đã làm xúc-dộng lòng ái-quốc của sĩ-dân miền Bắc thành tri muôn thuở của các cuộc chống ngoại xâm. Ngày nay nếu không quên những anh hùng từ vùng Đồng-Nai ra tới ngàn Nghệ-Tĩnh thì cũng cần nhắc đến một số tuấn-kiệt ở đất Nhị-Nùng.

Với số báo này chúng tôi xin giới thiệu đến vị chiến-sĩ sông Đà, Đốc Ngũ, người đã chống thực dân Pháp rất kịch liệt luôn hai năm liền vào cuối thế kỷ XIX (1891-92).

Dân chỉ nhớ nhà ái-quốc đó là Đốc Ngũ. Đốc đây là Đốc-binh có khi tự người chiến sĩ phong cho mình để có danh hiệu, cũng như chữ Đề của Đề-Kiều, Đề-Thám là những chức Đề-Đốc mà các ông đặt cho mình để có cấp bậc trong việc chỉ huy. Ngoài ra ta còn thấy các quan Khâm sai, Thống chế thuở đó của

triều đình những khi mất liên lạc với triều đình hay ly khai với chánh quyền đã lập quân đội riêng rồi tự phong quan phong tướng cho nhau để có trật tự trên dưới trong việc điều khiển quân đội.

Chúng tôi chưa thấy tài liệu nào nói về họ của Đốc Ngũ, nơi sinh quán, thân thế, sự nghiệp của ông trước khi ông phất cờ cứu quốc.

Rất có thể Đốc Ngũ là một thảo dã anh hùng như bao nhiêu vị khác ở các địa phương khác tại Bắc-kỳ bấy giờ đã nức lòng hiến mình cho tiếng gọi Cần vương qua nơi quan Phụ-chánh và đại tướng Tôn-thất-Thuyết sau vụ đánh úp quân Pháp ở đồn Mang-cá.

Trên chiến trường miền Bắc, các ông Đề, ông Đốc, ông Lãnh chống Pháp xét ra cũng khá nhiều, cũng có vị xuất thân lệnh tộc thế gia

nhưng đa số là người thuộc giới cơm rau áo vải.

Họ chẳng được rèn luyện ở một trường võ-bị nào cả, thường cũng chẳng đọc được binh thư thế mà khi xuất trận nhiều khi cũng tỏ được tài nhập thần xuất quỷ, chỉ có vũ khí thô-sơ mà cũng làm cho giặc Tây nhiều phen mất mặt.

Đốc Ngũ vào loại này và đã nêu cao được thành tích vẻ vang trong lịch sử kháng Pháp của nước nhà.

Vào năm 1889-90 phong trào chống Pháp ở vùng Sông Đà (Sơn-tây, Hòa-bình, Hưng-Hoá) sôi nổi hơn bao giờ hết một phần nhờ bắt được liên-lạc với Tôn-thất-Thuyết ở bên kia biên-thùy Việt-Hoa. do đó mà có sự tiếp tế súng ống đạn dược qua núi rừng Tây-Bắc Bắc-Kỳ, vùng thượng-lưu sông

Hồng và sông Đà. (1)

Tại đây Đề Kiêu đang có uy-quyền thực-tế (*Histoire militaire de l'IC trang 181*) sau nhiều cuộc thắng trận từ tháng 8.1889 đến tháng 6-1890 tại các tỉnh kể trên. Lúc này vua Hàm-Nghi đã bị bắt và đã bị đày qua Algérie. Xét ra có vua dân Việt cũng chống Pháp mà không vua dân Việt cũng vẫn diệt thù, đồng bào Việt-Nam có một ý-niệm quốc gia luôn luôn sâu sắc, sáng suốt. Thực lực của ông Đề đất Cát-trù huyện Cẩm-Kê tỉnh Phú-thọ có 300 cây súng bắn mau (súng ngoại quốc) và nhiều súng do dân địa phương chế tạo lấy dễ sẵn bắn, đó là súng hỏa-mai cũng khá lợi hại.

Đốc Ngũ hoạt động từ trên sông Đà vào đến Chợ Bờ (Hòa-Bình). Ông có 600 tay súng bắn mau, quân bắn bộ cũng chỉ có chừng năm ba trăm nhưng nếu cần quân

số có thể tăng gấp đôi do sự hưởng ứng của nhân dân.

Năm 1889-90 Pháp có đóng một đồn tại chợ Bờ để bảo vệ tỉnh-ly Hòa-bình. Công-sứ tỉnh này là Rougery Bình của Pháp ở đây là lính người Mường. Đốc Ngũ mở cuộc quân-vận có hiệu quả rồi vào đêm 29 rạng 30 tháng

Theo tác giả «Chống xâm lăng (lịch sử Việt-Nam từ 1858 đến 1898)—Phong trào Cần vương» Cụ Tôn-thất-Thuyết sau vụ Kinh thành thất thủ trao vua Hàm-Nghi lại cho cụ Phan-dinh-Phùng và con là Tôn-thất-Thiệp rồi qua Trung-Quốc cầu viện. Thanh Đình bấy giờ có thái-độ khiếp nhược đối với Tây-phương nên không giúp được việc gì đáng kể và tuy Thanh-Đình phải giữ cụ Thuyết lại trên đất Tàu nhưng cụ vẫn tìm liên lạc với Kháng-chiến ở nước nhà và đã mua giúp vũ khí gửi qua biên giới Việt-Hoa. Cách mạng V.N. đã gửi bạc trắng và trâu bò cùng nhiều thổ sản sang để nhờ cụ đổi chác. Nhiều sách sử cũ không biết gì về việc này.

9.1890 nghĩa quân đánh úp phá được đồn giặc, tòa tỉnh trưởng, cướp được 118 khẩu súng trường, 4 súng lục, 40 ngàn viên đạn.

Hôm sau nghĩa quân phục kích vẫn ở chợ Bờ chờ một toán lính địch đi đặt đường giây thép và chiều hôm 1.2 tháng sau (tháng 10-1890) lại thắng một trận nữa. Trong trận này có điều đặc biệt là lính cơ đã giết bọn Pháp rồi chạy sang phía nghĩa quân.

Trận này đáng kể là một trận lớn thuở đó ở Bắc-Kỳ.

Từ cuối 1890 qua đầu năm 1891 giữa nghĩa quân Đốc Ngũ và địch có xảy ra nhiều trận khắc tủy không to và luôn luôn nghĩa quân cướp được súng, giết được giặc. Nếu có những cuộc hành quân lớn thì Đề Kiêu phối hợp với Đốc Ngũ hoặc Đốc Ngũ liên lạc với Đề Kiêu để cùng đánh Pháp theo một kế hoạch chung.

Về phần Pháp, chúng thấy phải chia rẽ hai đám nghĩa quân Cát - trừ và sông Đà sao cho họ không tiếp tay được cho nhau, đây nghĩa quân ra khỏi xóm làng và các đồng lúa cho cạn đường tiếp vận quân lương, tách đồng bào kinh ra khỏi đồng bào Thượng. Tóm lại đó là chiến-dịch cô lập-hóa quân khởi - nghĩa của Tổng-hành - dinh thực dân đóng tại tỉnh Sơn-tây lúc ấy.

Vào đầu tháng ba năm 1891 hai đạo quân thực dân được phong ra để tấn công quân Đốc Ngũ : một do quan tư Geil gồm 450 tay súng và 2 đại bác, một do quan tư Bergougnieux có 125 cây súng mứt và 450 lính cơ dưới quyền tên Tổng - đốc tỉnh Sơn tây, bấy giờ.

Đạo quân của Geil xuất phát từ Sơn-tây. Đạo quân của Bergougnieux ra đi từ

Hưng-hóa. Hai đạo quân này vượt sông Đà qua Tu-Vũ, tiến đến Thúc - luyện là nơi tập trung đã hẹn trước.

Đồng bào địa - phương được tin báo nên đã áp-dụng kế hoạch vườn không nhà trống, kéo nhau vào núi lánh nạn và cũng để cho nghĩa quân khỏi vướng víu.

Ngày 13 tháng 3, hơn một ngàn nghĩa - quân đụng độ với địch tại xóm Giồng. Hai bên kéo trận đánh từ sáng tới chiều. Địch mất một trung đội. Ngày hôm sau, chiến - cuộc tiếp diễn ở một địa điểm không xa vùng chiến hôm trước, nghĩa quân bị mất số đạn đã cướp được của địch hồi đánh đồn Chợ Bờ.

Đêm 21 rạng 22 nghĩa quân Mường kịch chiến với địch ở Cự-thắng do quan ba Debay cầm đầu. Lối đánh của nghĩa quân là di động chiến, tức là không đóng

đồn bốt hay đặt căn cứ lâu ngày ở nơi dân làng nào cả.

Chiến dịch của địch không đem lại kết quả nào hết, chúng phải rút về Sơn Tây, để lại Yên Lãng một đồn lính. Nghĩa quân lại trở về vị trí cũ là mé sông Đà. Tháng tư năm ấy, một tàu binh Pháp ngược con sông này bị Đốc Ngũ tiêu diệt tại khoảng giữa Tu - vũ và Phương lâm.

Áp lực của nghĩa-quân đè nặng vào vùng lân cận thành Sơn. Thực dân dĩ nhiên không chịu được rồi quan ba de Moulin ngày 7.10.1891 đem một lực lượng tiến vào Cam-dài tìm nghĩa quân để đàn áp. Nghĩa quân không ra mặt nhưng ngày 16-10 Pháp bị nghĩa quân phục kích cách thành Sơn 6 cây số về phía Nam. Một trăm năm chục tên chạy dài rồi rút về tỉnh lỵ sau khi không cầm cự nổi quân ta ở xóm Đông.

Ngày 3 tháng 11 nghĩa quân vào khoảng 300 người tiến đến chân núi Ba-Vi (thuộc tỉnh Sơn-tây) phá tan đồn điền Bourgoin—Meiffre (2).

Địch giận lắm, đem đại quân vào mở cuộc càn quét nhưng nghĩa quân đã biệt dạng từ lâu. Họ rút về Mỹ-Cường, Đông-Nam tỉnh Sơn.

Ngày 26-12 hai quân gặp nhau ở Thọ-lão. Trong lúc này binh đoàn của quan tư Bourgougnieux đuổi nhau với quân của Đê-Kiều từ huyện Cẩm-Khê sang phủ Đoan-hùng theo kế hoạch của chiến dịch nói trên.

Nhiều trận đánh đã diễn ra tại huyện Hạ-hòa, Đại-Phạm, Thanh-ba, Gia-hòa, Ngòi Lao và lưu vực sông Chảy.

Kết quả về phía địch xét ra không có gì đáng kể, hao binh, tổn tướng, mệt nhọc mà không thu lượm được gì. Lực lượng nghĩa quân Cẩm-Khê cũng như lực lượng sông Đà vẫn không

hư hao gì hết.

Trong khi Sơn-tây, Phú-thọ, Hưng-hóa sắc mùi súng đạn thì tỉnh lân cận là Vĩnh-yên cũng rối loạn không kém với nghĩa quân của Đốc Giang từ năm trước (1890). Cảnh quân này chiếm được Liên-son, Lập-thạch, phủ Vĩnh-trường là mấy phủ huyện vừa sát núi (Tam-đảo) vừa gần dân được sung mãn về quân lương dễ chống giặc không ngừng. Sách lược của Đốc Giang tại địa phương này là dựa vào núi rừng Tam-đảo để khi tiến khi lui, lợi dụng các phủ các huyện của Vĩnh-Yên để có thóc gạo và quân sĩ, kéo dài chiến tranh cho tới lúc trí cùng lực tận...

(xem bản phụ chú)

(còn tiếp)

(2) Hạng Bourgoin Meiffre có 8.461 mẫu tây đồn điền ở Sơn tây, Hòa-bình, Phú-Thọ.

PHỤ CHÚ—Thực dân Pháp sau khi đã hoàn thành cuộc chinh phục ở Việt Nam liền cho bọn tay chân chia nhau lũng đoạn nền kinh tế, thương mại và tha hồ cướp đoạt đất đai của đồng-bào nông dân ta. Chúng cướp công điền, công thổ và cả những ruộng đất dân đã khai phá từ lâu đời, nhất là ở các vùng trung-du, thượng-du nhưng chưa điều-chỉnh vào sổ sách.

Nhiều tên nhà buôn Pháp vừa làm nghề buôn vừa xin đất làm đồn điền hàng vạn mẫu ta để tự lực khai thác thì ít, còn phần nhiều vẫn để cho dân nghèo Việt Nam trồng trọt. Dân ta làm ruộng cho chúng, lấy gỗ cho chúng, rồi nộp thuế. Tô tức là thuế nộp cho các chủ đất, chủ ruộng thường đánh rất nặng từ 50% đến 80% theo giá trị hoa màu và sản vật. Nó là một hình thức bóc lột thành thối nhất và cũng dã man nhất về phía địa-chủ là bọn chuyên ăn không ăn hồng. Do những hàng động vô nhân đạo

và quá áp bức này của thực dân, cụ Hoàng-hoa-Thâm đã được nông dân vùng Bắc-giang ủng hộ suốt 30 năm, các đồng bào Thượng từ Hòa-bình, Hưng-hóa, Sơn-tây, Lai-châu, Sơn-La v.v.. cũng nổi lên tranh đấu từ cuối thế kỷ 19, đến Đệ nhất thế chiến. Ở Trung-Kỳ vùng Tây nguyên, ở Nam Kỳ các miền Đông Bắc cũng có nhiều phong trào tương-tự.

Nghĩa-quân Đốc Ngũ, Đê Kiêu Đê Thâm nếu nhờ được sự tích cực công-tác của nhân dân nhất là ở giai đoạn địch quá mạnh không đáng lạ. Tiếc rằng các cuộc khởi nghĩa có tính cách đơn độc, thiếu phối hợp, kém tổ chức nên lần lượt rơi vào vòng thất bại.

(Tổng số ruộng đất Pháp chiếm của dân quê Việt-Nam là 470.000 mẫu tây vào năm 1913. Con số này tiến lên đến 760.000 mẫu tây vào năm 1930, tức là gần 1/6 tổng số ruộng đất ở nước ta).



* DANH NGÔN

Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.

Nguyễn-văn-Học

VƯỢT

Truyện ngắn

* LÊ VƯƠNG

BỀ

THUYẾT trình viên đọc tập tài-liệu bằng một giọng đều đều nghe thật là êm tai. Tự dưng hẳn nghĩ rằng lúc chưa « hành nghề » công-chức, chắc hẳn ông này ở nhà chuyên phụ trách việc ru con cho vợ không sai. Hẳn tỏ ra thỏa mãn lắm. Ừ, thì cứ mỗi tuần một lần hay hai lần nghỉ việc nguyên một

buổi vào ngồi họp với anh em nghe bản nhạc triển miên này, rồi thì vỗ tay, rồi thì nhìn qua nhìn lại xem có ai thắc mắc gì không, và bế mạc, đi về. Có gì sướng hơn nữa chứ? Hẳn sửa soạn kiêu ngời lai cho thoải mái để tận hưởng niềm vui.

Đây không phải là một giảng đường, một phòng

VƯỢT BỀ

khánh-tiết, mà là văn phòng của ông Giám-đốc tạm dùng làm nơi học tập hằng tuần. Các nhân-viên tự mang ghế của mình ngồi xoay thành vòng tròn nên người nào cũng nhìn thấy mặt nhau. Không ai có thể núp phía sau lưng bạn đồng-nghiệp để đọc chuyện kiếm-hiệp hay viết nhảm chuyền tay cho nhau xem.

Hẳn nhìn vào xấp bài ra điều ta đây chăm chú nghe những lời vàng ngọc lắm vậy. Thỉnh thoảng hẳn ngẩng đầu lên gật gà, gật gù như đã « uống » hết sạch các ý nghĩ sâu sắc, cao siêu, hoặc giả bỏ giắt nãy mình như vira « chộp » được một chân lý gì trong ấy. Hẳn tin rằng có làm như rửa, ông ếp

nhà ta mới lưu ý đến hẳn. Chấm diêm cao và liệt hẳn vào hạng gương mẫu.

Thì giờ trôi chậm chậm như con rùa không muốn bỏ hẳn liếc nhìn đồng hồ tay, che miệng ngáp một cái gần treo quai hàm. Hẳn vội rút khăn chấm nước mắt và xoa vào hai mí mắt mấy cái liền. Ồ! Sao mà chúng nó mỗi tợn đến thế? Hẳn chớp lia lia, thấy mấy dòng chữ lờn nhoè như xem qua một tấm kiếng đầy nước mưa. Đầu óc hẳn chơi vơi, tai hẳn nghe độc một tiếng rì rào không khác gió thổi dưới rừng thông.

Hẳn phải xoay trở cách ngồi luôn luôn vì nếu hẳn để thân mình và đôi chân « nằm » em một chỗ thì

 **midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/ BX.T/ DRDC.

không thể nào hấn giữ nổi cái đầu đang muốn cắm xuống. Vira cử động, hấn vừa bắt óc làm việc. Hấn nhớ đến những phương pháp của người xưa hiếu học, suốt đêm cột tóc trên xà nhà để giữ cái đầu đứng yên trên cổ hay đặt hai chân trên miệng thau nước lạnh phòng khi thọc nhầm thì giật mình ngay. Hấn gật gù, khen cổ nhân biến chế rất tài, còn hấn bây giờ làm sao bắt chước được..

Hấn lật mấy trang tài liệu còn lại, nhìn đồng hồ và tính xem chừng bao lâu nữa mới hết. Hấn thở dài nhẹ nhẹ. Cứ tính theo tốc độ của cái máy mồm ấy thì coi bộ còn lâu, còn khá lâu. Hấn cảm thấy thêm tấm phản gỗ hay một góc sàn gác

vô cùng. Ngủ này mà ngã oách ra một cái thì còn trời đất gì nữa, ời thân ơi là thân! Hấn tự trách mình tại sao những buổi trưa thứ bảy và trọn ngày chúa nhật lại không chịu « kèn » suốt buổi cho bỏ lúc thềm thường như vậy? Tại sao lúc ấy hấn lại nổi hăng lên đi thả không không ngoài hè phố? Hấn cố sức lắng tai nghe nhưng óc hấn lại nghĩ đến chuyện gì ở đâu đâu khiến hấn giật mình từng chap, ngờ ngác nhìn mọi người. Ví như có cái gương, hấn chắc sẽ thấy mặt hấn bây giờ khác hơn hồi mới vào sở. Hấn nghĩ rằng giá lúc này hấn phát đau, hoặc giả vờ ốm để được nằm dài xuống thì nhất định hấn sẽ bất tỉnh nhân sự ngay!

Hấn nhớ lại có lần

hấn quá giang xe vào một miền quê, ngồi trên xe mà đôi mắt nhắm híp. Hấn cố hết sức chống chọi nhưng quả đúng như lời người ta thường nói rằng đây là « chết từ trong ruột chết ra »! Hồi tưởng lại, hấn dinh ninh lúc bấy giờ nếu kéo dài năm, mười phút nữa thế nào hấn cũng buông tay lăn xuống đường, phi gãy cổ cũng què chân. May mắn làm sao, có chiếc xe đi qua mặt làm văng một cục đá vào đùi hấn. Đau quá hấn vụt tỉnh dậy. Hấn « à » một tiếng. Có phương pháp rồi. Hấn gỡ cây kim ghim xấp bài chích vào đùi mình. Quả nhiên linh nghiệm vô cùng: hấn giật nảy lên, bao nhiêu tinh thần trở lại đầy đủ.

Hấn mỉm cười khen mình nhanh trí. Hấn nhớ lần đi xe đò về tỉnh, có ba ông Tàu ngồi gần nhau thi đua nhắm mắt hả họng. Ban đầu cả ba đều dựa đầu trên thành ghế, dần dần ông này ngã qua, ông kia ngã lại, không hện mà hai ông ngồi hai bên cứ « trương » đầu vào hai ông ngồi giữa. Bị hai đòn, bất ngờ ông này bắn người lên, ngờ ngác nhìn lại hai ông bạn cũng đang chúi nước miếng ngờ ngác nhìn mình! Cảnh tượng ấy đã làm hấn cười gần đứt ruột.

Hấn vụt cười đánh « xẹt », nhưng nhớ lại không phải đang ngồi trong xe đò, vội đưa tập giấy che mồm.

Tiếng đọc đều đều của thuyết trình viên vẫn rót vào tai hấn như giọng bà

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DRDC.

già kể chuyện đời xưa. Hấn rút cây viết định tháo một vài hàng bìa lấp để giữ ý vui tươi, nhưng chỉ được mấy chữ thì óc hấn hình như « đứng » lại không đủ sức chỉ huy tay hấn. Hấn lật dật xoay qua nghĩ chuyện khác. Mí mắt trên của hấn sửa soạn tìm mí mắt dưới. Chao ơi ! Giá lúc này hấn ngã xuống chết thẳng cẳng còn hơn. Hấn muốn đổi tất cả của cải hấn đang có để « ngáo » một giấc cho bỏ công sáng đập xe đi tới đập về !

Hấn ngẩng đầu lên nhìn trần nhà ra vẻ suy nghĩ lung lăm. Hấn phải làm cái mừng ấy vì mặc dầu rán hết sức hấn cũng không giữ nổi chỗ đội nón đứng vững trên vị trí ; nó cứ tà tà chúi xuống

hoài hoài. Hấn định tìm một vật gì để cho ý nghĩ « chạy » theo nhưng chỉ thấy hai ngọn đèn ống trắng bạc, ánh điện không xuyên qua nổi ánh sáng mặt trời. Hấn không hiểu ở nhà các bố có bật đèn suốt ngày một cách vô lý như thế hay không ?

Hấn lại đem cái đầu trở xuống vì không còn gì để ngắm nữa. Ủ ! Sao mà khoan cổ đến thế ? Hấn để yên một chốc để hưởng sự sung sướng. Hấn tự nhủ thầm nhất định chỉ để yên một chốc thôi, không để lâu, có hại.

Hấn không biết một chốc của hấn là bao lâu chỉ thỉnh linh thấy suýt nhào đầu xuống đất hấn mới giật mình ngo ngác. Cảm giác thật sự của hấn lúc ấy là hấn

nhận thấy mình như vừa « ngoi » mới dậy ! Hấn lo lắng liếc nhìn xung quanh xem có ai phát giác sự kiện này không ? Hấn không ngờ sự kiện này giúp hấn thêm « sáng tỏ vấn-đề » về lối sắp chỗ ngồi đánh vòng tròn. Ngoài cái việc theo rỗi nhân viên có theo rỗi tài liệu còn có cái việc theo rỗi những kẻ như hấn ! Ghé gớm chưa ?

Hấn nhắm lại một mắt làm như người bị chột. Hấn định cho nó « nghỉ » một hồi, lại đổi qua con kia, nhưng hình như chúng nó rủ nhau cùng nhắm một lượt nên hấn vội mở caoàng ra. Hấn nhòm người lên, treo giò lại, đổi thế ngồi hai ba lượt. À ! Làm thế xem ra có mùi ổn đấy. Cứ bắt tay chân cử động thì bộ óc mới tỉnh ra.

Hấn nhìn các đồng nghiệp cố nghĩ đến những nét khôi hài của mỗi bạn để bật cười nhưng trí nhớ của hấn liệt truy rồi ; hấn thấy mặt người nào cũng lơ mờ như có hơi nước bốc lên. Tai hấn hình như nghe tiếng rè rè của cuốn phim chạy trong rạp chớp bóng, mắt hấn thấy cảnh tuyết rơi trên Bắc cực trước mặt một ông già ngồi hút thuốc, mơ màng, mơ màng. Óc hấn « đứng » vào hai chữ « mơ màng » đáng lẽ phải là êm dịu lắm, nhưng qua kinh-nghiệm bản thân vừa rồi hấn không dám cho nó « phiêu lưu » theo một chốc, dù là một chốc thôi. Hấn ngồi ngay lên đảo mắt qua lại. Hấn cho rằng mặt hấn chắc là quái gở lắm nên không muốn ngo

Đường midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/BYT/ĐPĐC

Đường midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/BYT/ĐPĐC

ai dễ ai không ngó hần. Tuy vậy, hần không quên thuyết-trình-viên là cây đinh trong phòng họp, hần phải ngó ông ta « một cái » để tỏ ra những lời ông ta phở biến ra đều rót vào tai hần hết ráo.

Nhớ đến ông này, hần nhớ đến cái đồng hồ. Hần suyt « văng » một câu chuỗi thề ra tiếng. Mẹ kiếp, thì giờ gì mà đi chậm thế ? Bộ đồng hồ hư hay sao ? Hần kê tay vào tai. Ủ ! còn chạy.

Hần dở tập tài liệu định lầm nhằm đọc một đoạn. Quái chưa ! Hần thấy chữ nào cũng mập ra và lờ mờ như in bằng mực dợt. Hồi ơi ! Nếu bây giờ hần ngã xuống thì nhất định « đi » luôn chớ không lời thời gì nữa. Hần lại thêm tám phần

gỗ hay một góc sàn không lời nào nói hết được. Ngủ này cứ nguyên áo quần lăn đùng ra thì thỏa cái vong linh biết là bao ! Tự nhiên hần đưa hai tay lên định xé mình một cái, nhưng hần hăm phanh lại kịp, vội người qua. Mắt hần đập vào mắt một đồng nghiệp đang nhìn ra cửa sổ. Bây giờ hần mới khám phá ra một điều bí mật : ông ấy đeo kính đen ! Hay chưa ? đeo kính đen để không ai thấy mặt mình làm gì, nhằm hay vui, buồn, sợ, giận nào biết. Hần nhớ lại hồi Tây gần xuống tàu, ông lớn ở đây rước một Ông ở hải-ngoại suốt đời đeo kính đen dù mặt không bao giờ đau. Khi cả

trên xe mui trần chạy chậm qua đoàn quân chào thỉnh linh có tiếng máy dầu nổ đánh hộp tiếng pháo đùng. Người không thấy ông đeo kính sợ hay bình tĩnh, chỉ ông kia mặt xám ngoét, mắt lão liên như gà gập. Chỉ vì ông ấy không có che mắt để sắc mặt biến đến nỗi bà lớn đứng trên khán đài phải ngạc nhiên tự hỏi không hiểu có phải là ông nhà ta không ? Ông dung thay đôi kính đen. Nhất định phải mua để nhìn sau dùng ngay. Hần thấy trong lòng hơi vui vui, liền thả ý nghĩ chạy theo một người đẹp. Hần định thêu dệt một chuỗi ngay thơ mộng sống tay đôi với mỹ-nhân như những đêm co ro trên gác trọ, nhưng bộ óc của hần không khác cặp giò hần khi đạp xe lên dốc, chẳng « chế tạo » ra nổi một khung cảnh nào. Mắt hần kéo cái đầu cúi xuống. Hần nhìn sàn gạch miêng vàng, miêng đỏ nhảy qua nhảy lại đổi chỗ lẫn nhau. Hần cảm thấy không còn đủ lực giữ cái đầu đứng im được. Nó cứ nặng thêm lên

và lần lần cảm xuống. Hần định ninh phen này hết gương nổi, chắc phải bỏ tay quy hàng.

Nhưng, một tràng pháo tay nổi lên cứu hần sống lại. Hần thở phào một tiếng dài, vội múa tay theo. Hần nhìn đồng hồ. Khả khen thay ông Thuyết - Trình-viên đã khéo tính toán khi đọc đến chữ cuối cùng thì còn vài phút là hết giờ. Ông có ý cò cưa như rứa để không ai có đủ thì giờ nêu thắc mắc mà vì dầu có bố nào thắc mắc « đày mình » đi nữa cũng không ngọng gì « tổng » ra giữa đám... ba quân !

Hần thấy mình tỉnh táo hơn bao giờ hết. Hần mở to mắt nhìn mọi người miệng nở nụ cười tươi để tỏ rằng đây đã « thấm nhuần » lắm rồi. Đầu óc hần sáng suốt vô cùng. Nếu Thuyết - trình - viên có kéo dài thêm một giờ nữa hần cũng thừa sức chịu đựng. Hần khoẻ hết sức nói. Hần khoan khoái như vừa làm một giấc trưa suốt mấy giờ liền.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm. CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

1360/BY.T/DPDL



sương mù

★ TỐNG-MINH-PHỤNG

tặng nguyên vương và thụy

Rời cánh én bay vào qua khung cửa
Rừng sương mù bỏ lại nét đăm chiêu
Mười ngón tay, mười ngón tay hiền nhỏ
Ôm mùa thu trái suốt nẻo đường chiều

Điều thuốc chày dần niềm đau dày xéo
Tôi tạ từ kỷ - niệm cúi đầu đi
Ánh mắt niềm tin quay về dĩ vãng
Tôi van người đừng nhắc chuyện vu qui

Vùng biển rộng mang theo hình bóng cũ
Tàu ra khơi còn vng tiếng reo cười
Này thề xác tro xương nằm im đó
Bề ngón tay chữ buốt cả thân người

Dòng định mệnh lưu đầy tôi khô máu
Thượng đế ơi! người cứu vớt hồn con
Này thề vẫn đi tìm trong tuyệt vọng
Góp đau thương trên ánh mắt cảm hồn

Đáy thân thề tôi phơi bày Thượng-đế
Lòng tôi đây không giả dối bao giờ
Cho, cho hết những gì mình đã có
Rời thiết thòai gánh chịu trước tương lai.

• TRẦN TUẤN KIẾT

ĐOC
THƠ

HỒ
DZỄ NH

THI-SĨ HỒ Dzễnh tên thật là Hà triệu Anh, sinh năm 1919. Gốc Minh-Hương, là một nhà thơ nổi tiếng thời tiền chiến.

Đã xuất bản: *Quê Ngoại* (1943) *Hoa Xuân Đất Việt*, (1945), *Chân trời Cũ* (1942) hồi ký, *Một chuyện tình mười lăm năm về trước*, *Những vành khăn trắng* (ký bút hiệu *Lưu-thị-Hạnh*).

Một Lưu trọng Lưu thật

thanh-cao, thomộng, đạt được tiếng thơ nhẹ và sâu vang vọng tự cõi bờ sương tuyết nào trong mơ đã để vào nền thi ca Việt một vóc dáng ung dung mờ ảo kể ra cũng đầy đủ lắm. Rồi thi ca Việt sau đó lại ngân lên tiếng vọng âm thầm, lưu lạc của một người mang dòng máu Minh Hương, sống trên cảnh sông núi miền Nam và mỗi sâu được giảng đến ngàn xưa ở

những xứ thơ mộng lạ thường của đất Trung Nguyên ngày nọ. Cũng yêu thương, cũng xao xuyến, cũng thơ mộng, nhưng mộng và mơ đã được điệu nói tài tử hong vào hơi ấm, gửi vào hương khói của đất trời xanh, của những nhân vật, những danh lam thắng cảnh diệu kỳ. Lời thơ kể rất êm, rất chân thành đến đời :

Một người tin tưởng ở ngôn ngữ thơ tuyệt đối, một âm câu nói... sẽ thay đổi cảnh sắc, trời, đất, lòng người ; Mà cũng là một thi nhân đa tình ghê gớm, triệu mơ mộng lững lơ giàn ra như khói chiều, tha thiết và dững cảm như người dong thuyền nghe lời vọng của đám nhân ngư kỳ dị.

*Biển chiều vang tiếng nhân ngư
Non xanh thao thiết trời thu
rượu sầu
Đề thao thiết mơ màng :*

*Nhớ nhau bạc nửa mái đầu
Buồn nghiêng quán khách
nghe màu tà huân*

Như người đời xưa :
*Buồn Tư Mã, nhớ Chiêu
Quán
Nét hoa thấp thoáng ý thần
đè mê*

Đó là những giờ phút quên đi một chút thân phận trần gian bé mọn để lắng nghe tiếng vọng của vô cùng ; Người đó — thị nhân ; Người đó, các anh hỏi quê ở đâu, quán ở đâu thì sẽ nghe chàng trả lời rằng :

*Quê em xa thăm màu mây
gió
Buồn rit không gian mãi
định kỳ
Em có mơ về năm tháng cũ
Âm thầm nghe tiếc phút giây
đi*

Đi... là lên đường, lên đường là dẫn thân, dẫn thân là lăn xả vào cõi hoang vắng của núi rừng sâu, cõi não loạn xô bồ của phố thị.

cõi tuyết sương của mộng đời :

*Nước chảy đôi giòng cuốn
sóng mau
Bao phen lá úa rụng bên
cầu
Cả theo giòng nước ngày
theo tháng
Lặng lẽ như mang nỗi cảm
sâu*

Tình cảm tế nhị và đậm đà của Hồ-Dzênh thể hiện trong những vần thơ ngũ ngôn hay lục bát. Chúng ta không quên được câu :

*Nhớ nhà chắm điệu thuốc
Khói huyền bay lên cây*

Ngoài nét buồn thâm-u hầu như bắt tận trên giòng thơ mỗi phút cứ lan ra, cứ xóa dài như ngày tháng, như giòng nước chảy dưới chân cầu, lời-lời kêu gọi yêu thương, lời-lời dằm thắm, lời-lời nhớ tưởng quê hương. Quê hương nào đấy ? Có thể là cõi mộng xa vời ở tận non nước chiêm bao

nào, có thể là đất trịch của trần gian này, cũng có thể là cảnh :

*Tô Châu lớp lớp phù kiều
Trăng đêm Dương tử mây
chiều Giang nam*

Con người mơ mộng đó đã viết được thật nhiều ý vị u-uất của nhân gian.

*Thuở trước quê em ở Bắc
Vô Nam từ độ lên mười
Mây trắng ngày xa tấp
Thương quê em buồn khôn
người...*

*Mái tóc dừa xanh Thủ-Đức
Ngọt ngào thay trái sầu riêng
Gió bãi phù sa Bến lức
Nay thuần sữa mẹ linh
thiêng*

*Em đâu chỉ là con gái
Quê xinh soi bóng sông lành
Theo mẹ, băng chừng quan
tái*

*Bao giờ quên lũy tre xanh
Anh nhớ dùm em nhắn với
Nhớ quê em ngại thăm quê
Lửa phương trời duyên
Khánh hội*

Bạc-liêu dễ ở, khó về
 Vó ngựa từ ngày võ xuống
 Trương môn đưa lối Hải
 vân san
 Áo nâu phai nhạt màu cây
 cỏ,
 Lá rụng hoa rơi đất nước
 Châm

(Lời về)

Khi bàn về thơ của một
 thi sĩ nào, người ta khó dò
 sâu xa đến cái vực sâu của
 họ, cũng như cái đỉnh suy
 tư khắc khoải của từng giờ
 phút trải qua trong cuộc đời
 họ, thơ luôn luôn có một
 bóng dáng phía đằng sau.
 Có hương khói vây quanh,
 những lời bàn vô dụng, chỉ

gọi được phần nào hay
 phần ấy, của một vài tiếng
 thơ mà thôi. Đọc thơ Hồ
 Dzênh cũng vậy, chúng ta
 chỉ nên thả hồn theo từng
 cảm xúc, người đã mang ít
 nhiều khung cảnh huy hoàng
 của thời xưa cái bản chất
 của nhà thơ hào-hoa ấy vẫn
 là điều mà chúng ta cần thấy
 nhất, thỉnh thoảng người
 cũng nhắc gọi tới cái tuổi
 bé thơ, dường như cái mộng
 lung-linh của tuổi trẻ, thuở
 đầu tiên, cái uyên nguyên
 hay là cõi hoài mong ma
 sau cũng đều là cái thế giới
 êm đềm thanh bạch đó.



● TRÊN BÃI BÈ

Ở Vũng Tàu vào một ngày đông du khách đến tắm, nhất là có
 nhiều thiếu nữ đẹp, môn môn nụ hoa. Hai vợ chồng già trò chuyện.

— Minh à, trời hôm nay nắng quá cho nên thiên hạ tắm đông
 thật, may mà mình có đem kiếng mát theo chứ không thì nguy.

Bà vợ chợt hiểu ý, véo vào hông chồng :

— Minh bỏ kiếng đi kéo sợi véo sưng hông bây giờ. Trông tôi
 không biết ông đeo kiếng là để ngắm mấy cô sao ?

đọc **MƯỜI NGÀY PHÉP**
CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH
 của **THẾ - UYÊN**

* Lan-Đình

TRONG cái bìa — có
 hình vẽ — với cái
 tên sách, tôi cứ
 tưởng « Mười ngày phép
 của một người lính » là một
 quyển truyện. Nhưng nhìn
 đến mấy chữ « Thái độ tập
 I » tôi lại ngỡ nó là thiên
 tiểu luận, phải đọc xong
 mấy bài trong đó, tôi mới
 biết chắc đấy chỉ là một
 tập phiếm luận :

— Độ này đàn bà con gái
 Sài Gòn hay mặc quần chèn
 « ôm sát lấy thân thể » (...)
 vì trong một xã hội thời
 chiến, nhân phẩm người
 đàn bà bao giờ cũng xuống
 ... Nhưng hiện tượng đó
 cũng không đáng trách. Bởi
 ngay đàn ông VN cũng là
 những quân tốt đến cho
 những thế lực quốc tế...

(Những chiếc quần jean và người đàn bà)

— Một sinh viên tại ngũ, về phép, ghé thăm trường cũ, chỉ gặp toàn người lạ, những sinh viên mới lớn lên. So sánh giữa mình với họ, anh nhận thấy mình đã hết thời học trò.

(Những Người Sinh viên già).

— Định nghĩa về hạng người « trí thức phòng trà » : là những kẻ chỉ tay năm ngón, đứng trên bờ chọc gậy xuống nước rồi bảo không lạnh.

(Tea room or not tea room).

— « Tôi đã thấy những người bạn tôi miêng chữi cả Chúa lẫn Phật, cả Chính phủ lẫn Việt-Cộng, nhưng vẫn xưa quân lao vào địch. Tại sao họ làm như vậy được ?... »

Có lẽ vì họ còn mang hoài bão : xuống đồng đồng tỉnh,

lên đòai đòai yên ?... »

(Tại sao các anh còn chiến đấu được ?)

— Đám táng Nhất Linh, có nhiều nhà văn không dám đi đưa *Tại họ hèn lắm cũng không sao, nhưng chối bỏ sự hèn của mình coi đó như một khôn ngoan, thì không thể chịu được.*

Từ đó suy ra cách phân loại nhà văn VN có hai hạng : Biết mình hèn, nhận là mình hèn, là nhà văn đích thực. Biết mình hèn, nhưng cho thế là khôn, là văn nô. (Các anh là những tên hèn ! Tôi cũng vậy !)

— Những sinh viên trường Tây nói chuyện thích chêm tiếng Pháp, cũng chẳng khác những nô tỳ của màn ảnh, cứ thích tự Mỹ hóa bằng cách lấy tên Elvis Long Sylvie Xu... cũng chẳng khác bọn con nhà giàu trốn quân dịch ra ngoại quốc, tha hồ thi đố rồi sẽ trở về

ngồi mát ăn bát vàng. (Les Déracinieux)

— Anh hùng có nhiều thứ. Thứ anh hùng rơm trông đáng khinh, nhưng chính họ đã nuôi dưỡng nhiệt huyết cho mọi người. Chẳng hạn họ đã từng đun nóng các phong trào chống độc tài, chống Cộng (Anh hùng rơm).

— Nhà văn, nhà văn VN khi viết về tình yêu, chẳng mấy ai chịu nói đến nơi, đúng sự thật rằng họ thương nhờ nhau ngắm trăng sao, viết những thư trường thiên nhưng vẫn thềm môi nhau (...) và những chiêm đòat hoà lẫn thân thể trong đêm. Cách viết đó thuộc loại văn chương « lãng mạn cổ điển » trong khi cuộc đời trước mặt đầy có giả dối như vậy.

(Lãng mạn và cuộc đời)

— Trước khi nhập ngũ, tác giả cũng khó chịu vì những quân nhân động tí đã đánh

lộn. Khi tại ngũ tác giả mới khám phá ra rằng một sĩ quan uống 12 chai 33, đề chiêu đãi viên xuống hôn, vì anh ta mới đi hành quân về, và sắp đi hành quân nữa. Thật khó phán đoán, vì chẳng căn cứ vào thứ luận lý nào để phán đoán. Như ngay ở xã hội VN, ngày xưa thì « nam nữ thụ thụ bất thân » nhưng bây giờ ôm nhau đi giữa đại lộ cũng chẳng sao. Đạo lý cũng tùy thời. Hơn ai hết, là nhà văn phải biết đến điều đó.

(Đạo đức và cuộc đời)

— Trong những biến cố gần đây nhất ở VN, các nhà văn chỉ ngồi làm khán giả, dù sao thái độ lãnh đạm đó vẫn không nên có, vì một lẽ giản tiện, nhà văn là nhân chứng, muốn là nhân chứng trước hết phải tham dự. Và chẳng những kẻ ngồi yên còn dễ buồn cho tác giả, cũng là nhà văn, đang đơn dưới dấu trường

(Nhà văn và đấu trường)
 — Có đi lính mới thấy việc hút thuốc lá là cần như một lễ sống, dù cho biết trước sẽ mắc bệnh ung thư. Bởi vì người lính có rất nhiều trường hợp, hay cảnh ngộ, phải nung tửa vào hơi khói, lúc cơ đơn, lúc dở sống dở chết, lúc ngồi bèn xác bạn...

Đối chiếu, thì người lính đã coi thương bệnh ung thư chẳng khác người dân đã nhàm chán dân chủ trong thời cuộc lộn xộn gần đây, đảo chính, biểu tình hoài.

(Thuốc lá ung thư và dân chủ thành phố):

— Tác giả đã được truyền chuyện về Saigon, ngồi văn phòng, không cầm quân nữa thì đó là cơ hội để ông ứng dụng sở trường của mình. viết, làm cái ngoặc giữa tiền tuyến với hậu phương. Bởi vì, từ xưa tới nay

hậu phương chỉ quấy rối đề già vờ trước nỗi cay cực của tiền tuyến. Muốn cho hậu-phương hiểu rõ tiền-tuyến, tác giả đã hy sinh danh vọng (trên văn đàn), bần bệ, thế lực, đề viết ra « thái-độ » của mình.

★

Những điều cần nói nhất:
 Đi tìm câu trả lời « Tại sao các anh còn chiến đấu được ? » Thế Uyên đã không muốn dùng đến lý lẽ thường tình của những tài liệu học tập. Thế Uyên chỉ cho rằng : *tại nước V.N 25 năm chiến tranh, đã xuất hiện một lớp người mới, một thứ héros pour rien...*

Nhưng Thế Uyên vẫn ứng dụng cách nói của những thuyết trình viên trong các buổi học tập chính-trị : *họ còn mang rất nhiều hoài bão của các bác sĩ thời xưa, hoài bão : xuống đồng, đồng tình lên đoàn đoàn gèn (!)*

Tôi muốn nhắc lại, những thuyết trình viên đó cũng thường quen miệng: Chúng ta có 4000 năm lịch sử, chúng ta là giống giỏi, mang trong mình huyết thống của các vị anh hùng nữ kiệt...

Thành thử, Thế Uyên định đi tìm câu trả lời đặc biệt dướm phân tâm học, triết học, xã hội học, nhưng cuối cùng ông đã trở lại cách thức biện giải thế này :

Họ là tinh hoa của đất nước, và cái quốc gia nhỏ bé nằm dưới gốc Trung Cộng to lớn này có vùng vẫy lên được hay không sẽ tùy thuộc ở lớp người này.

Trông gì !

— Thế Uyên lớp lớp, phân loại nhà văn V.N. chỉ có hai loại, loại « đích thực » thì biết mình hèn, nhận mình hèn, và loại « văn nô » biết mình hèn nhưng cho thế là khôn, cho nên họ chỉ thích làm khán giả.

Đúng. Đúng với quan điểm của một người chưa vợ chưa con. Nhưng ngược lại, cũng ở V.N. còn có hai loại nhà văn « hùng », thuộc trường hợp của gã hành khát suốt đời chỉ mong được bước lên máy chém để ngoảnh nhìn đám đông, mỉm cười; hoặc ông lão vô gia cư, cứ đến mùa đông lại phải cào cào giận cảnh sát để được vào khám nằm cho ấm thân.

— Tôi thấy chính Thế Uyên cũng là một... semidé-racinien ! Ông cứ đọc lại sách của ông xem, trở tiếng Pháp hơi nhiều.

— Về quan niệm viết truyện tình « nhớ nhau ngắm trăng sao, nhưng cũng thèm môi nhau và những chiếm đoạt hòa lẫn thân thể trong đêm » của Thế Uyên, là quyền của ông. Nhưng nếu ông tin rằng đây là sự thật ở đời, thì tôi còn phải... hỏi lại.

Chẳng hạn, trong « Un

Certain « Sourire », thẳng châu Bertrand ngốc nghếch đánh mất người yêu cho ông chú Luc, là «thật» nhé! Nhưng đã đến thời kỳ Luc chao mình qua mặt bàn, nựng mặt Dominique, thế mà hẳn chỉ rủ Dominique ra sòng xem ... rạng đông. Hơn thế nữa, đến nơi rồi, hẳn cũng chỉ ngồi im hút thuốc lá, và ... về không!

Tôi không nói F.Sagan là khuôn vàng thước ngọc. Tôi chỉ mượn tác giả là người tạm kể có cùng tuổi trời, tuổi đời với Thế Uyên, và còn bạo ăn bạo nói hơn Thế Uyên nhiều, để ông đối chiếu.

Chẳng lẽ động tí đã cho nhân vật hôn nhau chí chạp và bế nhau ngay lại giường mới đúng sự thật? Đó là sự thật bệnh hoạn.

★

Thái độ của Thế Uyên, xét chung đúng nhưng cũ quá, và những « cũ-chỉ » để tỏ ra thái độ đó thì hỏng hết. Rút cục Thế Uyên chỉ còn là một người... có thiện chí!

Tôi thấy Thế Uyên, sau một thời gian từng trải có

hoạt động chính trị, có cảm sung làm trận, vốn sống quá thật dồi dào, dồi dào ngay trong MNPCMNL. Nhưng nếu Thế Uyên gom góp những chi tiết (tôi nói sự kiện chứ không phải cảm nghĩ) đó lại, dựng thành truyện, gồm những mẫu người, hoàn cảnh của thời đại chúng mình, chắc sẽ hay hơn, thậm hơn.

Ngược lại, tôi thấy văn phẩm luận của Thế Uyên còn kém xa mấy người viết nhật báo bạc thường.

Thế Uyên đừng nói dối « sự chọn lựa » của mình là một «thái độ» hy sinh vì « những bức thư, những bài tiểu luận không tồn tại ».

Tôi lại nghĩ rằng « Bình Ngô Đại Cáo » cũng là một bức thư đó. Hoặc theo V. Hugo, thì cuộc nổi dậy 28-7.1830 ở Balé, đã có một thằng bé được mệnh danh là Gavroche, khi ngã đạn còn hát nốt câu : *Je suis tombé par terre c'est la faute à Voltaire, le nez dans le ruisseau c'est la faute à Rousseau...* »

Tồn tại hay không là ở tài viết của Thế Uyên.

★

ĐÙA DAI

NGỒI trong một căn phòng nhỏ, ánh sáng lù mù, tại nhà thương Chợ Quán, mấy ông tướng phóng viên báo chí đang xúm nhau lại đánh bài đề giết thì giờ. Họ đang chờ ở đó đề sẵn một tin thời sự khá hấp dẫn. Những tin tức đầu tiên đã được gửi về tòa báo rồi, nhưng còn phải chờ đề sẵn thêm nhiều chi tiết « giật gân » hơn đề bỏ tức cho tin tiên. Có lẽ cũng còn lâu họ mới kiếm thêm được những tin khác, vì hiện giờ thì câu chuyện như tạm ngưng diễn biến.

Lúc đó trời đã khá khuya. Ba Lê, một phóng viên chạy ngoài của tờ Tin Sớm, bỗng liệng mấy cây bài trên bàn, cất tiếng nói với các bạn.

— Buồn quá ! chắc cũng chưa có tin gì thêm đâu! Bây giờ tớ xin đề nghị với các cậu : Trong khi chờ đợi, mình phải kiếm cái trò gì vui vui đề đùa chơi...

Các bạn chàng ngưng chơi bài, cùng ngược mắt lên nói chàng. Ba Lê lại tiếp :

— Tôi có cái trò này hay lắm, đề chơi trác lão Chín Móm...

Chín Móm là lão già gác-dan, chuyên môn gác đêm tại khu nhà xác ở nhà thương Chợ Quán. Năm nay lão đã gần 70 tuổi rồi nên tinh thần không còn được minh mẫn gì cho lắm. Lẽ ra thì lão đã phải nghỉ việc từ lâu nhưng vì thấy hoàn cảnh gia đình của lão đáng thương nên người; ta vẫn không nỡ bắt lão thôi việc. Các xếp của lão vẫn nhắm mắt làm ngơ để cho lão còn được tiếp tục công việc cho tới bây giờ.

Phóng viên tờ « Ngày Mai » là anh Phú Vinh bỗng hỏi BaLê:

— Trò gì đâu ?

BaLê bèn nói rõ cái trò « đùa giai » của mình cho bạn nghe, nhưng Phú Vinh đã vội lắc đầu:

— Thôi đi ! Ta không nên đùa như vậy. Tội nghiệp cho ông lão Chín Móm.

Nhưng Ba-Lê đâu nào có chịu. Xưa nay chàng vẫn nổi tiếng là kẻ chuyên môn sáng chế ra những trò « đùa giai ». Và

một khi đã đùa thì chàng sẽ bắt kẻ nạn nhân là ai.

Rồi chàng đã cố thuyết phục để các bạn tham dự trò chơi đó. Cuối cùng đã có hai bạn hưởng ứng. Hai người đó là Phú Vinh và Mai Sinh, phóng viên tờ « Tin Chiều ».

Cả ba cùng lờ đờ đi xuống căn nhà xác như ba cái bóng ma. Lão già Chín Móm đang ngồi co ro ở trước hàng ba căn nhà xác, đôi mắt lim dim như một triết gia đã suy ngẫm tình đời. Lão vừa già vừa yếu, đôi mắt thì kém, đôi tai lại ngễnh ngãng.

Lúc này thân chủ của lão Chín Móm cũng hơi nhiều. Và để cho những xác chết khỏi bị lấm với nhau, người ta đã chia ra từng hộc có đánh số thứ tự để đặt cái xác chết vào trong đó. Ba người lần bước đi theo dãy hành lang sâu hun hút lại gần chỗ ông già Chín Móm. Ba Lê bỗng gọi lão:

— Cụ Chín !

Lão Chín Móm giật mình ngược đầu lên dương đôi mắt

già nua nhìn mấy người nói trên. Ba-lê lại nói tiếp :

— Cụ làm ơn cho chúng tôi coi cái xác chết trong hộc số 11 được không ? Chúng tôi vừa mới săn được cái tin khá lạ. Ông chủ nhà băng Ngân Thương bị mất tích. Theo sự dò hỏi của chúng tôi thì chính cái xác chết trong hộc số 11 là xác của ông ta thì phải.

— Số 11 hả ?

Lão già Chín Móm từ từ đứng dậy và bước đi về phía căn nhà xác. Lão mở khóa ra và dẫn mấy chàng phóng viên kia đi vào. Xác chết đặt trong hộc số 11 được phủ bên trên bằng một tấm vải trắng. Ba-Lê đi lại dò tẩm men móng lên và giả vờ quan sát gương mặt người chết. Chàng bỗng nhún vai nói :

— Hình như không phải lão chủ nhà băng. Cụ Chín này ! Cụ có thể làm ơn cho tôi xem những giấy tờ thuộc về xác chết này được không ?

Ông cụ Chín Móm lom khom gạt gù :

— Dạ được !

Rồi cụ quay gót trở ra. Ba-Lê nháy mắt ra hiệu cho Phú Vinh đi theo lão Chín Móm, còn mình và Mai Sinh lén ở lại căn nhà xác để thực hiện trò « đùa giai ».

Lấy cớ là phải xem xét kỹ lưỡng các giấy tờ của người chết, Phú Vinh tìm cách giữ lão Chín Móm ở lại nơi căn phòng trực nhỏ hẹp để giấy tờ. Mai một lúc khá lâu sau, Mai Sinh mới từ trong nhà xác đi ra. Anh chàng này cố nín cười nói :

— Thôi bỏ đi, Phú Vinh ! Có lẽ người ta nhầm đấy.

Rồi hai chàng phóng viên ngỡ lời cảm ơn lão Chín Móm trước khi bỏ đi. Phú Vinh còn ngoái cổ lại căn dặn lão già gác-dan:

— Thôi cảm ơn cụ Chín nhé ! Cụ nhớ trở vào kiểm soát lại mấy cái xác chết cho cẩn thận, xem có thiếu cái nào không rồi

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.1/DPDC

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.1/DPDC

khóa cửa lại, ngen cụ. Chúng tôi đi đây!

Lão Chín Móm lại lọ mọ đi vào căn nhà xác. Nhưng khi lão vừa mới tới gần ngăn học số 11, lão bỗng khựng hẳn người lại. Có những tiếng rên ư ử từ phía ngăn học số 11 vọng ra nghe đến rợn người. Rồi cái xác chết, bên trên vẫn còn trùm chiếc mền trắng, lồm cồm bò dậy. Một giọng nói ồm ồm như từ dưới đáy huyết đội lên:

— Ta... ta ở đâu... thế này? Ai... ai... ai đã làm gì... ta?

Lão Chín Móm lão đảo đứng không muốn vững. Ở dưới lớp mền mỏng, Ba-Lê đóng giả xác chết, cứ đảo lia đảo lịa như một kẻ say đồng. Chàng bỗng chỉ tay về phía lão già Chín Móm hét:

— Người! Người... có phải người đã... giết ta không!

Lão Chín Móm đứng nguyên không nhúc nhích, đôi chân như bị đóng đinh dính chặt xuống nền

gạch. Lão muốn tắt thở luôn. Thế rồi đột nhiên lão quay gót đánh ngoắt một cái chạy bán sống bán chết lên phòng y tá trực báo tin cho thầy ký Bồn, đêm đó có phen sự gác tại khu này. Tại nghiệp cho lão Chín Móm. Già gần 70 tuổi đầu rồi mà phải chạy thì bước chân đi đâu có vững. Lão chạy như người say rượu, chân nam đá chân xiên. Lão thở hắt hà hắt hắt, nói không ra hơi với thầy ký Bồn:

— Thầy... thầy ký ơi! Ghê... ghê quá! Xa... xác... xác chết sống lại...quỷ... quỷ nhập... tràng!

Trong khi đó thì Ba Lê đã vù vù ra khỏi ngăn học số 11, đập xác chết vào chỗ cũ và vọt chạy đi tìm các bạn phóng viên:

— Các bồ ơi! Mau lên! Mau lên! Trờ xuống nhà xác mà xem. Chắc là vui lắm!

Khi bọn nhà báo rón rén đi lại chỗ nhà xác, đứng ngoài hành lang, lén dòm vào phía trong thì

họ thấy lão già Chín Móm đang phân trần với thầy Ký Bồn:

— Tôi thấy rõ ràng là nó sống lại mà! Chẳng lẽ tôi lại nói dối thầy sao? Chính nó chỉ tay về phía tôi... nó... nó hăm dọa tôi.

Thấy bộ mặt ngớ ngẩn của lão già Chín Móm, cả bọn phóng viên nín không nổi nữa, bật cười vang lên. Thầy ký Bồn nghe tiếng vội từ trong nhà xác chạy ra. Thầy chột hiều và nghiêm sắc mặt bảo họ:

— Mấy thầy chơi gì kỳ vậy? Người ta già cả rồi mà mấy thầy còn muốn chơi trác...

Cả bọn bèn lên bỏ đi...



Chờ mãi vẫn chưa có tin gì thêm về một vụ án mạng mà họ đang theo dõi, bọn phóng viên giải tán để đi kiếm gì ăn cho đỡ đói vì từ chiều tới giờ chưa ai có hạt cơm nào trong bụng cả. Ba Lê đi vào quán điện thoại

công cộng gọi về cho tòa báo:
— Allô! Allô! Ba-Lê đây!
chưa có tin gì thêm về vụ án mạng cả. Chắc là phải đợi đến sáng mai may ra mới biết thêm. Bây giờ khuya quá rồi, tớ về đi ngủ đây!

Chàng đặt ống nghe xuống, lững thững đi ra leo lên chiếc xe Vespa của mình rồi ga phóng thẳng ra bến tàu. Chàng đi vào một quán nhậu mở cửa khuya ngay ở sát bờ sông. Quán « Lưu Linh » nằm ở cuối bến Bạch-Đặng là nơi quy tụ thường xuyên của những kẻ đi chơi đêm, những dân cờ bạc, các tay anh chị bến tàu.

Khi Ba Lê bước chân vào quán thì đã 2 giờ sáng. Chàng đi lại chỗ quầy rượu ngồi, trên chiếc ghế cao kê một ly rượu mạnh. Bên cạnh chàng có một người đàn ông gương mặt xương xẩu cũng đang nhâm nhi với ly rượu.

Với đầu óc luôn luôn thích nổi loạn, Ba Lê rất sợ những

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./D.P.C.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./D.P.C.

quá buồn tẻ. Chàng chỉ thích nghĩ ra đủ mọi trò phá phách bất cứ trong trường hợp nào và bất cứ lúc nào. Ba Lê liếc anh chàng mặt xương ngỗng bên cạnh và chợt nghĩ ra một trò chơi tinh nghịch. Chàng đốt một cây quẹt, làm bộ cúi xuống soi dưới đất như tìm một vật gì. Và nhè lúc anh chàng bên cạnh kia không để ý, chàng bỗng lòn nhẹ tay, khê cắm vào chỗ kệ gỗ mà anh chàng nọ đang gác chân lên trên. Cây quẹt vẫn tiếp tục cháy. Ba Lê ngồi lại thẳng thắn, mặt tỉnh bơ đi như không có chuyện gì xảy ra cả. Chàng nháy mắt với cô gái đứng bán rượu đoạn hơi hất đầu về phía anh chàng ngồi bên nói nhỏ :

— Nhìn kia !

Cô gái bán «ba» vẫn chưa hiểu gì. Đột nhiên anh chàng bên cạnh nhảy nhồm và rú lên một tiếng. Thì ra cây quẹt diêm khi cháy gần tới hết đã đốt phồng chân anh chàng này. Ba Lê nhìn không nổi bật cười vang lên.

Anh chàng mặt gân chột hiểu ngay. Anh đi lại phía trước mặt chàng phóng viên gây gỗ :

— Thằng khốn nạn ! Mày chơi vậy hả ?

Rồi không đợi cho Ba Lê kịp trả lời, chàng nọ đã vội vung tay cầm chiếc búa nhỏ để đập đá bừa vào đầu Ba Lê tới bực. Và trong khi quá nóng y đã lỡ tay đánh trúng vào chỗ phạm của Ba Lê. Chàng ngã sòng soài ra đất, nằm bất tỉnh nhân sự. Anh chàng mặt xương cúi xuống nhìn Ba Lê lăm bằm :

— Mày lại dám vuốt râu hùm hả ? Trêu vào tay Tư Khánh Hội đâu có được !

Lão chủ «ba» thấy có chuyện lộn xộn vội từ phía sau chạy ra. Khi nhìn thấy Ba Lê nằm bất động trên nền nhà, lão bỗng lo lắng bảo Tư Khánh Hội :

— Nguy quá rồi Tư ! Có lẽ nó chết rồi !

Tư Khánh Hội dương đôi mắt

dữ tợn nói :

— Chết thật à ? Tôi đâu có định đánh chết nó ! Tôi lỡ tay trong lúc quá nóng.

Ngừng một lát y lại nói tiếp :

— Mà nếu nó có chết thật thì ông cũng phải im luôn chuyện này đi, vì nếu ông tố cáo tôi thì ông cũng sẽ liên can...

Lão chủ «ba» còn lạ gì Tư Khánh Hội. Muốn làm ăn yên ổn ở nơi này thì lão đâu có dám làm chuyện gì bất lợi cho anh chàng đầu xỏ du đảng kia. Lão vội chạy ra đóng cửa «ba» lại.

Sau một hồi bàn tán, lão chủ «ba» đã đành chịu để cho Tư Khánh Hội mượn chiếc xe hơi của mình để chở xác Ba-Lê ra chỗ bến tàu liệng xuống một bãi đất xình gần bờ sông.

Vào khoảng lối gần 4 giờ sáng thì Ba Lê hơi tỉnh dậy. Chàng chưa chết, nhưng toàn thân đã bị liệt tất cả. Một người lính cảnh

sát, nhân đi tuần dọc dài theo bến tàu đã gặp xác chàng, bèn kêu xe cứu cấp tới chở chàng vào nhà thương Chợ Quán. Vì tưởng chàng đã chết nên người ta đã tạm bỏ thầy vào trong nhà xác. Mặc dầu bị hấp hối, nhưng chàng vẫn còn mơ hồ nghe thấy một giọng nói vọng lên bên tai. Đó là lúc mà người cảnh binh đang nói với một cô y tá trực. Người cảnh binh nói :

— Tôi thấy nạn nhân nằm chết ở bờ sông, trán bị bằm một miếng lớn, mạch y đã hết nháy và tim không đập nữa. Cô cho tôi gửi vào đây để mai sẽ trình cho quan thầy mổ tử thi ra để khám nghiệm.

Tiếng nói bỗng im bặt. Ba Lê cảm thấy như bị nhấc bổng lên khỏi chỗ nằm. Một lát sau chàng bỗng lại nghe thấy có tiếng «ép kéo lê lét xẹt đi vào». Cô nữ y tá đã ra kêu lão Chín Móm vào để giao cho lão một món hàng mới.

Đùng midol
 Trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYT/D.P.D.C.

Đùng midol
 Trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYT/D.P.D.C.

Khi đó thì chàng đã được người ta đặt vào trong ngăn hộc số 12 rồi. Cô nữ y tá bỏ đi ra.

Vừa nhìn thấy cái bản mặt của chàng, lão già Chín Móm bỗng nhăn mặt ghê tởm :

— Trời ơi ! Sao mặt mũi có u có nang lên thế này ?

Nhưng rồi lão bỗng chợt nhận ra, kẻ đó không ai khác lạ hơn là Ba Lê. Lão tức giận nói :

— Sao mà cứ dờn hoài thế này ? Khờ quá đi mất ! Dờn một lần chưa đủ sao, bây giờ lại còn giả vờ bôi huyết heo vào mặt để mà nhát người ta nữa. Muốn cho thầy ký báo cáo lên thượng cấp để cho tôi mất việc sao ?

Lão Chín Móm lấy cái mền trắng mỏng đắp lên người Ba-Lê và nói tiếp :

— Thôi tạm trốn ở trong này đi, đến mai tôi mở cửa cho mà ra kéo ra giờ này sợ thầy ký thấy.

Nói xong lão quay gót ra khỏi chặt cửa nhà xác lại. Ba Lê muốn hét to lên cho lão Chín Móm nghe thấy, cho lão biết rằng chàng đang hấp hối, cần được tiêm một mũi thuốc hồi sinh để cứu mạng. Nhưng chàng đâu có thốt ra được thành tiếng nữa, mặc dầu chàng chưa chết. Chàng chỉ ở trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê.



Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lậ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo



hành hương chiều thứ năm

Hoa cần cỗi đã hồi sinh chờ nắng

Lá đằm mê cũng hứa hẹn đơm cành

Đường từ thức hạt chiều đi thông thả

Bước ung dung vẫn đến được thiên đường

TRỞ VỀ với Linh Đạo

(Thay một lá thư riêng cho K và T.)

Trên tròn ốc, loài kiến bò trợn kiếp

Cây quế cao thẳng mọi dưới tay hào

Rồi chúa Phán : « Con ơi về LINH-ĐẠO

Vắng môn sinh nên giáo hội rất buồn... »

✦ **nguyễn văn hồng**

* Scott O'Dell

CALIFORNIA

và lịch sử
đi
tìm vàng

● TRÍCH ĐOẠN NÓI VỀ
CALIFORNIA TRONG CUỐN
THE ROMANCE OF NORTH
AMERICA. (c) 1958 BY
HOUGHTON MIFFLIN COM-
PANY ABRIDGED FROM
THE BOOK AND REPRO-
DUCED BY PERMISSION OF
THE PUBLISHER.

● THÁI BÌNH - DƯƠNG
dịch

CÂU chuyện về Califor-
nia cũng như bao nhiêu
câu chuyện khác về Mỹ-
Châu đều bắt nguồn tại Tây Ban
Nha cách đây khoảng 450 năm về
trước. Người phải biết câu chuyện
ấy là Carvantes. Ông lão Don
Quixote là một độc giả cừ khôi và
hầu đọc. Tác phẩm ông khoái trí
nhất là cuốn « The Exploits of
Espandian, » do Montalvo viết
năm 1510. Chẳng có gì là khó
hiều cả : « Anh biết chẳng... Có
một hòn đảo tên là California, có
nhiều quái vật đầu sư tử mình đại
bàng... trên đảo không có kim loại
mà chỉ có vàng.»

Nhiều người khác ít viễn vọng
hơn, cũng có đọc Montalvo. Một
trong số các độc giả ấy là Hernán
Cortés, người đã chinh phục Mỹ
Tây Cơ ; và Hoàng đế Monte-
zuma. Năm 1521, Cortés diêu võ
dương oai ở thành Tenochtitlan,
trung tâm đế quốc Aztec. Tại đây,
ông đã thấy có nhiều phụ nữ trẻ
đẹp, và đã lựa một cô để cạo tình.
Nhưng ông và các phụ tá của ông
bản khoán không biết những kho
vàng tích trữ ở đâu. Quyết đi tìm
cho bằng được vàng. Cortés đã
tự giống buồm ngược Thái
Bình Dương. Ông đồ bộ lên một
nơi mà ông ngỡ đó là một hòn

đảo, nhờ đến Montalvo, ông bèn
gọi hòn đảo mới là California,
mặc dầu nơi đây không có quái
vật mình sư tử đầu đại bàng,
cũng chẳng có Nữ kỳ mã hay
vàng gì cả. Kho tàng nằm cách
đây 1500 dặm về phía tây bắc khóa
kín trong... những hầm đá hoa
cương của rừng núi Sierra Nevada.
Phải mất hơn ba trăm năm nữa,
mới có một người mở khóa ra được.

Người đó là James W. Marshall,
và năm đó là năm 1848. Lúc bấy
giờ Marshall vừa mới hoàn tất
một xưởng cưa trên con sông Hoa
kỳ (American River), cách Cựu
Kim-Sơn khoảng 90 dặm về phía
đông. Anh đang xem xét đường
mương dẫn nước, thì mắt anh bỗng
thấy cái gì lấp lánh trong kẽ đá.
Anh nhặt lên, để trên một phiến
đá bằng phẳng, rồi nện với một
phiến đá khác. Chất ấy không
nứt-nẻ, không tróc vò chỉ oằn đi
thôi, Marshall tin chắc là anh đã
tìm được vàng. Anh vội vàng phi
ngựa về đồn của Sutter cách đây
50 dặm, và tìm John Sutter, người
bạn họ tác với anh làm xưởng
cưa. Sutter khám-nghiệm những
cục nhỏ, rồi đem cân với một số
lượng bạc ngang nhau.

« Chính vàng rồi », Sutter la
lớn lên. « Ít nhất là vàng 23 carats.»

Ba tháng rưỡi sau, ngày 12 tháng 5, đầu John Sutter và James Marshall làm đủ mọi cách để giữ kín, nhưng cả nước Mỹ đều biết bí-mật của họ. Anh chàng phiêu lưu *Sam Brannan* với những thỏi vàng ròng trong bị, phi ngựa vào Cựu-kim-Son hết lớn :

« Vàng ! Vàng ! Vàng ở sông Hoa-kỳ ! » Thủy-thủ ngoài hải-cảng bỏ tàu, trường học đóng cửa, báo-chí đình-bản, bác-sĩ bỏ bệnh-nhân ở phòng đợi.

Tiếng hét như sấm của Brannan vượt qua khỏi dãy Rockies đến tận bờ Đại-Tây-Dương. Chưa phải là một tiểu-bang, vậy xứ này nằm ở đâu ? Một hình bình hành méo mó, dựa trên phần đuôi của nó, nghiêng-nghiêng từ đông nam đến tây-bắc. Một tuyến bờ bề dài hơn 800 dặm, hết hai phần ba rất lõm-chõm, dọc theo các bờ ngoằn-ngoèo có ghi Vịnh Cựu Kim-Son. Hai con sông chảy vào trong vịnh, trông như hai cánh của một dấu ngoặc khổng lồ ; sông San Joaquin chảy từ phương nam và sông Sacramento chảy từ phương Bắc. Rặng Sierra Nevada hợp thành một phần ba biên giới đông của miền trung California.

Khi Cortés trở về Tây-Ban-Nha, Phó-vương đầu tiên của Tân-Tây-Ban-Nha, Antonio de Mendoza, phái Francisco Coronado đến miền tây-nam để tìm bầy đô-thị quái-dẫn của Cibola. Phó-vương Mendoza mở rộng một ngõ đi mà người ta nói là nối liền Đại-Tây-Dương với Thái-Bình-Dương — người Tây-Ban-Nha gọi là eo Anian và người Anh gọi là ngõ Tây-Đắc. Ông truyền lệnh Juan Rodriguez Cabrillo gióng buồm về phía Bắc dọc theo duyên hải California. Vị thủy thủ tài-ba này dẫn hai đoàn thuyền bong trần đến gần vịnh Monterey, rồi trở về Channell Islands, cạnh Santa Barbara, và qua đời tại đó. Bartolone Ferrer thay thế nắm quyền chỉ-huy, dẫn đoàn thuyền đến tận phía Nam Oregon, nhưng cả lúc đi lẫn lúc về đều không gặp vịnh Cựu-Kim-Son. Đức Ông Francis Drake cũng vậy, không tìm được vịnh năm 1579 ; Galil. Unamino và sau hết Vizcaino năm 1602 cũng thế.

Vào năm đó, việc đi tìm eo Anian chấm dứt. Vị Phó-Vương đương thời ở New Spain là hầu tước Montesclaros, một vị Phó-

Vương xa-xì ham chơi-bời ; ông ngần-ngờ vì cái huyền-thoại gần đây có hai hòn đảo, đảo bạc và đảo vàng. Montesclaros nổi điên, khiến mọi hoạt động phải đình-trệ. Mãi 167 năm sau, một đoàn viễn-chinh khác mới được phái đến California.

Người Nga lấn đất trên lãnh-thổ New Spain ; Charles III hoàng đế phái một Đặc-sứ mang một kế-hoạch cho vị Phó-Vương ở Mexico city, bắt phải thi-hành ngay. Những giáo-sĩ dòng Fäng-xi-canh được gửi đến California để thành lập một hệ-thống truyền giáo từ San Diego đến Monterey. Cũng đi với họ, có binh-dội để thiết-lập đồn lũy bên cạnh mỗi dòng truyền-giáo. Các nhà truyền giáo do Junipero Sierra điều-khiển binh sĩ đặt dưới quyền chỉ-huy của Gaspar de Portola, vị Tân-thống-đốc California. Ở San Diego, Sierra thành-lập dòng truyền-giáo đầu tiên của hệ-thống, và Portola cấp-tốc thiết-lập đồn lũy đến tận vịnh Monterey. Khi đến vịnh Báo-nguyệt, Portola kiệt-lực và mắc bệnh, phải ngừng lại, ông phái hai toán nhỏ đi thám-thính. Một toán leo lên đỉnh núi và nhìn xuống những con sông

đào dưới thấp chảy vào vịnh Cựu-Kim-Son ; toán kia đi lên phía bắc, đến mũi đất phía Nam Kim-Môn. Portola thấy chẳng có gì hào-hứng, lại quay trở về San Diego. Một đồn binh và một dòng truyền-giáo được thiết lập ở Cựu-Kim-Son năm 1776 ; cũng trong năm ấy, có 240 tay thực-dân đã thành-lập ở gần đấy, thị-trấn Yerba Buena. Khi Sam Brannan phi ngựa ngang qua thị-trấn, la lớn « Vàng ở American River ! » thì nơi đó không còn là một thị trấn của Mỹ-Tây-Cơ nữa. Nó đổi tên là Cựu-Kim-Son.

Cuối năm 1848, dân tìm vàng đổ-xô đến California. Vào cuối năm 1849, dân số California tăng vùn vụt, lên đến 100.000, không kể thổ dân Da Đỏ. Phần lớn số dân này ở những chỗ như Red Dog, Poker Flat, Rought and Ready, hay Hell's Delight. Sự đào mỏ vàng sinh lợi một cách dị thường, tuy nhiên số thợ làm mỏ quá đông ; nên một người thợ đào mỏ vàng trung-bình kiếm không đến 600 mỹ-kim mỗi năm. Những người làm giàu nhanh chóng thường - thường là những người ở ngay trong thành - phố

náo-nhiệt Cựu-Kim-Sơn và tổ chức kinh-doanh. Tàu bè ra vào vịnh không ngớt, họp thành những đoàn tàu bất tận; những tàu chở hàng nhiều khi không đến tay các thương gia chở hàng; vì số cầu quá lớn lao, nên mọi người tranh nhau mua ngay ở bến tàu.

Los Angeles, bấy giờ là thành phố lớn thứ ba ở California, dân số độ 1500, ngẫu nhiên tọa lạc ngay trên con đường phía Nam đi vào California. Dân tìm vàng đi trên Đường-mòn Tây-Ban-Nha cũ dừng chân ở đây để lấy thêm đồ tiếp tế. Tuy nhiên dân buôn ở Los Angeles không làm giàu được. Thị-trấn họ buôn bán vẫn còn là một chòm nhà mái bằng, làm bằng đất sét bụi bặm. Chẳng có gì là linh-hoạt, là vui tươi như cái thành phố nhộn nhịp ở về phía bắc.

Cuộc chiến tranh của Mễ-Tây-Cơ tại California chẳng khác chi là một hài kịch. Chiến tranh phát khởi ở phương Bắc, có danh nghĩa hân hoi và kết thúc sau khi ngọn cờ Bear Flag phấp phới trên mảnh đất của một người Tây-Ban-Nha, và người này mời những kẻ bao-vây mình vào khách sạn uống rượu. Dân Californios miền nam

còn nặng tình với Mễ-tây-Cơ đuổi người Mỹ ra khỏi thị-trấn và đánh bại luôn cả lực lượng hải-quân đến tiếp viện. Nhưng về sau họ phải đầu hàng, và chiến tranh ở California chấm dứt tháng Giêng 1847, mà không làm mất niềm hòa khí giữa hai bên.

Los Angeles ngày xưa là trung tâm diêm của nền kinh-tế nông-nghiệp và chăn-nuôi ở California, và nền kinh-tế ấy đã bị đe dọa đi đến chỗ tàn tạ. Khi Portola từ-giã San Diego đi tìm vịnh Monterey, thì cha Sierra làm việc thực-sự. Cha khởi công thiết-lập một hệ thống truyền giáo dọc theo Đại-lộ Hoàng-Gia. Khi cha Sierra từ-trần, công trình của cha được những người khác kế-tục. Kế hoạch đầu tiên hoàn-thành và 21 dòng truyền giáo chạy dài khoảng 600 dặm dọc theo Đại-Lộ Hoàng-Gia. Đất đai của mỗi dòng rất rộng lớn, thường thường trên 100.000 mẫu. Các dòng truyền giáo hồi cực thịnh có khoảng 200.000 mẫu đất trồng-trọt, 320.000 cừu, 245.000 gia-súc, và 65.000 ngựa. Sự giàu có này sinh ra tham-lam. Sau khi Mễ-Tây-Cơ thắng Tây-Ban-Nha đành được độc lập, các vị thống-dục Mễ-Tây-Cơ ở

California và bạn bè họ bắt tay vào việc ngay. Với đạo luật thế-tục-hóa tài-sản giáo hội năm 1833 qui định từ nay giáo hội thuộc về nhà nước, họ bắt đầu thu lại lần lần tài-sản ấy. Chỉ trong thời gian 15 năm, đất đai của các dòng truyền giáo chuyển từ giáo hội (và những dân da đỏ nắm quyền sở-hữu trước tiên) sang tay những sở-hữu-chủ mới.

Năm 1850. California trở thành Tiểu-Bang thứ ba mươi mốt; Một năm sau chính-phủ Hoa-Kỳ lập một ủy-hội điền-địa. Nếu trong vòng hai năm sở-hữu-chủ nào không trình bằng khoán cho ủy hội kiểm soát hay nếu bằng khoán đã được đệ-trình nhưng bị coi là thiếu khuyết vì lý-do kỹ thuật nào đó — và có hàng tá lý do như vậy — thì bằng khoán bị thu hồi. Thực ra cũng cần có biện pháp minh-định lại các bằng khoán và ranh-giới. Ranh giới trong suốt thời kỳ Tây-Ban-Nha, Mễ-Tây-Cơ chỉ có tính cách phỏng-định. Luật điền-địa của Mỹ gây sự xáo-trộn trong thị trấn Los Angeles êm-dềm và các trại chăn nuôi phụ cận.

Trong lúc đó, Cựu-kim-Sơn gặp phải một vấn đề khó khăn

riêng cho mình. Trong ba năm kể từ khi khám phá ra vàng, luật pháp và trật-tự càng ngày càng đổi tẻ. Bọn vô lại ăn núp trong các hang cùng ngõ hẻm khắp tứ phương, bồng đồ-xô vào hải-cảng hàng ngàn hàng vạn đứ. Nhóm Sidney Ducks, của hội viên cơ-quan trừng-giới Úc-Đại-Lợi, chẳng mấy chốc mà bị một bọn côn đồ ở New York đến chiếm mất quyền; bọn này tự xưng là « Ông Cò ». Cả Ducks lẫn « ông cò » cướp của, giết người, đe-dọa, tổng-tiền. Cuối cùng ý thức được hiểm họa trước mắt, hai trăm ba mươi tinh-nguyên-viên phát động phong trào vây bắt bọn « ông Cò », nhưng phần lớn tàu thoát được, những đứ bị bắt nghe đâu cũng trốn theo được đồng-bọn. Hai năm sau, hai tên cướp vào một ngân hàng và cướp một tủ sắt 2000 mỹ-kim. Bọn ăn-cướp bị tóm cò, nhưng dân chúng sợ tội phạm được tự-do như thường lệ, hùng dũng kéo 5000 người vào công viên Portsmouth Square. Sau cuộc mít-tinh này, một ủy ban tự-vệ ra đời, tự cho là « Một nhóm công-dân hữu trách, có mục đích rõ rệt là bảo vệ sinh mạng và tài sản lúc hữu sự... » Ủy ban đã khiến cho hàng trăm

tên còn đồ phải cao bay xa chạy đến những vùng khí hậu nhiều ánh mặt trời hơn.

Một trong những nơi nhiều ánh mặt trời nhất là Los Angeles, dù yên tĩnh. Ông thị-trưởng và Hội đồng thành-phố đối phó với làn sóng giết người, cướp của, trộm ngựa, và bọn xin tiền mãi lộ bằng một ủy ban Tự - vệ riêng. Những Ủy ban Miền Nam, quyết liệt hơn và phương pháp khác hẳn đã treo cổ 37 đứa. Đó là chưa kể 40 tên bị treo cổ hợp pháp ».

Các thầy cò và bọn cho vay tiền lủ lượt kéo đến, cùng một lần với Đạo-luật điền-địa; nhưng khôn khéo thay, bọn họ lại ở ngoài tầm quyền quản hạt của viên Quận-trưởng. Trong mỗi vụ án, vì phải dẫn chứng bằng-khoản của mình người trại chủ ở California bắt buộc phải tìm kiếm cổ vấn pháp-luật. Cổ vấn Pháp-luật rất tốn kém. Các thầy cò thường lợi dụng tình-thế, ép buộc trại chủ cầm cố tài sản cho họ. Đạo luật Điền-địa tuy cần thiết, nhưng đã làm khánh kiệt hàng chục trại chủ; lại thêm nạn hạn hán, khiến cho nghề chăn-nuôi gia súc ở miền Nam California phải hết thời. Nạn hạn-hán bắt đầu năm 1862 và đến năm 1864 thì xiết

chặt vùng đất miền Nam trong một gong kềm nóng bỏng. Hàng ngàn súc vật chết ngoài đồng cỏ—hơn bảy mươi phần trăm tổng số súc vật. Đạo luật Điền-địa, hạn-hán, và giá cả tại hại tiếp theo sau hạn-hán (bò con bán có 25 xu) đã chấm dứt nếp sống do quý tộc Tây-Ban-Nha gây dựng nên, cũng chấm dứt kỳ nguyên những bất động sản huy hoàng, những bầy trâu bò trên ngàn ngọn đồi, chấm dứt cuộc sống thôn dã.

Một đợt sóng mới nâng Cựu Kim-Sơn lên cao, một ngọn triều vàng và bạc dâng lên từ những hầm sâu của công-ty hầm mỏ Comstock, tràn ngập Cựu-Kim-Sơn. Một nhóm người mệnh danh là nhóm Tứ Đại, quyết tâm thực hiện một kế-hoạch làm giảm giá trị tất cả tài nguyên thiên nhiên của California và công ty Comstock gộp lại. Cừ khôi nhất trong Tứ-Đại là Collis P. Huntington; anh đến California vào những tháng đầu tiên của phong trào tìm vàng, và cũng như phần lớn dân tìm vàng tinh ranh khác, anh trở thành một thương gia. Khoảng năm 1860 anh giàu có và với những người bạn cộng-sự, Mark Hopkins, Leland Stanford, Charles Crocker,

anh đưa ra đề-án xây cất một thiết lộ từ Cựu-Kim-Sơn đến Ogden, tiểu-bang Utah.

Đề án phải trì hoãn vì nội chiến. Cả hai thượng-nghị sĩ của California đều chủ trương phân-ly, và một trong hai ông lại trận trọng đề nghị thành-lập một nước Cộng Hòa Thái-Bình-Dương độc-lập, nếu Liên Bang tan rã. Một cuộc giao tranh nhỏ bùng nổ ở Fort Sumter, và quân đội Liên Bang vội vã mang quân từ Oregon và Fort Mojave, tiến binh vào đô-thị đề trấn an.

Khi nội chiến chấm dứt; Collis P. Huntington lại tiếp tục công tác khai thác công ty Thiết lộ Trung-Bộ Thái-Bình-Dương. Các đô-thị tung mình trên không và chạm gót khi đường sắt của Công ty Trung - Bộ Thái - Bình Dương được đem ráp lại với đường sắt của công ty Liên Hiệp Thái-Bình-Dương tại Promontory, Utah, đầu tháng Năm 1869. Sau hết Cựu-Kim-Sơn thành nhà ga cuối cùng ở Thái-Bình-Dương đối với một hệ thống hỏa xa xuyên lục địa. Với của cải tràn vào đô-thị, Cựu-Kim-Sơn bỗng nhiên trở thành chủ ngân hàng của miền Tây, địa vị ấy mỗi

ngày mỗi được củng cố vững chắc.

Trong lúc ấy, thị-trấn Los Angeles bụi-bặm nhỏ bé năm sát một bên, thềm thường ngắm nhìn những bữa vật mới của đô thị miền Bắc, nhất là con đường sắt xuyên-lục-địa. Vận may hé mở. Bám víu lấy một đường vượt qua dãy núi Tchachapi, con đường sắt miền Nam Thái-Bình-Dương đã chạy tới Los Angeles ngày mồng năm tháng chín năm 1876. Hàng hỏa xa thuê những nhà hùng-biện và ký-gia miền Đông quảng cáo cho hãng Miền Nam California. Nhưng rất ít người hưởng ứng. Vào khoảng năm 1880 dân - số giảm sút, và một số người đã tiên đoán cái ngày mà Los Angeles có lẽ chỉ còn là một nhóm chòi canh bên sông. Họ không thấy những vàng mây trắng ở tận chân trời, đó là lớp bụi bay lên do những đoàn xây cất thiết-lộ Santa Fe chạy quanh-co ngang qua đèo Cajon. Khi đặt được cơ sở Nam California, hãng Santa Fe đuổi kịp đối thủ, như thể là một ván bài Poker phản phé, làm cho cả nước phải xúc động. Hãng giảm giá vé hành khách ở Kansas City về Los Angeles từ 100 Mỹ-kim, còn 95 Mỹ-kim. Khi hãng Nam bộ Thái-

Bình-Dương phản ứng lại, thì hãng Santa Fe giảm giá còn 80 Mỹ-kim, rồi sau đó lần lượt giảm giá còn 50đ, 25đ, 8đ. Hãng Nam Thái-Bình-Dương giảm giá vé còn 6 Mỹ-kim, rồi với một cử chỉ khiêu khích giảm còn 1 Mỹ-kim. Hàng ngàn người Mỹ có 1 Mỹ-kim cũng đều muốn đem ra sài. Những chuyến tàu bốn, năm xoa chất đầy tận nóc, hàng ngày phứt-phứt chạy vào Los Angeles. Giá đất tăng gấp đôi, rồi gấp ba. Dọc theo 45 dặm theo đường chính Santa Fe, giữa Los Angeles và San Bernadino, khoảng 20 dặm thành phố xuất hiện trước cuối năm 1887. Nhưng vào mùa hè năm sau, một tiếng bùm làm kinh hoàng tất cả mọi người. Thị-trấn nhỏ bé chỉ hơn một năm, đã biến thành một đô thị 80 ngàn dân. Xây cơ sở trên giá vé một mỹ-kim và trên sự đầu cơ, đô thị ấy sẽ tăng đông đến hai triệu rưỡi, và cũng rất có thể là ba triệu; sự thịnh vượng ấy dựa vào một yếu tố thời bấy giờ không ai để ý. Yếu tố đó là khí-hậu.

Đặc điểm quyết định của khí-hậu của California là Thái-Bình-Dương. Mùa hè là mùa gió tây chứa nhiều sương mù và thường

xuyên thoi ngoài đại-dương vào. Mùa đông phát sinh nhiều trận bão lốc hay có mưa to về phía bắc; nhưng càng về phía Nam mưa càng nhẹ dần. Khí hậu Thái-Bình-Dương đặc biệt rõ rệt dọc theo bờ biển và trong những thung lũng kế cận. Suốt mùa hè, những vùng này đêm nào cũng đầy mây, người ta gọi là mây vận-tốc phủ kín đen ngịt bầu trời cho mãi đến sáng hôm sau, vừa làm dịu được hơi nóng mùa hè, vừa trì hoãn được sự bốc hơi. Ảnh hưởng của những đám mây duy nhất này lan xa về phía Bắc Cựu-Kim-Son, nhưng về phía Nam California, ảnh hưởng ấy còn quan trọng hơn nữa, và mây kia lan sâu hơn vào trong nội-dịa.

Một sắc-thái độc-đáo khác của tiểu bang là kể San Andreas, một đường nứt trên mặt đất. Một trận động đất hung-mãnh đã tàn phá Cựu-Kim-Son năm 1906. Lay chuyển nhà cửa, làm rã nền móng, lửa bốc cháy lan rộng rất nhanh khắp tứ phía, và trong vòng hai ngày, trung tâm thành-phố chỉ còn là một đồng tro-tàn. Một phóng viên ở Cựu-Kim-Son, Win Irwin ghi lại những cảm-giác về thành phố ấy lúc bấy giờ: « Cựu-Kim-

Son xưa đã chết... Chẳng khác gì một thiếu-phụ đẹp, nhẹ dạ vừa mới trải qua một tấn thâm-kịch phũ-phàng. Nàng vẫn sống, nhưng bợt lẻo-loẹt và thay đổi khác hẳn. Nếu thành phố trời-dậy ra khỏi đồng tro tàn, nó phải là một đô thị tân-thời, đại loại như bao nhiêu đô-thị khác thiếu một sắc thái cổ kính. Cựu-Kim-Son tuy đã vùng dậy khỏi đồng tro tàn, thành một đô thị tân thời, nhưng không giống các đô thị khác chút nào cả. Điều quan-trọng là đô thị này không bị khủng hoảng tinh thần. Ngày nay, nó vẫn hiên ngang tin tưởng, vẫn sinh-hoạt nhộn nhịp chẳng khác gì trong quá khứ.

Ngày xưa, Cựu-Kim-Son là một cửa ngõ dân Á-Châu đi vào. Khoảng 30 ngàn Hoa-kiều đã ngang qua K n-Môn đến California. Ngày nay đô thị ấy là cửa ngõ sang Á-Châu, máy bay sang Á cất cánh về phía Tây; buôn bán quan trọng với Nhật-bản và Phi-Luật-Tân; lúa ở các thung-lũng phi nhiều Sacramento và San Joaquin, mang về tích-trữ ở đây, rồi chở sang Hồi-Quốc, Hương Cảng, và Tân-Gia-Ba. Trong những loại hàng xuất cảng quan

trọng hơn gạo người ta thấy có bông vải và máy móc do hai thung lũng sản-xuất.

Hiện nay Cựu-Kim-Son kiêu-hãnh về quá-khứ văn học và nghệ thuật của mình đồng thời cũng tự-hào về Đại-Học-Đường California ở Berkeley bên kia vịnh, một Đại học Đường chu-ên khảo cứu về Á-Châu. Và hơn hết thảy, Cựu-Kim-Son hãnh-diện về di-sản hiếu-khách của mình.

Los Angeles cũng hiếu-khách, nhưng một cách khác. Là một đô thị rộng lớn nhất thế-giới với một diện-tích khoảng 421 dặm vuông, Los Angeles đã chào mừng và làm choáng mắt vô-số dân Mỹ lại đây tìm ánh nắng mặt trời. Những dân di-cư sau cùng này đã mang theo cái hương-vị và hình-bóng chốn quê cũ gần Wabash, Missouri và Ohio. Khí hậu Los Angeles trong như khí hậu Địa-Trung-Hải, thường-thường được cho là có tính cách bán-nhiệt-đới. Không danh-từ nào đúng cả: miền này gần như khô hạn, và khó lòng phát-triển trồng trọt, nếu không mang được nước về từ rừng núi Sierra Nevada hay sông Colorado, xa cách đó

hàng trăm dặm. Hai nguồn tiếp tế nước này đã giúp hạt Los Angeles đứng bậc nhất về sản xuất nông-nghiệp, bậc nhất về trứng. Nhiều tiểu-khu lan-rộng về phía biên-giới Mẽ-Tây-Cơ, nên miền Nam California vẫn rất cần nước. Đang có một đề-án dẫn nước sông Feather River ở ngoài Tây-Bắc Cựu-Kim-Son về, với giá phí-tồn 1, 8 tỉ Mỹ-Kim. Một nguồn tiếp-tế khác dường như cũng đang có cơ thực-hiện. Ngoài khơi là Thái-Bình-Dương; và các khoa học gia tin tưởng nước biển có thể lọc lấy muối đi, rồi cung-cấp với một giá rẽ.

Los Angeles cũng còn nhiều nỗi bận tâm khác. Trước hết Los Angeles phải lệ thuộc vào kỹ nghệ chế tạo phi-cơ mỗi ngày mỗi thay đổi. Nhưng nỗi bận tâm thực ra không đáng quan trọng lắm, vì miền này dẫn dầu nước Mỹ về lọc dầu hỏa (trước đây người Tây-ban-Nha đã

thừa nhận là bán mỗi mẫu đất 2 xu, về sau sẽ thấy đất nổi trên dầu hỏa). dần dần về sản-xuất phim ảnh, vô tuyến truyền hình chế tạo máy điện tử. Los Angeles đứng hàng nhì về chế tạo vô xe, phục đồ đạc, và hơn năm trăm công ty sản xuất nhiều sản phẩm khác nữa. Trườn mình vào những rãnh núi, nằm bên trên những dòng nước, trèo lên núi đồi, Los Angeles không bao giờ hy vọng được nghỉ ngơi lâu lâu để trở thành một đô thị. Nhưng chân trời đang khép lại, và chẳng bao lâu nữa, đô-thị sẽ đổi hướng và kiến thiết cao tầng thay vì xây rộng ra, với một ý thức rõ-rệt hơn về tập trung và trường cửu. Công dân của đô-thị chưa kết nạp với nhau để thành một khối, sẽ phát triển sự thống nhất. Khi nào điều này thực hiện được nó sẽ chấm dứt cuộc tìm kiếm cái đô thị của Thế giới Tây Phương.

★

Đường Midol *Tri các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYT/BPDC



Tuần **DÂN CHÚNG**
LỊCH SỬ
XA HỘI HIỆN ĐẠI
TRANG TRẠI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

★ **NGUYỄN-VỸ**

(tiếp theo P.T. 170)

N H U N G Maurice Honel chỉ là phái-viên của Đảng Cộng-sản Pháp, mà đảng Cộng-Sản chỉ là một thành-phần của Chính phủ Mặt Trận Bình-Dân ở Paris.

Trái lại, Justin Godart, thanh-tra Lao-dộng, nhân viên Chính-phủ Mặt Trận Bình Dân Pháp, được phái sang kinh-lý Đông-Dương, mới thật là một nhân-vật chính-thức có đầy-dủ uy-tin hơn.

Vì thế nhà cầm-quyền Pháp ở «thuộc-địa» phải dành cho ông một cuộc đón tiếp trọng-thê. Các tổ-chức chính-trị và lao-dộng của dân-chúng cũng được công-khai tham-gia cuộc đón tiếp ấy.

Mục-dịch viếng thăm của Justin Godart là thâm-thập những nguyện-vọng của dân-chúng «thuộc-địa», đặc-biệt hơn hết là của giới bình-dân, thợ-thuyền, lao-dộng. Nói đúng ra, về tổ-chức chính-trị của dân-chúng chỉ có đảng Cộng-Sản là hoạt-dộng công-

khai mà thôi, tuy họ vẫn có thành-phần hoạt-động bí mật.

Còn hầu hết các đảng phái quốc-gia đều nằm trong bí-mật, và để bảo-vệ hoàn-toàn sự bí-mật ấy họ không tham-gia một phong-trào công khai nào cả, dù phong-trào có tính chất cách-mạng.

Ngay đảng Cộng sản được cơ-hội bành-trướng mạnh-mẽ, nhưng các tổ-chức thợ-thuyền của họ cũng được che đậy khéo-léo dưới hình-thức các « Hội Ái-hữu » không làm chính-trị, với mục-dịch trang thân tương trợ trong phạm vi nghề-nghiệp mà thôi. Đại khái như các « Ái-hữu Thợ đóng giày dép », « Ái-hữu thợ máy xe hơi », « Ái-hữu thợ giặt ủi », « Ái-hữu bồi bếp », v.v... Họ làm đúng theo Luật pháp hiện hành, một số người cùng nghề ký vào một lá đơn xin nhà cầm-quyền cho phép lập « Hội ái-hữu », và cam-kết tôn trọng Luật-pháp của « Nhà Nước ».

Nhưng bề trong thì họ hoạt-động bí mật theo Cộng sản, là đảng viên Cộng sản.

Đám đông người tham-gia cuộc đón tiếp Justin Godart trước nhà

ga xe-lửa Hà-nội gồm hầu hết những anh chị em các « Hội Ái-hữu » bình dân. Mỗi hội tham-gia chừng 20 người, đứng ngay hàng thẳng lối, với một tấm bảng viết bằng sơn đỏ tên của hội bằng Pháp-ngữ.

Amicale des boys et des cuisiniers (Ái-hữu Bồi Bếp), *amicale des cordonniers* (ái-hữu thợ giầy) v.v... và những tấm biểu ngữ như : *Vive le camarade Justin Godart !* (Hoan hô đồng-chí J. Godart.)

Vive le Front Populaire !

(Hoan hô mặt trận Bình dân !)

Vive le Parti Communiste Français !

(Hoan-hô đảng Cộng-sản Pháp !)
Nhưng Justin Godart là người đảng Xã-hội của Léon Blum, Thủ-Tướng Nội-Các Mặt trận Bình-Dân chứ không phải người của Đảng Cộng Sản. Những khẩu hiệu thông dụng nhất, được nêu lên cao nhất là :

— *Cơm áo tự-do*

— *No ấm tự do*

A bas le Colonialisme à la trique !

Đả đảo thực-dân dùi cui !
« Thực dân dùi-cui » là chỉ bọn cảnh sát của Thực dân hay cầm

dùi cui để đánh đập và giải tán các người biểu tình.

Justin Godart từ Paris sang Saigon rồi từ Saigon đi xe lửa tốc hành ra Hà-nội. Dĩ nhiên đại-diện của chính phủ Léon Blum, đi toa đặc biệt trong chuyến tàu suốt (train direct) Saigon-Hà-nội. Nửa giờ trước khi tàu suốt đến ga, Tuấn và vài người bạn với tư-cách nhà báo, đến ga để xem. Viên chánh Mật thám Arnoux mặc lễ-phục và đeo băng tam-sắc (xanh-trắng-đỏ, màu cờ Pháp) quần vòng nơi thắt lưng, đứng giữa sân ga.

Y đeo nơi hông một chiếc súng lục revolver đã cũ, và một chiếc túi-cui bằng cao-su sơn trắng. Nét mặt của y đầy vẻ hăm-dọa. Cuộc tập trung biểu dương lực-lượng thợ thuyền và đưa yêu sách đã được cho phép chính thức, nhưng Arnoux vẫn tỏ nét mặt hăm-hăm, quyết ra tay đàn áp nếu thợ thuyền biểu tình làm mất trật tự. Y đã bảo trước cho ban tổ chức Cộng-sản như thế.

Tuấn và hai người bạn sinh viên Cao đẳng Đông-dương ra đến trước sân ga, còn đứng xem bên góc trụ đèn đầu đường Gambetta,

liền bị Arnoux chạy tới đuổi đi. Y bảo :

— Các anh không có phận-sự gì ở đây, cút đi chỗ khác !

Dĩ nhiên y nói tiếng Pháp. Tuấn trả lời :

— Chúng tôi đến xem các ông đón rước ông Justin Godart.

— Các anh là ai ?

— Chúng tôi là sinh viên trường Cao-đẳng Đông-Dương, và cũng là nhà-báo.

— Nếu thế thì các anh phải đứng vào hàng ngũ theo trật-tự.

— Chúng tôi không có hàng ngũ. Chúng tôi chỉ đi xem chơi, với tư-cách cá-nhân.

Xe lửa tốc-hành Saigon—Hà-nội sắp tiến vào ga. Tiếng còi của nó vang lên từ ngã tư Khâm-Thiên khiến mọi người xôn-xao.

Arnoux vội vàng chạy đến cửa Ga, truyền lệnh cho nhân viên của ông độ ba chục người đang chờ nơi đây đi tản-mác đến các vị-trí tập-trung của quần chúng thợ thuyền đông-đảo, để kiểm soát những hành-động của họ lúc Justin Godart đến.

Vị đại-diện của chính phủ Mặt

trận Bình dân Pháp là một ông Tây cao lớn, ước độ 60 tuổi, nét mặt nghiêm-nghị. Trái với sự mong-muốn của đám đông bình dân sắp hàng ngũ chỉnh tề để đón tiếp và hoan-hô ông, vị đại diện của chính phủ Mặt trận Bình-dân Pháp ngồi xe hơi của Phủ Toàn-quyền, đi ngang qua hàng nghìn thợ-thuyền được hoan-hô nhiệt liệt, mà ông không bảo ngừng xe không hỏi han một câu, không nghe những nguyện vọng và yêu sách của họ.

Trong số cán-bộ điều khiển đám biểu tình đón tiếp, có một cô giáo vừa thi đỗ Tú tài Pháp, tên là Tâm-Kính, cộng sự viên một tờ báo Pháp-ngữ, tuy người không đẹp nhưng căn-bản văn-hóa rất vững, tinh thần cách mạng rất mạnh, viết và nói tiếng Pháp rất giỏi, tài hùng biện rất cao, được giới bình dân kính phục. Cô được đề cử đại diện cho toàn thể anh chị em lao động để đến chào ông Justin Godart và đưa các yêu sách « cơm, áo, tự do ». Nhưng Justin Godart ngồi trong xe hơi, phớt tình đi ngang qua, không chú ý đến cô thiếu nữ 20 tuổi mạnh dạn tiến đến xe ông. Xe của ông chỉ chạy thẳng luôn về khách sạn.

Một luồng gió thất vọng thổi qua đám biểu-tình chào mừng vị

Đại diện của Nội-Các Mặt trận Bình-dân nhưng không được ông này ngó-ngàng đến.



Tuần thấy một cảnh-tượng mỉa-mai làm sao ! Đám biểu-tình đã hăng say chuẩn-bị từ một tuần lễ trước cuộc đón tiếp đầy hứa hẹn tốt đẹp, giờ đây, sau khi chiếc xe của Justin Godart đi qua rồi, liền bị giải-tán một cách tàn-nhẫn bởi các nhân viên Mặt-thám và lính « phú-lít » dưới sự điều-khiển của Arnoux và mấy ông Cầm (1) Tây. Những biểu-ngữ « Com. Áo, Tự-do », « Vive le Front Populaire ! » « Hoan-hô Đồng-chí Justin Godart » bị gỡ ra, xếp lại và nhét trong túi quần của các

(1) Cảnh-sát Pháp dưới thời Pháp thuộc do phiên-âm của chữ Commissaire de police.

« đồng - chí » lao-cộng « An-nam-mít ».

Sự viếng thăm của Justin Godart, Đại-dien chính phủ Mặt trận-Bình-dân Pháp, không có một tiếng vang nào khác.

Hôm ông lên tàu-hỏa trở vào Nam Kỳ do chuyển tước-hành Hà nội-Sàigòn, chỉ có nhà cầm-quyền thuộc-địa ra tiễn ông tại nhà ga mà thôi.

Cuộc nổi dậy của dân chúng thợ thuyền Paris ngày 6-2-1936, kết quả lật đổ một chính phủ bất-lực của phe tư-bôn, và đưa lên chính quyền một chính phủ bình-dân do 3 đảng lớn cầm đầu. *Đảng Xã-hội* (SFIO, Section Française de l'Internationale Ouvrière, chi-nhánh Pháp của Quốc-tế Lao động. Sự

thực, toàn là những nhân-vật Tư bản và Tiểu tư sản, như kiểu Léon Blum, Justin Godart; Marius Moutet) đảng Cộng-Sản (P.C.F. Parti Communiste Français, dưới quyền điều khiển kiểm soát của Lãnh-tụ Nga, Staline), và đảng Xã-hội Cấp tiến (Parti Radical Socialiste của nhóm Henri Herriot, Nghị-Sĩ và Thị Trưởng Lyon)

Ở Việt-Nam, sự nắm chính quyền của Mặt Trận Bình Dân Pháp năm 1936, đã đem lại cho toàn thể dân chúng thuộc-địa một niềm hy-vọng lớn-lao, ngay lúc đầu tiên. Nhưng về thực-tế, không có biến-cổ nào quan-trọng ngoài một vài thay-đổi về hình-thức không có ảnh-hưởng gì đến đời sống chính trị và kinh tế, của « dân thuộc địa ».

(còn nữa)

HỖ TÍN

Chúng tôi vui mừng nhận được hồng thiệp của Bác sĩ và Bà Hoàng cơ Bình, báo tin lễ thành hôn của thứ nam là cậu HOÀNG CƠ BẢNG đẹp duyên cùng cô MAI THỊ HOA, thứ nữ của Ông Bà Mai Trung Hiếu, 20, Phan Bội Châu, Sàigòn. Hôn lễ cử hành tại Vương Cung Thánh Đường ngày 20-4-1966.

Xin thành thật mừng cùng bạn Hoàng cơ Bình và quý Phu nhân, và mến chúc đôi tân hôn được muôn nghìn hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ

NHÂN TIN NGUYỄN BÌNH TỬ TRẦN, THỬ NHẮC LẠI
NHỮNG KỶ NIỆM KỶ THỨ HỒI TIỀN CHIẾN.

những
chuyện
lãng - mạn
kỳ thú
của

NGUYỄN BÌNH

N GUYỄN-BÌNH,
tác giả «Lỡ Bước Sang
Ngang, không còn nữa».

Đài bá âm Hà Nội đã báo tin thi
sĩ từ trần.

Hồi Nhựt thuộc, Nguyễn-Bình
sống ở Sài Gòn, tôi có giao du
với anh trong phạm vi cảm-tình
văn-nghệ. Tôi được nghe anh
cho biết một vài chuyện kỳ thú
về cuộc sống nghệ-sĩ của anh.
Nhân dịp này, xin ghi chép lại
vài kỷ niệm văn chương ấy, gọi
là nén hương lòng đề nhớ lại
người bạn văn nghệ cũ.

Mỗi văn sĩ, thi sĩ có một
cuộc đời riêng, những ánh sáng
ảnh hưởng nhiều ít đến tác-phẩm
của họ.

● Tế - Xuyên

Nguyễn-Du đã « trải qua một
cuộc bẽ dâu » thì mới biết « đau
dớn lòng vì những điều trông
thấy » và để lại cho hậu thế
cuốn giai phẩm : Truyện Thúy
Kiều. A. Musset có thất tình mới
viết được những câu thơ bi đát
trong «Nuit de Mai» J. J. Rous-
seau có sống cuộc đời lêu lổng
mới để lại cuốn «Confessions».

Trong số những thi-sĩ V.N

NHỚ THI-SĨ NGUYỄN BÌNH

Có Nguyễn-Bình đã sống một
cuộc đời khác thường, nên viết
ra được mấy tác phẩm
đặc-sắc mà nay đọc lại, ai cũng
thấy lý-thú.

Những mẩu chuyện mà chúng
tôi thuật ra đây, không nhiều thì
ít đã ảnh hưởng đến tác phẩm
của Nguyễn-Bình.

Mối tình « ma » của Nguyễn-Bình

Nói đến Nguyễn-Bình hẳn
nhiều người nhớ đến bài thơ
« Viếng hồn trinh-nữ » của anh.
Sống một cuộc đời lãng mạn,
không biết có ngày mai, nhà thơ
ấy chỉ thích khóc mướn, thương
vay, buồn vì những chuyện vu
vơ những mối tình tan vỡ. Hồi
ấy khoảng 1932—1937.

Một phong trào chán nản thời
quá giới thanh niên Bắc-Hà,
chẳng khác nào « Bình thời đại »
(Le mal du siècle) đã có hồi
xâm chiếm tâm hồn thanh-niên
Pháp.

Những bài thơ lãng mạn bay
ra trên khắp mặt báo mà Nguyễn-
Bình là một trong số tác-giả.

Hồi ấy ở phố hàng Thiếc,

Hà Nội, có một thiếu nữ họ Bạch,
còn trẻ tuổi. Nàng đã thành mục-
tieu của bao nhiêu thanh niên
dòm ngó.

Nhưng người đẹp cũng như
danh tướng, thường không cho
người đời thấy lúc đầu bạc :
nàng họ Bạch đã từ già cõi trần
trong lúc còn thanh xuân đôi chín.

Nguyễn-Bình là một trong
những người đã cảm mến sắc
đẹp của người trinh nữ. Nghe
tin nàng chết, anh buồn lắm :
« Cái gì vừa mất ở đâu đây ».
Nguyễn-Bình bàng hoàng tự hỏi
rồi : « Lòng thấy mềm như rượu
quá say ». Anh bèn viết ra một
bài thơ thật bi đát tựa là « Viếng
hồn trinh nữ » đầu anh chưa
được làm quen với nàng họ
Bạch lần nào. Trong bài thơ ấy
anh khéo dùng những tiếng
« trắng » để tỏ lòng thương tiếc
một thiếu nữ còn « trong trắng »
họ « Bạch ».

Sau khi bài thơ đăng lên báo,
tác giả gửi một tờ báo cho bà
huynh cô gái mệnh bạc. Người
anh cảm động quá, bèn mời
Nguyễn-Bình đến ăn cơm.

Nhà thơ lại xin phép người

anh đi viếng mộ thiếu nữ và khóc
thảm thiết như mất một người
bạn quý. Nếu có sự thông cảm
giữa hai thế giới, chắc cô con
gái họ Bạch cũng phải bù ngùi
vì giọt lệ của người không quen
biết.

Xin trích bài « Viếng hồn trinh
nữ » ra đây, hiến bạn đọc :

Chiều về chầm chậm trong hiu
quạnh,

Tơ liễu thì nhau chầy xuống hồ.

Tôi thấy quanh tôi và tất cả

Châu thành Hà-nội chít khăn
sô,

Nước mắt chạy quanh tình thất
lại.

Giờ đây tôi khóc một người về,

Giờ đây tôi thấy lòng cay đắng,

Như có ai mời chén biệt ly !

Sáng nay vô số lá vàng rơi.

Người gái trinh kia đã chết rồi !

Có một chiếc xe màu trắng đục

Hai con ngựa trắng xếp hàng đôi,

Đem đi một chiếc quan tài trắng

Và những vòng hoa trắng lạnh
người.

Theo gót những người khăn áo
trắng

Khóc hồn trinh trắng mãi không
thôi.

Đề đưa nàng đến nghĩa trang này

Nàng tới đây rồi ở lại đây

Ồ nhỉ ? hôm nay là mấy nhỉ ?

Suốt đời tôi nhớ mãi hôm nay.

Sáng nay sau một cơn mưa lớn,

Hà nội bừng lên những nắng
vàng.

Có những cô nàng trinh trắng lắm

Buồn rầu theo gót bánh xe tang

Thế là xa cách mãi mà thôi

Tìm thấy làm sao được bóng người

Vừa mới hôm nào còn thềm thềm

Tay cầm sấp đồ để lên môi...

Chiếc áo màu xanh tựa nước hồ,

Nàng vừa may với gió đầu thu ;

Gió thu còn lại bao nhiêu gió,

Chiếc áo giờ đây ở dưới mồ.

Chắc hẳn những đêm như đêm
qua.

Nàng còn say mộng ở chốn hoa ;

Chấn hoa ướp một trời xuân
sắc.

Cho tới tận canh, tan trống gà...

Chắc hẳn những đêm như đêm kia

Nửa đêm lạnh lạnh gió thu về,

Nàng còn thao thức ôm cho chặt

Chiếc áo nhung mềm tựa giấc mê.

Nhưng sáng hôm nay nàng lặng
vui,

Máu đào ngừng lại ở nơi tìm

Mẹ già xé với vành khăn trắng.

Quần vội lên đầu mấy đứa em,

Người mẹ già kia tuổi đã nhiều,

Đã từng đau khổ biết bao nhiêu ;

Mà nay lại khóc thêm lần nữa.

Nước mắt còn đâu buôi xé chiều ?

Những đứa em kia chưa khóc ai,

Mà nay lại khóc một người rồi,

Mà nay trên những môi ngoan
ấy

Chẳng được bao giờ gọi « chị ơi ! »

Nàng đã qua đời để bữa nay,

Có chàng đi hóng gió heo may,

Bên đường để mặc mưa rơi ướt,

Đếm mãi bàng quơ những gót
giày.

Người ấy hình như có biết nàng,

Có lần toan tính chuyện sang
ngang.

Nhưng hờn nàng tựa con thuyền
bé.

Đã cảm ngàn thu ở suối vàng,

Có gì vừa mất ở đâu đây ;

Lòng thấy mềm hơn, sự quá say,

Hốt hoảng chàng tìm trong bóng
tối,

Bàn tay lại nắm phải bàn tay,

Chỉ một vài ba năm, thế rồi...

Người ta thương nhớ có ngần thôi.

Người ta nhắc đến tên nàng để
vui,

Kể chuyện nàng như một chuyện
vui,

Tôi với nàng đây không biết nhau,

Mà tôi thương nhớ bởi vì đâu ?

Mỹ nhận tự cô như danh tướng

Bất hứa nhân gian kiến bạc đầu

Kết duyên với Ma

Thương nhớ người chết đã
quen rồi, Nguyễn-Bính lại có lần
muốn kết-duyên với một,.. người
chết nữa.

Một hôm, anh nảy ra cái ý
kiến khác đời :

Anh đến mộ-địa Bạch-Mai,
Hà-nội, tìm một năm mồ mới
đắp, có tấm bia ghi tên một thiếu
nữ mới 18 tuổi. Chẳng biết thiếu
nữ xấu đẹp ra sao, chết vì bệnh
gì, anh cứ việc thương khóc như...
khóc vợ.

Anh mua một tràng bông có
ghi tên anh và đem đặt trên mồ.
Hằng ngày anh đến mộ-địa thắp
nhang, tưởng niệm người quá
cổ. Thật là mối tình vu-vơ, lãng
mạn. Song cũng nhờ mối tình
ấy mà anh có cảm hứng viết
được một bài truyện ngắn tả
cảm tưởng của một người ốm
« Mối tình ma ».

Sau Nguyễn-Bính rời Hà-nội,
vào Saigon. Nhiều người ở Sài-

gòn mền thi tài của anh có giúp đỡ anh nhiều ít để sống.

Một đại thương gia mở tao đàn, thường mời Nguyễn-Bính tới bình văn.

Nhà thơ lãng-mạng có tánh tiêu tiền rất huy-hoặc. Thương-gia kia « viện trợ » cho anh nhiều lần mà anh vẫn túng thiếu. Thét rồi, ông ta tỏ vẻ giận Nguyễn-Bính. Hồi ấy đang thời Nhật-thuộc, thương-gia ấy buôn bán với Nhật, giàu có lớn. Số tiền ông giúp cho Nguyễn-Bính chỉ là một vài hột cát trong núi bạc của ông.

Nguyễn-Bính thấy nhà buôn đánh giá thi văn rẻ hơn món hàng Nhật-bồn, anh bèn nổi dóa nói với ông kia : « Cả đời tôi đau khổ để có ít bài thi cho anh ngâm đọc, chẳng quý bằng cái tù sắt mà cả đời anh tận tụy thờ phụng hay sao ? »

Sau đó, Nguyễn-Bính tuyệt giao với thương gia bằng 4 câu thi được truyền khẩu trong đám bạn hữu của hai bên :

*Trọc phú ti-toe bàn chánh trị
Đi già tập tành nói văn chương*

(1)

Đã coi đồng bạc to như núi

*Còn học đòi theo thói mạnh
thường*

Cái tâm-trạng cay-cú những tay trọc-phú còn xuất hiện ở thơ Nguyễn-Bính một lần nữa, khi tôi làm Chủ bút tờ « Dân Báo » ra hàng ngày. Muốn anh có chút tiền tiêu Tết trong cái năm Ất-Dậu (1945) tôi đề-nghị anh viết giúp cho tờ báo Xuân một bài thơ. Anh nhận lời và đòi đúng 25 đồng bạc (Năm ấy tờ Dân-Báo Xuân bán có 3 đồng thì số tiền nhuận bút 25 đồng không phải nhỏ). Tôi nhận lời « mua » song ông chủ-nhiệm tờ báo có ý cho là cao quá, yêu-cầu thi-sĩ rút bớt số tiền này xuống. Nguyễn-Bính cương quyết đòi đủ mới viết. Kết cuộc tòa-sạn cũng ưng-thuận giá của anh.

Bài thơ của anh đưa đăng báo có tựa là « Sao chẳng về đây » tả cảnh Tết của một thi-sĩ nghèo và có câu :

*Làm thơ đem bán cho thiên hạ
Thiên-hạ đem thơ đọ với tiền.*

Tôi biết Nguyễn-Bính cảm-túc thái độ ông Chủ-nhiệm báo

(1) *Ám chỉ em gái nhà phú thương ấy.*

tôi nên mới thốt ra hai câu ấy. Tôi thảo luận với anh và xin anh sửa đổi, anh bèn gạch bỏ hai câu ấy mà sửa lại.

*Xót xa một buổi soi gương cũ,
Thấy lệch bao nhiêu mặt chữ điền.*

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, toàn dân nổi dậy kháng chiến chống thực dân Pháp mưu toan trở lại. Mỗi người đi một ngả, sau nghe tin Nguyễn-Bính ra Bắc, tôi tưởng nhớ lại tâm trạng cay-cú của anh đối với bọn người trọc phú đã gây cho

anh một ấn-tượng xấu ở miền quốc-gia tự do này, nên anh mới nhìn vào cái áo-ảnh « Thiên đảng Cộng sản » chẳng ? Biết bao nhà xuất bản đã làm giàu lớn nhờ các văn nghệ sĩ và biết bao văn nghệ sĩ đã rút ruột tâm đề đến một ngày kia có người chết vì ho lao hay chết trên giường bệnh vì thiếu thuốc men.

Nguyễn-Bính phải ra Bắc, biết đâu chẳng vì quá thất vọng với những nhà trọc phú mà anh đã gặp phải.

● Một nhà cách mạng kỳ quái

Gần đây báo chí ở Buenos-Aires loan tin một thanh niên 18 tuổi bị bắt quả tang ăn trộm xe hơi.

Cậu ta đã thú nhận trong 8 ngày vừa qua đã ăn trộm được 19 xe hơi.

Ông Cò hỏi :

— Anh đem bán cả à ?

Cậu trẻ môi khinh bỉ :

— Túng đói gì mà bán ! Lấy được xe, lái ra ngoài ô và cho xe tông đầu vào mấy tảng đá lớn hai bên lộ.

— Để làm gì ?

— Để dạy cho loài người sửa đổi lại tánh tình một khi mà họ có thể bỏ chuyện xa hoa để trở về tập tành lại việc đi bộ. Tôi muốn gây một phong trào cách mạng mới, cải tạo xã-hội này.

• LỬA TÌNH

★ Trần-Quán-Kiệt

(tiếp PT 170 và hết)

DUNG nằm bên cạnh chồng, im lặng. Tâm trí nàng bàng hoàng nhớ tới ngày gặp gỡ đầu tiên giữa hai người. Bây giờ đã có con, cuộc đời cũng không thay đổi gì hơn. Nàng bỗng nhiên chần nản bật thành một tiếng cười chua chát.

Triệu quay nhìn vợ. Ngạc nhiên :

— Vì sao em cười?

Dung :

— Em không biết nữa.

Triệu băng-khuàng :

— Em trêu anh ư ?

— Nào ?

— Trong lúc anh kể chuyện em lại đùa.

— Em không đùa với anh.

Dung nghiêm nét mặt nói như vậy.

Vì sợ nàng giận :

— Nếu em không chế riều anh, em không cười vì giận tức

anh, em nói cho anh biết vì sao em cười.

Dung lộ vẻ buồn :

— Em cười vì đời.

Triệu lắc đầu :

— Đời có nhiều chuyện lắm.

Cười hay khóc đều như nhau.

— Như nhau sao được. Dung nói.

Triệu lay vai nàng :

— Chúng ta bỏ qua chuyện bàn luận đó. Việc đời hơi đầu mà bàn.

— Nhưng nó ăn mòn lòng dạ người ta.

— Còn lòng anh, anh thấy nó răn ròi lại.

— Hừ ! răn ròi. Anh là đàn ông.

Triệu ngồi lên nhìn vào mặt Dung. Vẻ đen láy rục lên màu sắc của một thứ tình yêu thương lạ lùng :

— Thế nào ?

LỬA TÌNH

Dung chẳng trả lời nữa ; Triệu khẽ cúi xuống hôn vào mắt nàng. Dung quay sang bên cạnh. Nàng nhìn những bóng nhảy múa chập chờn trên vách. Giống như một thứ ảo ảnh của đời sống. Nàng định cười tóe lên, cười lớn. Nhưng chợt nhớ lại có Triệu. Người chồng sẽ cho nàng điên mất. Nàng nghĩ chồng đi bấy lâu, xa cách nhau, dù một hôm mà lầm lỗi, cũng không thể đòi được sự cay cực, nguy khốn của chàng lúc ngoài mặt trận. Nàng muốn nói lời xin lỗi chồng, vì Triệu vẫn lo cho vợ con, không thảng nào chồng nàng không gửi thơ về thăm nom gia đình.

Nhưng Dung thấy bẽn lèn. Từ bao lâu rồi nàng không bước chân vào những nơi ồn-ào, không sống chung với những người đua tranh, những hạng ăn chơi, những kẻ lừa đảo. Nàng trở thành một người đàn bà ngoan hiền. Biết yêu thương chồng, biết lo lắng con, và biết xét việc làm trong sạch hay gian dối.

Con chim giang hồ không bay nữa. Hạnh phúc sẽ bắt đầu rong lúc xây tổ ấm. Nàng đã có

tổ, nàng đã được yêu chuộng. Tình thần nàng đã hướng đến một sự cao cả và hy sinh cho con cái.

— Dung ơi, đừng giận anh nữa. Anh vẫn yêu quý em. Và em, em như người vợ ngoan hiền trong gia đình.

— Em buồn lắm anh ạ ! Dung quay lại nói khẽ bên tai chồng.

Triệu áp má vào ngực nàng, chùi đầu vào lòng nàng, âu yếm :

— Hãy vui vẻ, hãy sung sướng lên. Anh yêu em lắm.

Dung hồi hộp lạ. Lâu lắm rồi, chồng nàng không hề nói tiếng đó bên nàng. Chồng nàng đi xa, tình yêu vì thế mà chia cách, mà vui bớt nồng nàn. Nàng nghĩ lại và nói :

— Anh còn bao giờ đi nữa không ?

Triệu lắc đầu trầm ngâm :

— Đi... em hỏi như thế có ích gì ?

— Em không muốn anh đi nữa.

— Ai yêu nhau cũng thế cả em ạ. Nhưng...

— Anh muốn bảo còn đi ư ?

Triệu lại lắc đầu. Nhìn vợ. Nghĩ tới con. Chàng muốn bật

lên thành tiếng kêu thống thiết :
« Ngày Mai ! »

— Thế nào anh ?

Triệu ôm chặt lấy vợ :

— Em ơi...nếu anh nói thật.

Dung không muốn chông bạn
bịu :

— Hay vì công vụ.

— Việc đó hiền nhiên lắm!

— Em không buồn vì việc đó,
Em chỉ lo...

Triệu ngắt lời :

— Em lo anh lại mèo mỗ chứ
gì ?

— Em không nghĩ như vậy
đâu. Em sợ ngày mai anh đi xa.

Triệu lại cảm thấy buồn hơn,
lời nàng như một vùng bóng
đêm tràn ngập trong tâm hồn
Triệu. Chàng cố giữ điềm nhiên :

ngồi yên bên vợ, chàng cảm
thấy có một nỗi sầu gì bốc dậy
như mây mù, xa xôi, lưu luyến
và kéo níu linh hồn người mỗi
lúc một xa xôi, cuối cùng chàng
thốt lời :

— Cứ bình tĩnh sống là tốt
nhứt. Ngày mai... đời người
biết sao mà lường. Nhưng điều
cốt yếu là cái sống thân yêu
nhau từ bây giờ đó em. Thân
yêu với tất cả mọi người và bằng
lòng bỏ qua tất cả tội lỗi của
nhau. Tâm hồn chúng ta đều trao
trọn vẹn cho nhau. Chỉ có lúc
này thôi. Rồi mọi sự sẽ yên ổn
tất cả em ạ... sóng gió sẽ qua
bởi chúng ta còn yêu và
còn biết thương mến nhau, tha
thứ nhau luôn.

HẾT

SẮP PHÁT HÀNH

THÁNG
NĂM
SÀU

THƠ

■ PHƯƠNG - DUYÊN



* Của Ô. Nguyễn-xuân-Tĩnh, Cần Thơ

Thưa ông Chủ bút,

Đọc Phò-Thông số 168, tôi xin góp vài ý kiến sau đây.

Về bài « Tuấn, chàng trai nước Việt » tôi nhớ đảng Cộng-sản có
hai tờ báo Việt là Thời-Báo do Trần huy Liệu làm chủ nhiệm (Liệu
tức là ký-giả Nam-Kiều của tờ Lục-Tinh, Tân-văn), và tờ Thời-Thế
của Trần-dinh-Tri ; còn có tờ báo Pháp ngữ là Notre Voix của
Phan-Bôi, em Phan-Thanh. Hồi ấy, tổng thư-ký hội Truyền bá Quốc-
ngữ là Phan-Thanh, cháu Ông Phan Khôi và Ông Sở Cường, còn
Đảng-xuân-Khu là hội-viên thành phố Hanội.

Trong bài « gốc tích thành Lôi » tác-giả có dẫn câu ca-dao nói
về Huyền-Trân Công-chúa :

« Tiếc thay cây quế trên rừng,

Đề cho thặng Mán thặng Mưòng nó leo »

Sự thật câu ấy có từ đời Lý-nhân-Tôn, sau khi vua gả công
chúa Khánh-Vân cho một tù-trường miền ngược. Bởi thế trong câu ca
đao mới có những chữ rừng, Mán, Mưòng.

Kính thư

Nguyễn xuân Tĩnh

Nha-sĩ Ty Y-Tế Cần-thơ

* của cô Tôn nữ Diệu Linh, phi cảng T.S.N. Saigon.

Kính thưa Anh,

Em xin anh trả lời thành thật cho em biết có phải cách đời họ
chư sau đây là sai không ?

— Nguyễn Phước Bửu-Hội.

— Nguyễn Phước Tôn-thất-Hạnh,

Theo ngụ ý của em, nếu ông Bửu Hội và ông Tôn-thất-Hạnh muốn từ bỏ Hoàng-tộc để chứng tỏ rằng ta đây « tiến bộ », không còn dính líu đến phong kiến hủ lậu nữa, thì cứ việc bỏ quách cái họ « Bửu » và « Tôn thất » đi, mà lấy hẳn họ « Nguyễn phước », nào ai dám nói chi ! Trước khi lên ngôi vua, Gia-Long lấy tên họ là Nguyễn phước Ánh đó thì sao ? Ngày nay muốn đứng về phe « nhân dân » các ông cứ việc sửa họ lại là

— Nguyễn phước Hội

— Nguyễn-phước Hạnh,

cũng như « Bá tánh », cố phải là « bình dân » và « tiến-bộ », hay biết bao nhiêu ! Sao lại đã bình dân « Nguyễn Phúc » rồi lại còn tiếc rẻ cái « Bửu » và cái « Tôn thất » phong kiến kia nữa làm chi nữa ? Kính thưa anh Nguyễn Vỹ, « Nguyễn-phước Bửu-Hội » và « Nguyễn-phước Tôn-thất-Hạnh » là bà con rất gần với em trong « Hoàng-tộc », một ông là nhà « Bác-học », một ông là « Giáo sư », chứ không phải ai xa lạ. Nhưng chính vì cái trình độ trí-thức rất cao của hai ông ấy mà em phải lên tiếng để đả-kích những kẻ trí-thức troang Hoàng-tộc làm một việc vô-ý-thức. Riêng em, nếu một ngày kia em muốn bỏ cái họ Hoàng-phái, thì em đổi là Nguyễn thị Diệu Linh, còn nếu em cứ giữ cái họ của gia-đình nhà em thì em không cần thêm vào Nguyễn thị Tôn-Nữ Diệu Linh.

Tụi em, (vì không phải riêng em) mà một số đông con gái cùng họ, xin Anh cho biết ý kiến, và mượn cột báo Phổ Thông thân yêu để trình bày quan-điểm của chúng em.

Xin thành thật cảm ơn Anh. Kính mến,

Tôn nữ Diệu Linh

và một số đông bạn gái cùng một hệ tộc

Đáp. — Chúng tôi không có ý kiến về vấn đề này, nhưng vui lòng đăng thư của quý bạn với tính cách hoàn toàn vô tư.



xin đọc :

NGHỆ THUẬT

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

giai phẩm

HOA NẮNG

Phụ trách Mỹ-Thuật : Họa-sĩ VĨNH AN
Thư-ký tòa-soạn : CÔ PHƯƠNG ANH
Chủ-trương biên-tập : NGUYỄN THÁI
PHẠM CÔNG THIÊN

Sẽ phát hành vào tháng 5 năm 1966.

Bài vở xin gửi về tòa soạn trước ngày 30-4-66 và xin đề :
CÔ PHƯƠNG ANH 8, rue Guy de la Brosse, PARIS 5^e (France)

ĐÃ PHÁT HÀNH

khung trời tưởng nhớ

thi phẩm III của HOÀNG NGỌC LIÊN
tranh bìa của Họa sĩ HIẾU-ĐỆ

Độc giả muốn mua sách có chữ ký của Tác Giả, xin liên lạc
ông H.N.L. Hộp Thư 610, Saigon.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Try sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hay hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KẸO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRI-ỐC
NGỪA NHIỄM ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

Cần Đến kinh kỳ, Bao hần đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « **ÔNG TIÊN** ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228! Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** » Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ ĐƯỜNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ dùng **Kim Xiển-Đơn** hiệu « **con Ve** » mau hết.

● **AI BỊ BỊNH HO :**

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm bở phôi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

EM NHỎ NÔNG!

Stay healthy for your baby

THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(PAKEMID KQ)

NHA THUỐC TÂY

KIM-QUAN
SỞ SÁNG CHẾ VIỆT NAM

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản

SAIGON

Số K. D. 1013 ngày 3-5-66

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 4

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon